

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Vũ Trọng Phụng (I)**

#### **Tiểu sử & Tác phẩm**

(Xem *Vài hàng về tác giả I & II*)



tranh họa sĩ Chóe  
Nguyễn Hải Chí

### **Mục Lục**

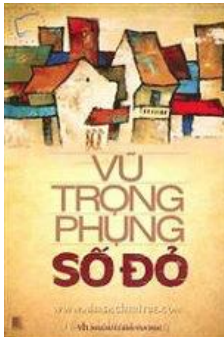
Vài hàng về tác giả I & II	– 2
Gia thế ông Vũ Trọng Phụng - Ngô Tất Tố	- 3
Vũ Trọng Phụng – Tô Hoài	– 6
<b>Xuân Tóc Đỏ với bà Phó Đoan</b>	<b>– 7</b>
Điều văn đọc trong lễ tang Vũ Trọng Phụng – Lưu Trọng Lư	– 9
Một đêm họp đưa ma Phụng – Nguyễn Tuân	- 12
<b>Số đỏ</b>	<b>- 16</b>
Bố tôi: Ông Vũ Trọng Phụng – Vũ Trọng Khanh	- 23
Mấy suy nghĩ từ cuộc đời và... Vũ Trọng Phụng – Nguyễn Đăng Mạnh	– 26
<b>Kỹ nghệ lấy Tây</b>	<b>– 31</b>
Nhớ và nghĩ về Vũ Trọng Phụng – Bùi Huy Phồn	- 34
Đọc lại <i>Giông Tố</i> của Vũ Trọng Phụng – Nguyễn Đăng Mạnh	- 38

### **Phụ đính**

<b>Con người điều tra</b>	<b>– 42</b>
<b>Máu mê</b>	<b>- 48</b>
<b>Thư gửi ông Thái Phi, chủ báo Tin Văn về bài “Văn chương dâm uế”</b>	<b>- 53</b>
<b>Chống nạng lên đường</b>	<b>- 55</b>

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả I Wikipedia



Vũ Trọng Phụng (1912-1939) là một nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Tuy thời gian cầm bút rất ngắn ngủi, với tác phẩm đầu tiên là truyện ngắn *Chống nạng lên đường* đăng trên Ngọ báo vào năm 1930, ông đã để lại một kho tác phẩm đáng kinh ngạc: hơn 30 truyện ngắn, 9 tập tiểu thuyết, 9 tập phóng sự, 7 vở kịch, cùng 1 bản dịch vở kịch từ tiếng Pháp, một số bài viết phê bình, tranh luận văn học và hàng trăm bài báo viết về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa. Một số trích đoạn tác phẩm của ông trong các tác phẩm *Số đỏ* và *Giông Tố* đã được đưa vào sách giáo khoa môn Ngữ văn của Việt Nam.

Nổi tiếng với giọng văn trào phúng châm biếm xã hội của mình, một số người đã so sánh ông như Balzac của Việt Nam. Tuy nhiên, cũng vì phong cách "tả chân" và yếu tố tình dục trong tác phẩm mà khi sinh thời ông đã bị chính quyền bảo hộ Pháp tại Hà Nội gọi ra tòa vì "tội tổn thương phong hóa" (outrage aux bonnes moeurs).

Về sau này, tác phẩm của ông lại bị cấm in, cấm đọc vì là "tác phẩm suy đồi" tại miền Bắc Việt Nam và Việt Nam thống nhất cho đến tận cuối những năm 1980.

### Thân thế và sự nghiệp

---

Vũ Trọng Phụng sinh ngày 20 tháng 10 năm 1912, quê ở làng Hảo (nay là thị trấn Bàn Yên Nhân), huyện huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên nhưng ông sinh ra, lớn lên và mất tại Hà Nội. Cha ông là Vũ Văn Lân làm thợ điện ở *Ga-ra Charles Boillot*, mất sớm khi ông mới được 7 tháng tuổi, Vũ Trọng Phụng được mẹ là bà Phạm Thị Khách ở vậy tần tảo nuôi con ăn học<sup>[7]</sup>. Sau khi học hết tiểu học tại trường Hàng Vôi, Vũ Trọng Phụng phải thôi học để đi làm kiếm sống vào khoảng năm 14 tuổi. Ông có may mắn được hưởng thụ chế độ giáo dục mới do Toàn quyền Pháp Albert Sarraut đề xướng, miễn phí hoàn toàn trong sáu năm tiểu học, và là một trong những lứa thanh niên Việt Nam đầu tiên được giáo dục bằng tiếng Pháp và chữ Quốc Ngữ<sup>[8]</sup>, đó là nguyên nhân khiến ông luôn thần tượng nền văn hóa Pháp và là lớp nhà văn tích cực truyền bá văn học chữ Quốc Ngữ<sup>[9]</sup>. Sau hai năm làm ở các sở tư như nhà hàng Gôđa, nhà in IDEO (Viễn Đông), ông chuyển hẳn sang làm báo, viết văn chuyên nghiệp.

Năm 1930, Vũ Trọng Phụng đã có truyện ngắn đầu tay *Chống nạng lên đường* đăng trên tờ *Ngọ Báo*. Bắt đầu ông viết một số truyện ngắn, nhưng không được chú ý. Năm 1931, ông viết vở kịch *Không một tiếng vang*, thì bắt đầu gây được sự quan tâm của bạn đọc. Năm 1934, Vũ Trọng Phụng mới cho ra mắt cuốn tiểu thuyết tâm lý đầu tay *Dứt tình* đăng trên tờ *Hải Phòng tuần báo*.

Năm 1936, ngòi bút tiểu thuyết của ông nở rộ, chỉ trong vòng một năm, bốn cuốn tiểu thuyết lần lượt xuất hiện trên các báo, thu hút sự chú ý của công chúng. Cả bốn tiểu thuyết *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê* và *Làm đĩ* đều hiện thực, đi sâu vào các vấn đề xã hội. Trong đó *Số đỏ* xuất sắc hơn cả, được xem như tác phẩm lớn nhất của Vũ Trọng Phụng<sup>[4]</sup>, một vài nhân vật, câu nói trong *Số đỏ* đã đi vào ngôn ngữ đời sống hằng ngày.

Là một nhà báo, Vũ Trọng Phụng đã viết nhiều phóng sự nổi tiếng. Với phóng sự đầu tay *Cơm bẫy người* (1933) đăng báo *Nhật Tân* dưới bút danh Thiên Hư, Vũ Trọng Phụng đã gây được sự chú ý của dư luận đương thời. Năm 1934, báo *Nhật Tân* cho đăng *Kỹ nghệ lấy Tây*. Với hai phóng sự đó, Vũ Đình Chí và Vũ Bằng đã cho ông là một trong hàng vài ba "nhà văn mở đầu cho nghề phóng sự của nước ta". Những phóng sự tiếp theo như *Cơm thầy cơm cô*, *Lục si* đã góp phần tạo nên danh hiệu "ông vua phóng sự của đất Bắc" cho Vũ Trọng Phụng. Những tiểu thuyết và phóng sự của ông cũng nhận được nhiều ý kiến phản bác.

Từ năm 1936 đến khi Vũ Trọng Phụng qua đời năm 1939, đã nổ ra cuộc tranh luận xung quanh vấn đề "Dâm hay không Dâm" trong các tiểu thuyết, phóng sự của ông. Cả đời Vũ Trọng Phụng sống trong nghèo khổ. Vì còn bà nội và mẹ già nên dù lao động cật lực, ngòi bút của ông vẫn không đủ nuôi gia đình. Tuy viết về nhiều các tệ nạn, thói ăn chơi nhưng Vũ Trọng Phụng là một người đạo đức và sống rất kham khổ. Vì vậy ông mắc bệnh lao phổi. Những ngày cuối đời, trên giường bệnh ông từng phải thốt lên với Vũ Bằng: "*Nếu mỗi ngày tôi có một miếng bít tết để ăn thì đâu có phải chết non như thế này.*"

Vợ ông, bà Vũ Mỹ Lương, tên thường gọi là bà Gái, là con người vợ thứ tư của cụ Cửu Tích, một nhà tư sản có cửa hàng thuốc ở phố Hàng Bạc. Sau khi làm đám cưới vào ngày 23 tháng 1 năm 1938, hai vợ chồng đã cùng thuê nhà ở phố Hàng Bạc.

Ông mất ngày 13 tháng 10 năm 1939, khi mới 27 tuổi, để lại gia đình còn bà nội, mẹ đẻ, vợ và người con gái chưa đầy 1 tuổi tên là Vũ Mỹ Hằng.

\*\*\*

## Gia thế ông Vũ Trọng Phụng Ngô Tất Tố

Hình như riêng ở phương Đông, cái nghèo cũng là cái trường đúc nên văn sĩ.

Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha, mấy tay văn thơ có tiếng ở Tàu ngày xưa đều ở "trường nghèo" mà ra. Nghèo nhất thì là Đỗ Phủ, Đào Tiềm... Đào đã có lúc phải đi ăn xin, Đỗ đã bị một đứa con trai chết đói.

Ở ta cũng vậy. Trong hồi gần đây, ông Trần Tế Xương, "một tuồng rách rưới con như bố", ông Nghiêm Phúc Đồng "chạy ăn từng bữa mướt mồ hôi". Ông Nguyễn Khắc Hiếu tuy có xã hội giúp đỡ, trước khi nhắm mắt, một số đồ đạc cũng bị tịch thu vì thiếu tiền nhà.

Thì ra trong cái non nước Đông Phương, những người giàu có, không ai lọt vào cổng làng văn. Hoặc có, cũng là một số hú họa.

Cái đó không có chi lạ. Giàu thì cơm no, cật ấm, ruột gan lú lúp, người ta còn chứa học vấn, tư tưởng vào đâu?

Vậy là riêng ở phương Đông đã có đạo nhất định: Phú quý thì không thể làm nhà văn. Đã làm

nhà văn thì đừng mong gì phú quý. Đạo luật đó cũng giống câu Dương Hóa nói trong Mạnh Tử: “Vi phú bất nhân, vi nhân bất phú”.

Thế cũng phải. Cái người đã có tư tưởng học vấn để làm thỏa mãn tinh thần của mình, nếu lại giàu về tiền tài, chẳng là chiếm hết hạnh phúc của nhân loại! Trong đạo thừa trừ của tạo vật, không thể có sự bất công như thế.

Bởi vì chắc có luật ấy nên tôi không hề phàn nàn điều gì về thân thế ông Vũ Trọng Phụng.

Trong các nhân vật làng văn hiện thời, ông Phụng là người nghèo lắm. Khắc hẳn những ông Trần Tế Xương và Nghiêm Phúc Đồng, cái nghèo của ông Phụng lại là thể “nghèo gia truyền”, không phải “nghèo lỗi”.

Nhưng người hiếu danh thường hay giấu giếm, gia thế, nếu như tiền nhân nhà họ không có người nào hiển đạt. Ông Phụng không có óc ấy, chính ông kể cho tôi biết tổ phụ ông chỉ làm lý trưởng, thân phụ ông chỉ là một người thường dân và đã tạ thế từ khi ông mới bảy tháng, tổ phụ ông mới ngoài sáu mươi. Ở nơi quê quán, ông không có lấy một tấc đất cắm dùi và đã lâu nay, vì khi ông bước chân tới.

“Tư tưởng xã hội của tôi nó đã kết lại từ trong mạch máu”.

Có lần ông nói với tôi như thế.

Người khác nghe những chuyện đó, có lẽ sẽ cho là ông xấu số. Nhưng tôi, tôi nhận thấy chính là cái may của ông.

Thật vậy.

Nếu được sinh trưởng vào nhà phú quý, hay được học hành thi đỗ, có một việc làm cao lương, thì ông cũng đến làm một cậu ấm phá của, hay một ông chủ xe hơi nhà lầu, xã hội ai còn biết ông là ai, tôi đâu có bạn với ông?

Nhờ về trong máu sẵn có tư tưởng xã hội, ông mới nên một nhà văn xã hội, để sản xuất cho người đời một số tác phẩm đáng khóc và đáng cười. Thế là cái nghèo gia truyền của ông có thể kể là một hòn đá tảng trong nền văn học sử của nước nhà vậy.

Tôi biết ông mới từ hồi làm báo Công dân, cách đây độ bốn, năm năm chi đó. Hồi ấy có lẽ là hồi quần bách nhất trong đời ông, vì rằng, ngoài báo Công dân ông không có chỗ làm nào khác, mà báo Công dân thì lại chỉ là cơ quan của một bọn anh em nhà văn nghèo dùm rau, dùm bắp làm với nhau, ít khi trả tiền in rồi, trong két được có tiền thừa mà trả cho người cầm bút.

Thế nhưng, ông cũng không tỏ ra mình cần tiền. Mỗi khi ở Gia Lâm sang nhà báo, ông cứ cặm cụi cuốc bộ đi, lại cuốc bộ về, hôm nào mỏi lắm mới lấy năm xu đi xe.

Một điều quan trọng hơn nữa là đời ông luôn luôn thấy sự túng thiếu, nhưng không lúc nào ông tự đem sự túng thiếu của mình mà làm phiền lụy người nào, dù khi túng thiếu cực điểm cũng vậy.

Từ bữa nghe ông tạ thế, chẳng riêng gì các bè bạn, phần nhiều độc giả các sách của ông đều lấy làm thương tiếc. Ngoài sự ái ngại cho cái gia đình thảm đạm của ông, người ta còn ái ngại cho cái số mệnh ngắn ngủi của ông là khác.

Đành rằng vậy. Trong một thế giới lắm người bảy tám, chín mười, mà ông chỉ được có hai mươi tám tuổi, kể cũng thiệt thòi nhiều lắm.

Tuy vậy, vị tất ông đã chết non.

Đối với vũ trụ vô cùng vô tận, hai mươi tám tuổi với tám chín mười tuổi không thể kể là ít với nhiều. Vì vậy, Trang Tử mới bảo Bành Tổ là yếu mà đứa trẻ con chết đẹn là thọ.

Thọ hay yếu, không quan hệ với với cái sống nhiều sống ít, nó quan hệ ở chỗ có gì để cho đời sau hay không. Xã hội chỉ thiếu những người làm nên công nghiệp, không thiếu những ông ăn nước thịt ép và bú sữa người. Ngoảnh lại mà xem, những ông bú sữa người và ăn nước thịt ép ngày xưa, đến nay còn có gì là di tích?

Ông Phụng tuy chết, mười mấy tác phẩm của ông vẫn còn sống với mai sau. Thế cũng là thọ.

Nhớ ông, thương ông, tôi cũng như các bạn của ông, nhưng không kể ông là người không thọ. Cái mà tôi lấy làm ân hận chỉ có một câu trả lời khi ông nằm trên giường bệnh.

Ông đau từ mấy năm trước. Trước khi chết độ sáu, bảy tháng, đã có một đêm nguy kịch. Sáng sớm hôm sau, ông cho gọi tôi lên nhà thăm bệnh và nói cho tôi biết rằng: Chiều hôm trước một viên bác sĩ chữa bệnh cho ông đã khuyên ông đi nhà thương. Trong đêm vừa rồi, ông đã làm sẵn mấy bản chúc thư. Ông bị đau phổi, vẫn sốt hâm hấp, ho ra đờm đặc. Từ mấy bữa trước, không thể gượng ngồi dậy được mà chỉ nằm được một bên sườn. Ho cũng đau, nói cũng đau, hễ hơi trở mình thì trong sườn nghe có tiếng nước óc ách.

Bấy giờ người ông tuy đã tiêu nước, nhưng, mạch hai tay vẫn còn có lực. Sau khi coi mạch và hỏi các chứng, tôi kê cho ông bài “nhị trần thang” hợp bài “nung thang” gia một lượng ý dĩ và dặn ông uống một ngày hai thang.

Sáng mai, tôi lại lên thăm, ông khoe với tôi bệnh đã bớt nhiều, có lẽ không chết. Từ đó ông cứ uống mãi đơn ấy, tuy thỉnh thoảng cũng thay đổi ít nhiều, nhưng đại thể vẫn không ngoài hai phương thuốc trước.

Một tháng sau, ông dậy được, đã đến thăm tôi ở báo Thời vụ. Đau ngực, đau sườn, tiếng nước óc ách, khô cả, chỉ có cái sốt hâm hấp không khỏi và sắc mặt ông vẫn xanh như người hết máu. Rồi ông nói cho tôi biết trong vài bữa nữa, ông sẽ lên nghỉ Tam Đảo, để tránh cái không khí tù hãm của đất Hà Nội. Lúc ấy tôi có khuyên ông đừng đi, bởi vì ở đó không khí ẩm thấp, không lợi cho người đau phổi. Nhưng ông không nghe.

Lên Tam Đảo được tám ngày, thì ông phải về, vì ho nhiều và hai ống chân bị bại. Bấy giờ ông mới chịu tôi nói đúng và lại bảo tôi kê đơn.

Nghĩ không còn cách gì hơn, tôi lại thêm bớt hai bài thuốc cũ để ông uống xen với bài “nhân sâm dưỡng vinh” bỏ quế và kỳ. Lần này không có công hiệu, uống năm thang thuốc, bệnh tuy không tăng, nhưng cũng không giảm, hai chân vẫn bại không đứng dậy được. Vì muốn trút trách nhiệm cho người khác, tôi cố khuyên ông hãy dùng thuốc tây. Hình như ông cũng nhận thấy ý tôi, nên mới hỏi rằng:

- Bác tưởng tôi có chết không?

Câu hỏi của ông làm cho tôi buồn vô hạn, nhưng tôi vẫn bình tĩnh mà đáp lại rằng:

- Chết làm sao được!

Tôi nói dối ông. Thực ra, bệnh trạng của ông, còn ai dám chắc rằng sống! Tôi đã nhiều lần than vởi bè bạn rằng ông khó mà qua được đến mùa rét. Nhưng ông tin tôi, cho nên trong hai tháng trời thôi thuốc ta uống thuốc tây, ông vẫn cho lời tôi nói có lý.

Nghe nói mấy bữa trước ngày lâm chung, ông mong tôi lắm. Không biết mong để làm gì, hay để trách tôi nói dối.

Nếu quả thế, tôi đành phụ ông. Nhưng vì không muốn để ông trước khi từ giã cuộc đời, ngoài cái lo nghèo, lại thêm một cái lo chết. Cho nên tôi phải nói thế. Nói thế vị tất đã là nói dối. Bởi vì một chồng tác phẩm của ông còn kia.

## Vũ Trọng Phụng Tô Hoài

Tôi làm nhà xuất bản Văn Nghệ rồi nhà xuất bản Hội Nhà văn. Khi in tiểu thuyết Giông tố của Vũ Trọng Phụng, tôi về Mộc xin phép gia đình tác giả, gặp chị Phụng và bấy giờ cụ bà thân sinh Vũ Trọng Phụng vẫn còn. Mẹ chồng nàng dâu sinh sống gieo neo ngày ngày cấp cái thúng mẩy lọ thuốc viên ra chợ Ngã Tư Sở. Bao nhiêu năm, sách của Vũ Trọng Phụng bây giờ lại được in, cả nhà mừng lắm. Quý tôi như bạn bè cùng thời với nhà văn đã khuất. Thật ra, tôi không biết mặt Tản Đà và Vũ Trọng Phụng. Tôi vào nghề viết, các nhà văn này đã qua đời. Khi ấy, các nhà xuất bản Minh Đức, nhà Thép cũng rục rịch in Vũ Trọng Phụng, quảng cáo rầm rộ. Ngay ở cơ quan cũng lây nhau cái cảm tưởng tư nhân in mới phóng khoáng, nhà xuất bản của đoàn thể gò bó và dường như lỗi thời. Người ta lên nước và cạnh tranh như thời trước. Nhà Minh Đức yêu cầu được kỷ niệm Vũ Trọng Phụng chung với chúng tôi ở Nhà Hát Lớn thành phố vì lý do nhà ấy cũng in Vũ Trọng Phụng. Chúng tôi định in lại tiểu thuyết Một mình trong đêm tối của Vũ Bằng. Tôi tìm gặp chị Vũ Bằng. Biết tin, lão Minh Đức nhưng nhàu mắt trở xộc đến luôn. Chúng tôi in kịch Kim Tiền của Vi Huyền Đắc, Nhà xuất bản Minh Đức cũng in Kim Tiền, đã đưa đơn kiện vi phạm bản quyền tác giả. May, được bác sĩ Vi Huyền Trác, con trai cụ Vi bảo đảm, nhà xuất bản chúng tôi không bị thua kiện.

Chỉ được trôi chảy khi in lại tập truyện ngắn Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân. Cũng ngẫu nhiên không bị giành giật. Nguyễn Tuân không để ý tương số nhưng Nguyễn Tuân bảo: Trông mặt thằng Minh Đức đã thấy khó chịu. Minh cũng đã đá tiền nhiều nhà xuất bản, nhưng chưa cầm của thằng này một xu. Vả chẳng mưu sĩ Nguyễn Hữu Đang của nhà Minh Đức thậm ghét văn Nguyễn Tuân. Văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Hữu Đang đọc một đoạn cũng không nổi. Âu cũng là lẽ đời, các đấng cao ngạo thường không nhìn mặt nhau.

Nguyễn Tuân nhớ lâu và ghét dai. Không biết bao nhiêu năm, Minh Đức đi tù về vẫn ôm mộng xuất bản. Anh phác một kế hoạch chiến lược về xuất bản nhờ tôi giới thiệu với những cơ quan có trách nhiệm. Việc không đến đâu, Minh Đức nhờ quán cà phê và bán sách cũ trên phố Hàng Bút. Khai trương quán, Minh Đức nhờ tôi mời Nguyễn Tuân, Nguyễn Tuân không trả lời. Rồi Minh Đức mất bệnh, Nguyễn Tuân cứ vịn tôi: Sao ông đi đưa đám thằng ấy?. Tôi bảo trong đầu tôi không thấy có câu trả lời nào về việc như ông hỏi tôi. Nguyễn Tuân về không tin. Song cũng không vịn nữa, chúng tôi tránh đi bằng cách đụng cái chén hơi mạnh.

Hồi ấy, đến nhà xuất bản Minh Đức, tôi quen Minh Đức và Tô Thủy Nguyễn Văn Kiện, cùng người Thái Bình, một trong những cây bút làng thơ mới, thời kỳ đầu, lúc đó làm thư ký nhà xuất bản. Từ năm 1945, Minh Đức ở Thái Bình lên Hà Nội làm xuất bản. Nguyễn Công Hoan giới

thiệt cho tôi làm quen và bảo bố thằng này ở phố Pi kê buôn đồng nát mà giàu có, chẳng biết thực hay đùa. Nhà xuất bản Minh Đức ở phố Phan Bội Châu. Trương Tửu như chủ nhà ngồi đấy. Tôi cũng chưa được biết Trương Tửu trước kia. Ông Trương mở rượu, đàm đạo. Để thường chỉ có tôi uống, cảm thấy dễ chịu. Lững thững về cơ quan. Buổi trưa, trải chiếu, Nguyễn Bình, Hoàng Tố Nguyên và tôi nghỉ lại trong buồng làm việc. Hoàng Tố Nguyên hồng một chân. Nhưng có một chiếc giày đánh bóng lộn, đặt tượng trưng trên ghế - chiếc giày đẹp đẽ, không bao giờ được xỏ chân. Khi đó mọi người tự do ra báo, mở xuất bản.

Trong thành phố nhan nhản báo hàng ngày Thời Mới báo tuần Nhân Văn, Tre Xanh, Trăm Hoa và những tập san định kỳ Giai Phẩm, Đất Mới... Ông Phùng Ngọc Long nhà xuất bản Hưng Văn ngoài khu 8 về tìm tôi bàn mở xuất bản. Ông Long chính là chú Luyện ngày trước ở phố Hàng Mã mà tôi đã xuống ở hai năm, đến khi thi trượt vào trường Cửa Đông mới trở về quê. Nguyễn Công Hoan và tôi đến nhà ông Vũ Đình Long. Những năm về sau, ông yếu bệnh tim, bệnh thờ. Vẫn chịu khó ngày nào cũng đi quanh hồ Hoàn Kiếm. Và hằng hái muốn mở lại nhà Tân Dân. Nguyễn Công Hoan bảo: Làm gì thì làm, đừng làm xuất bản, ông ạ. Mặc dầu khi ấy có ông Thuật hiệu sách cũ dốc Bà Triệu, em ông xuất bản Đời Mới Trác Vỹ xưa kia, ông Thuật định làm xuất bản sẽ in mở đầu hai tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, thì Nguyễn Công Hoan không khuyên can câu nào. Hai nhà giáo bè bạn lâu năm, Nguyễn Công Hoan nói thật điều mình nghĩ và tính toán hộ ông Long.

## Xuân Tóc Đỏ với bà Phó Đoan

*(trích đoạn Xuân Tóc Đỏ)*

Chợt Tuyết đuổi Xuân ra, khế nói:

- Khéo không mà có ai biết thì chết!

Xuân lắc đầu, khế đáp:

- Mẹ con bà Phó Đoan còn ngủ cả.

- Thế còn bọn gia nhân,

- Chúng nó ở cả dưới nhà kia mà! Để yên; anh yêu, chóng ngoan...

Sợ rằng không vâng lời thì lại chẳng là một thiếu nữ ngoan ngoãn, Tuyết vui lòng để cho Xuân tự dọ mặc thích... Hai người đi nhau ngồi ở ghế đi vắng. Tuyết thì nhắm mắt lại cho có vẻ một thiếu nữ mơ mộng chân chính về sự thành công của cuộc hôn nhân, của cuộc... cách mệnh cái gia đình hủ lậu và khốn nạn để được tự do đi đến cái hạnh phúc cá nhân. Lúc ấy, cô muốn viết ngay một cuốn tiểu thuyết về đời mình, để làm gương cho những phụ nữ muốn giải phóng.

Nhưng chợt cánh cửa bị đẩy mạnh, bà Phó Đoan sừng sộ chạy vào? Cặp uyên ương hoảng hốt buông nhau ra. Bà này dậy lúc nào thế? Rõ nguy quá đi mất, bà vẫn cứ để quần áo ngủ mà sủa sỏi vào mặt Tuyết như một người vợ ghen:

- Nhà tôi là nhà sấm đấy ạ! Cô có biết cô làm ô uế nhà tôi hay không? Cô có biết thế là đi tha hồ lấm không? Mau mau ra khỏi cửa nhà này lập tức không mà xấu hổ với tôi bây giờ!

Tuyết hổ thẹn một cách xứng đáng nguây nguẩy ra đi lập tức.

Bà Phó Đoan quay lại Xuân:

- Sao ông làm cái sự càn rỡ ấy? Ông có biết thế là khốn nạn lắm không? Ông làm hại một đời người con gái tử tế như thế à?

Xuân so vai, bực mình:

- Ấy là tôi làm lợi cho một đời người con gái tử tế!

- Làm lợi?

- Phải! Tuyệt bây giờ đã là vợ chưa cưới của tôi! Hôm qua, ông Văn Minh đã bắt ép tôi phải lấy Tuyệt! Chính là bà làm hại danh giá của chúng tôi, bà có biết không?

Bà Phó Đoan ngăn người ra như người bằng gỗ. Lúc ấy, vì vừa ngủ dậy, bà chỉ có mặc quần áo ngủ mỏng manh, nó có thể lực làm cho thân thể bà lại lộ ra hơn là chủ nghĩa khoả thân. Đang lúc rạo rức, đang cúi đến cực điểm, lại thấy trước mặt mình cái cảnh tượng khiêu gợi ấy, Xuân Tóc Đỏ chẳng nghĩ ngợi gì nữa, bèn bắt đền cái sự thiệt hại cho mình bằng cách ôm xốc lấy vị tiết phụ đáng kính trọng ấy!

Rất tiếc cho cái công thủ tiết với hai đời chồng của mình, bị lôi kéo đến cái đi vắng, bà Phó Đoan cứ phản đối một cách rất cương quyết bằng cách khê kêu:

- Ơ kìa! Hay chữa kìa! Ơ hay! Ơ hay!

Nhưng thằng Xuân Tóc Đỏ của chúng ta thì nào có biết gì là nghĩa lý, là đạo đức nữa! Bưng tai giả điếc, nó cứ **nhất định bắt đền**. Từ đây trở đi, bà kìa cứ khê kêu như một tiết phụ xứng đáng trong lúc bị xúc phạm:

- Ôi giờ ơi! Người ta giết tôi! Người ta cưỡng bức tôi!

Bên ngoài, lúc ấy có tiếng kêu: “Em chã! Em chã!” rồi thấy hình như cậu Phước chạy huỳnh huỵch xuống thang. Bà Phó Đoan ngừng kêu để nói:

- Cậu ấy xuống tìm vú em đê vôi đấy chứ quái gì!

Rồi bà lại kêu tiếp cho sự chống cự quyết liệt khỏi gián đoạn:

- Người ta giết tôi! Ôi làng nước ơi! Thế này có khổ tôi không? Ai cứu tôi với!

**Năm phút sau nó ngấn ngủ như một cái tích tắc đồng hồ**, chợt thấy có tiếng gõ cửa. Hai người này vội chính đốn y phục, chạy xa nhau, mỗi người ngồi một ghế ở hai góc phòng, rồi bà Phó Đoan đồng dạc bảo:

- Cứ vào.

Đó là hai thầy cảnh binh Min Đơ và Min Toa ! Theo sau thầy, có vú em của cậu Phước và người bếp. Một thầy cảnh sát nói:

- Thưa bà, chúng tôi được người nhà này gọi vào để cứu bà!



- Cái gì! Đứa nào gọi đội xếp vào nhà? Tôi làm sao mà phải ai đến cứu? Con vú hay thằng bếp lão như thế?

Tên bếp tái mặt, áp úng:

- Bẩm con thấy cậu Phước bảo con chạy lên, con nghe hình như có tiền kêu rên, con hoảng hốt sợ quá.

Thầy lính Min Toa cất nghĩa:

- Chúng tôi đang đứng ngoài đường thì nó mời chúng tôi vào!

Nhanh trí, bà Phó Đoan nói:

- Kêu rên? A à! Thì tôi đang đọc một đoàn truyện trinh thám cho thầy giáo đây nghe, chứ có gì đâu?

Thầy Min Đơ cười ồ ồ và thực thà nói:

- Rõ khéo! Thế mà nó kêu với tôi là vụ hiếp dâm nữa!

Bà chủ mắng người ở:

- Mày nhằm thế thì có phen bà chém cổ mẹ mày đi! Đồ con lợn!

Xuân Tóc Đỏ cũng làm một câu:

- Mẹ kiếp! Đồ lão!

## Điếu văn đọc trong lễ tang Vũ Trọng Phụng Lưu Trọng Lư

Anh Vũ Trọng Phụng,

Cái tin anh chết làm cho chúng tôi vô cùng cảm động, nhưng mà không làm tôi ngạc nhiên chút nào. Vì tôi đã biết trước rằng ngày hôm nay sẽ đến, cái ngày anh sẽ đành đoạn bỏ chúng tôi mà đi. Cái bệnh ác hại ấy đã làm tan hết bao nhiêu hy vọng mà chúng tôi gởi ở anh, trong sự nghiệp của anh, trên thân thể của anh. Không những chúng tôi là một bọn văn hữu thường ngày ở cạnh anh, mà những người khác nữa, những độc giả vô danh, xa xôi ở khắp đất nước, những người đã cảm phục anh đã yêu mến anh - mà những người ấy không phải là ít - họ đã biết tin anh ốm, rồi cái tin sầu thảm hôm nay nữa, thì họ sẽ đau đớn sẽ căm giận biết chừng nào. Mà căm giận ai? Kẻ thù của chúng ta, than ôi, bao giờ cũng là Định Mệnh. Ta là người thế nào nữa, với ta, Định Mệnh cũng chẳng nơi tay. Ai cũng biết thế, tôi cũng biết thế, mọi người hôm nay theo sau linh cửu anh cũng đều biết thế cả. Nhưng hồn anh có linh thiêng, anh cũng như chúng tôi, sẽ ở với chúng tôi trong một ngậm ngùi vô hạn.

Tôi có nên thú với anh là khi tôi được báo Tao Đàn và Tiểu thuyết thứ bảy cử tôi thảo bài diếu văn này, cử chỉ thứ nhất của tôi là từ chối: tôi sợ rằng sẽ rơi vào cái khách sáo của một bài diếu

tang. Mà với anh, lúc sống cũng như lúc chết, chúng tôi có thể nói được một câu khách sáo, tầm thường, một câu không phải tự lòng chân thành mà thốt ra. Nghĩ đi thì như thế, nghĩ lại thì thật không đành.

Anh Phụng ơi! anh không là một ở trong những người ấy, chết đi mà không đáng có một bài điệu văn, một bài điệu văn để tỏ rằng: anh là một nhà văn xứng đáng với sự tôn sùng của tất cả văn hữu. Những người hôm qua đây, còn không ưa anh, còn thù ghét anh nhưng hôm nay họ cũng phải cúi đầu trước mộ anh, một nhà văn mà cái thiên tài không còn nghi ngại được. Nhưng tôi chưa muốn nói vội về cái sự nghiệp văn chương của anh, tôi muốn nói cho anh hiểu: tại sao cái vinh dự được đọc bài thương tiếc anh, tiễn đưa anh lại giành riêng cho tôi. Điều ấy, là tại người cất cho tôi phần việc ấy nghĩ rằng: chúng ta là những người đã cộng tác với nhau trong lâu năm; tên tôi đã được đứng luôn luôn ở cạnh tên anh, trên những tờ Tiền hóa, Tân thiếu niên, Hà nội báo, Đông dương và gần đây là trên tờ Tao đàn và Tiểu thuyết thứ bảy.

Cái có thứ hai là các bạn văn đều biết rằng, anh với tôi là hai thái cực, trong văn chương cũng như trong cuộc đời. Người ta nghĩ rằng: những người trái nhau, phản nhau, bao giờ cũng hiểu nhau hơn. Tôi cũng nghĩ như thế, nên hôm nay mới thảo bài điệu văn này.

Nhưng thưa anh, thưa các ngài, tôi không có ý trình bày ở đây một “nhân phẩm”. Tôi chỉ muốn nhân bài điệu tang này, mà nói một sự thực mà thôi: anh là vào hạng những người dễ bị hiểu lầm. Sự hiểu lầm ấy bắt đầu từ ở trong văn chương.

Tôi nhớ một bận trong một nhà khách thính ở Thanh Hóa, có nhiều người tình cờ nhắc đến tên anh, và họ nói chuyện với nhau về anh. Họ đã hình dung anh như là một người đã có tuổi, lối đời, nhanh nhẹn, láu lỉnh, sành thạo. Một người mà họ tưởng chừng như khi đến gần thì không thể không lo sợ, không thể không ngờ vực, và không thể không đề phòng.

Nhưng sự thực có phải như thế không, tôi xin hỏi những bạn thân sơ đã ăn một bữa cơm, ngủ một đêm, ngồi một tiệc rượu với tác giả Cạm bẫy người, Giông tố, Số đỏ, Kỹ nghệ lấy Tây, Trúng số độc đắc. Tôi chắc ai nấy sẽ trả lời rằng: Người vừa từ già chúng ta tuy là một nhà văn tài lỗi lạc, mà than ôi! chỉ là một người bình dị, một người cha đứng đắn, một người chồng đứng đắn hơn, một người con rất hiếu, người của khuôn phép, người của nề nếp. Cái đồng hồ luôn luôn ở trong túi áo, và những kim chỉ giờ chỉ phút không bao sai lạc với đồng hồ của những người hàng phố, của tất cả những người khác trong xã hội. Sự cẩn thận, sự chu đáo của Phụng đã thành tục ngữ. Đến nỗi có người đã phải cho Phụng là một viên chức trong nghề báo. “Viên chức” ở chỗ không có một món tiền vật nào mà không biên vào sổ, “viên chức” ở chỗ không có một đám cưới, đám ma nào mà Phụng bỏ nhãng quên cái sự thù tạc. Con người ấy không giết qua một con muỗi, nhưng kỳ diệu! văn chương người ấy đã làm cho kẻ trọc phú phải giật mình, kẻ trường giả phải cúi gằm. Vì đâu có cái nguồn cảm mãnh liệt ấy mà người ta tưởng như không thể tìm được ở anh? Vì đâu cái sức sáng tạo màu nhiệm ấy, vì đâu cái sức mạnh ấy của tâm hồn? Vì đâu cái đanh thép ấy của giọng văn? Vì đâu? Thưa các ngài, đó chỉ là bí thuật của thiên tài, và đó là sức mạnh của sự tin tưởng. Người nào bảo không tìm được ở Phụng một lòng tin, kẻ ấy đã lầm. Kẻ nào không thấy ở Phụng một sức mạnh, kẻ ấy lầm hơn nữa. Lòng tin không có ở sự tung nỗ. Sức mạnh không ở sự ồ ạt, ở sự gào thét. Cái tiếng búa bổ xuống và kêu âm âm chắc gì mạnh hơn cái đe, chỉ âm thầm mà chịu. Cái sức mạnh của Vũ Trọng Phụng là cái sức mạnh âm thầm của cái đe vậy. Sức mạnh ấy là một sức phản động lại những cái gì đã bất công đã đòi bại, đã mục nát, cái rơm cái xấu của những ông trường giả. Tất cả cái sự nghiệp của Vũ Trọng Phụng là phơi bày là chế nhạo tất cả những cái rơm, cái xấu, cái bần tiện, cái đòi bại của một hạng người của một thời đại. Vũ Trọng Phụng, đối với thời đại của Vũ Trọng Phụng, cũng giống như Balzac đối với thời đại của Balzac. Hai văn tài tuy có cách biệt nhưng ở đâu người ta cũng thấy một cái giọng chua chát, bức dọc ấy. Hai nhà văn kia

không hề đề xướng một cái gì, chỉ có phá hoại mà thôi. Đó là một việc cần thiết trong việc gây dựng lại một nền kiến trúc mới mẻ và đẹp đẽ. Ta chỉ tiếc một điều là những cái mục nát, cái thối tha, cái gàn dở, cái rởm, cái tồi của một thời đại vẫn còn, mà nhà văn của thời đại ấy không còn nữa. Vũ Trọng Phụng đã chết rồi! Đó là một sự thực ác hại cũng như bao nhiêu sự thực đã nói ở trong các cuốn truyện Giông tố, Số đỏ, Trúng số độc đắc, v.v...

Cái chết ấy, đã để lại bao nhiêu sự tiếc thương trong hàng ngàn gia quyến của ông bạn mà tất cả những ai theo đến đây cũng không thể không tự hỏi một câu: “Người ấy mà chết vội thế ư? Đòi còn cần người ấy biết chừng nào”.

Không, tương lai anh, không ai lại tin là ngăn ngừa như thế. Anh là người, như ai nấy cũng biết, sống giữa chúng tôi với cái sứ mệnh là tìm cái sự thực ở trong lòng người và trong cuộc đời - anh là một kẻ phóng viên của cuộc đời - lẽ ra, trời phải để anh đi cho cùng đường và chúng tôi còn mong đợi ở anh câu kết luận sau chót về cái sự rất rối ren này là cuộc nhân sinh. Nhưng chữ cuối cùng anh chưa kịp nói mà Trời Phật đã gọi anh về. Anh Phụng ơi! Anh có biết chăng, mất anh, chúng tôi mất đến thế nào!

Anh chưa được một nửa đời người. Văn chương còn mong đợi ở anh nhiều lắm. Với cái chết của anh, chúng tôi đã mất đi hết một nửa cái văn tài. Chúng tôi không phải là những người tham lam: muốn đòi hỏi ở anh nhiều quá. Nhưng thú thật, anh là một “mặt lạ” trong văn chương, thiếu anh, chúng tôi thiếu nhiều lắm. Nhưng như thế, không có nghĩa là chúng tôi muốn đòi hỏi ở anh nhiều quá sức anh. Anh đã thu của cuộc đời được những gì mà bắt anh hiến nhiều thế? Không, tôi biết anh là một nhà văn, chỉ là một nhà văn sống trong sự bần bạc, chết trong sự bần bạc. Và anh đã “cung hiến” nhiều hơn là “thu nhận”. Hôm nay dứt áo ra đi, tâm hồn anh có quyền được an thỏa. Không còn gì giữ vướng anh được: với mẹ, với vợ, với bạn hữu, với văn chương, với báo giới, anh đã làm tròn phận sự không ai còn trách anh được một điều gì. Nhưng có bao giờ ai lại muốn: những hoa tàn ngay trong cái giờ hoa nở. Thế mà số mệnh đã muốn anh đi ngay trong cái văn tài anh cũng vừa “nở” giữa cái hương vị đầu tiên của cuộc đời. Anh là một đóa hoa còn mơn mớn ở trên cành niên thiếu, thế mà giờ ôi! Hoa đã rụng rồi!

Anh và tôi và tất cả những người chung quanh huyết anh đây, không một ai muốn thế. Nhất là anh độ gần đây, anh lại hay tỏ ra rằng: anh rất sợ cái chết. Mỗi khi tôi xuống thăm anh, anh hết sức che đậy những dấu hiệu bất thường...

Văng vẳng tôi còn nghe giọng anh nói:

- Không, hôm nay trời trời, tôi mới ho, chứ hôm qua tôi thường lắm, tôi còn đi ra phố!

- Không, bàn tay tôi hôm nay không lạnh thế đâu. Hôm qua tôi còn ngồi sưởi nắng.

Té ra, tôi chỉ lựa những lúc bạn tôi thật ốm, tôi mới đến. Thực thì, có ngày nào khác ngày nào đâu: bạn tôi vẫn mệt, tay chân lạnh giá, và ho luôn...

Có hôm tôi muốn tỏ rằng mình trấn tĩnh đây, còn xa cái chết, bạn bảo tôi:

- Anh trả tôi những tờ Tiểu thuyết thứ bảy và Ngày nay để đủ cho tôi làm collection. Nhất là anh trả quyển Số đỏ.

Nhưng trời ơi! Tôi có muốn giả nữa, tôi sẽ giả cho ai bây giờ? Vợ con anh sẽ không muốn nhận những cái gì có thể gọi lại những hình ảnh đau khổ, những người thân anh, trong lúc đau khổ

này, còn ai muốn đọc văn anh?

Không, sự trấn tĩnh của anh không thể cứu anh, cái chết một ngày một đến gần, cho tới khi cướp anh đi. Tôi biết anh đã sống từng giây từng phút kinh sợ đau đớn, trước sự hiển hiện của tử thần. Nhưng anh đã chết như một kẻ chiến sĩ đã tranh đấu đến phút cuối cùng. Tuy anh ngã, mà tất cả sự vinh quang đã về anh, sẽ về anh.

Anh là một nhà văn. Tên tuổi anh sống mãi trong sự nghiệp anh. Ở chỗ này, Tử thần đã không thể làm gì nữa. Anh đã chuyển “bại” thành “thắng”. Vâng, anh đã “thắng” vì anh sống mãi bởi văn nghiệp của anh. Thôi, xin mời anh đi, và anh nên an thỏa. Ở đây, hay ở kia, anh vẫn là một người có quyền an thỏa.

*Tao Đàn, số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng, 1939*

## Một đêm họp đưa ma Phụng Nguyễn Tuân

Tôi bước vào nhà in báo Con ong và hỏi luôn cái người to lớn lù lù đang cầm bút trên giấy:

- Gì mà điện thoại nhẩn nhe ầm lên thế?

Tam Lang - người to lớn lù lù ấy - bảo tôi hãy ngồi xuống đã, đợi một vài bạn nữa đang bận tay chữa bài dưới nhà in lên. Tôi nghĩ thầm chắc lại hội họp để cất cử người đọc điệu văn Vũ Trọng Phụng ngày mai đây. Ngồi kéo nốt mồi thuốc đang tàn trong lòng điệu, tôi nghĩ đến người vừa nằm xuống và nghĩ luôn đến cái chết lạnh lẽo của các giống nghệ sĩ ở đời. Tôi nhớ đến một chiếc lá vàng vừa rụng khoảng đầu năm nay trên lối đi vắng vẻ nơi ruột rừng văn An Nam. Đầu năm nay, Tản Đà mất.

Chiếc lá vàng ấy chưa kịp mục, thì rừng mùa thu lại hái thêm một chiếc lá xanh ném xuống đất. Người ta tiếc thi nhân chưa nguôi, thì giờ người ta lại được khóc một văn nhân nữa. Cái làng văn An Nam vốn đã thưa thớt, lại càng quạnh quẽ muôn phần.

Chợ Hôm về chiều tháng chín mùa thu, vào lúc gần tan, càng gọi thêm cái mệt mỏi trong lòng một thứ người sống với một chút hoài bão riêng ở đời.

Tia nắng hanh cuối cùng đã tắt. Gió heo gửi vào cửa sổ tòa báo Con ong một chiếc lá vàng cuộn tròn mẹp.

Tam Lang bó những bản thảo và giấy má bừa bộn vào tủ và không vui, không buồn, bảo tôi:

- Tí nữa đi sang sông. Bây giờ đi ăn.

- Au de là du Rhin?

- Phải.

Thế nghĩa là tối nay, nhân một cuộc hội họp về tin Vũ Trọng Phụng vừa mất, chúng tôi qua bên kia sông nghe hát ả đào. Thường mỗi khi rủ nhau qua cầu Sông Cái để thức đêm ở xóm Thượng Cát, chúng tôi sẵn có một câu nói lóng: Au de là du Rhin. Con sông Rhin đây là sông Nhĩ Hà. Và sau cái bờ sông Rhin này là những căn nhà hát...thứ nhà hát không sạch sẽ, không sáng sủa. Chúng tôi có cần gì đến căn nhà rộng sáng, đến con hát đẹp và hay.

Chúng tôi tối nay chỉ cần một nơi để họp nhau cho trọn đêm để sớm tinh mơ ngày mai, lại cả đoàn kéo nhau qua cầu chạy theo một cái xe đám ma người bạn chết non.

Thấy người cùng tuổi cùng nghề phải chết một cách sớm sủa mau mắn như thế, chúng tôi thấy đời là ngắn lắm mà chúng tôi càng phải gần sát mãi nhau lại cho đỡ lạnh.

Hạng người cầm bút trong xứ không nhiều nhõm gì; mỗi khi có một người ngã vì bệnh nạn, chúng tôi càng phải dồn nhau lại để hàng ngũ đỡ trống trải. Cái giây phút này, ta thường buồn cho người vừa chết, ta thường buồn cả cho ta.

Hồi những người chỉ sống cho luân lý, sống bằng luân lý, tôi không khi nào van xin các người đừng cười chế chúng tôi sao lại dám khiêu vũ chung quanh một chiếc quan tài chưa gắn kín sáu con cá. Có lẽ cũng chỉ vì những tiếng chày đang nện cá nặng nề bên quan tài kia đã dội nhiều vào lòng bọn người sống một cách hốt hoảng, vô thường định với cái cô quạnh của tinh thần như bọn tôi, nên chúng tôi đã rủ nhau đêm nay sang sông mà uống rượu cho say, mà nghe hát, cũng cho đến say, và điên cuồng mà nhảy đầm quanh một cái xác chết. Có như là gần thời chiến tranh, lúc này người ta lấy tốc lực ra mà sống cuộc đời mình. Biết đâu ngày mai chẳng là không còn gì nữa.

Nếu lúc này gọi được hồn Vũ Trọng Phụng lên mà hỏi câu này, chắc anh lia lịa gật đầu.

Người bạn tội nghiệp của chúng tôi chết. Ngày hôm sau, đưa đám buổi sớm. Nhận cái tin buồn ấy - chúng tôi hát và hút thuốc phiện. Đã buồn chưa? Tôi muốn hỏi tất cả những người bạn tha thiết với Phụng, những người sống với phụng sự nghệ thuật bằng một chuỗi ngày chìm chìm tẻ tẻ, xem những ai là người chịu ngủ cái đêm ấy ở nhà mình?

Đêm ấy, bên kia sông, nhà hát lạnh như nhà mồ. Bọn ca nhi trông người nào cũng cao lênh nghênh. Sự nghèo đói làm cho người họ dài hẳn ra. Ngọn đèn dầu lạc chỉ là một ngọn đèn thờ. Người kếp khằng khiu như một cây khô, cũng chỉ đủ là nhạc công một phường bát âm cho nổi lên một bản hòa nhạc chết khi người ta dâng cơm cúng.

Chúng tôi cười một cách điên dại như đám thủy thủ một con tàu ngầm gặp nạn, tàu cạm vào rồn biển cả.

Chúng ta thương nhớ thằng Phụng nhiều nhất là giữa giờ này. Hồi ôi!

Một người nói. Một người hút. Một người không làm gì cả. Hai người úp mặt vào tường, cười và thở dài với cái bóng in trên tường đầy máu rệp và xác muỗi khô. Tôi đánh trống, gãi hai chiếc roi chầu. Có đánh cho tử tế, mà tôi nhận thấy tiếng trống của tôi chỉ là tiếng trống bản. Và tiếng phách của Tý bà đủ là những tiếng sênh chấp hiệu cho một cỗ đàn đám khởi hành xuống huyết. Cũng phong phanh như đám ca nhi, chúng tôi cảm thấy đêm thu cứ thấm dần qua lần vải mỏng sơ mi và đi mãi vào lòng. Những manh sơ mi này phải nương nhẹ, giữ sao cho vẹn màu hồ để ngày mai đưa Phụng nó lên đường.

"Chúng ta nên đẹp, quanh cái chết một người thân".

Đêm lạnh lắm, nhà hát nghèo, không có chăn.

Chúng tôi hút thuốc lá nhiều như bọn lính Tây cho nó được ấm bụng. Và nằm dịch mãi vào nhau. Một người kêu không khéo mai về ốm mất. Khói thuốc ba thứ thuốc, thuốc phiện, thuốc lá - đã có vị chất và ngửi nhiều quá, thấy lạc cả mùi ngày thường.

Bây giờ giữa cái thắm thía của đêm nhà hát, chúng tôi mới bắt đầu nói đến Vũ Trọng Phụng.

Mỗi lúc nói đến chuyện bạn lại phải kèm thêm những câu: lúc sinh bình, hồi còn mồ ma hấn.

- Nhiều người còn sống sờ sờ kia, oán thằng Phụng lắm. Chúng nhìn thấy hình ảnh chúng ở Nghị Hách, Xuân Tóc Đỏ, v.v..

- Thằng Phụng mà đánh đàn nguyệt thì có giết người không? Ừ, nó đàn có những tiếng nắn dễ thương và lắng lơ lạt.

- Lại còn cái chương nữa là hấn thích làm thơ. Các anh thử tưởng tượng xem cái phản động lực văn chương của quần chúng độc giả sành xem nó ra sao, khi họ đọc thơ Vũ Trọng Phụng? Chúng tôi cười rộ. Và tiếp:

- Thế nghĩa là cụ Minh viên Huỳnh Thúc Kháng viết truyện ngắn đấy.

- Và cụ Phan Bội Châu nhận lời giữ mục phê bình "Màn ảnh và sân khấu" cho một tuần báo văn nghệ.

Chúng tôi lại cười ồ.

Thằng Phụng, về đức tính, có điểm này khá nhất là nhận thầu tờ báo nào là không hay quyết tiền anh em viết giúp. Trong bọn cầm bút có những thằng đứng lên nhận "đầy" sách và bán bài giúp cho bạn, rồi lại ăn cả tiền nhuận bút không chia cho bạn lấy một đồng xu nhỏ, kể ra Phụng là một người đáng được nêu lên làm khuôn mẫu.

- Về tiền nong, Phụng phân minh về chỗ tài trợ lắm, nhưng nhiều khi hấn cẩn thận như một con người công chức. Về xã giao, hấn quan tâm nhất về chỗ kẻ cười người khóc. Ai phúng nhà

mình một nghìn vàng, một thẻ hương; ai mừng một chai rượu hần đều có biên cả. Để rồi chờ đợi mà biểu lại, mà mừng lại. Có ai quen Phụng, dầu là sơ sơ, mà ốm, là Phụng là người đầu tiên vào cửa nhà thương để thăm hỏi.

- Thế là hần tốt chớ sao? Nhiều người đọc sách của Vũ Trọng Phụng lắm nhiều về cái người ở Phụng. Họ đều cho Phụng là nham hiểm, là cơ tâm, là tâm đen xấu. Để sinh ra ngộ điểm ấy, cái lỗi của Phụng là đã đem những cái thói mọt, cặn bã nhân tâm vào trong tác phẩm mình đến đầy rẫy.

- Riêng gì Phụng, có chán vạn nghệ sĩ khác, từ trước tới đây, bị hiểu nhầm như thế.

- Những anh nào ở đây đi lại với Phụng nhiều nhất nhỉ? Bà cụ để anh Phụng, đáng quý lạ. Thật là một bà mẹ chí từ. Hai mẹ con, một người chí từ, một người chí hiếu. Cái hồi Phụng ốm lại về đạo sau này. Phụng nằm mãi, buồn tay muốn ngồi dậy viết, bà cụ ngăn nhiều lắm. Rồi cứ thế mà ngồi quạt cho con cả đêm.

Phụng chết trẻ. Cái đáng tiếc nhất trong đời người bạn chúng ta là Phụng thiết thực quá. Đời Phụng chưa có một cái mộng nào để mà ôm, chưa mơ màng đến một cái gì để thảnh thỏang lia khỏi cái tẹp nhep mè nheo ở đời này. Trong đời Phụng, Phụng cứ hành động theo suy nghĩ nhiều quá. Chưa có một giây phút nào, hần dám điên cuồng lấy một tí.

Tôi nằm tiêm thuốc bên khay đèn, tôi đã đánh chấy điếu thuốc...Tôi nhớ đến cái chuyện tôi mua một bức tranh lụa bày ở phòng triển lãm mùa đông năm ngoái.

Hồi ấy, thấy tôi rước một bức thủy họa về để đến nỗi chặm cả áo mặc mùa rét đã dòn về từ lâu. Phụng tìm đến tôi, ngắm bức họa với sự chế nhạo và "chửi" tôi là một thằng điên và nói: "Tao không bao giờ lại có thể điên như thế". Tôi lặng thinh. Từ đấy về sau, không bao giờ tôi thuật lại cho Phụng biết những cái phút điên khác của tôi nữa.

Bạn tôi, sống ở đời, thực là một người thích sự phải chăng quá. Phải chăng khi đụng chạm với người khác, phải chăng trong cái mặc, trong cái ăn. Nói đến cái ăn tôi lại thêm buồn cười. Từ khi đánh bạn với Phụng, tôi biết Phụng chưa hề "mạo hiểm" ăn một thực phẩm lạ bao giờ.

Chỉ hết phở xào rồi lại áp chảo và quanh quẩn chỉ đậu rán, bún chả, bún bung. Có lẽ có một số tiền vài trăm giắt túi chẳng hạn, Phụng cũng chỉ đòi ăn có thể và buộc bằng hữu ăn như thế. Nói đến ăn uống, tôi lại nhớ thêm đến một buổi họp có cả Phụng, có cả Tân Đà. Thấy có ông Tân Đà, Phụng thành tâm đi mua hai gói kẹo lạc va ni đưa về tiệm hút, cố mời người thi sĩ già.

- Mời cụ xơi kẹo lạc.

- Ông bảo cái gì?

- Dạ, kẹo lạc va ni, giòn và thơm lắm.

- Kẹo lạc! Ăn ra cái quái gì.

Buổi ấy, nhà thơ có tuổi đã làm tiêu hết chút ít cảm tình của Vũ Trọng Phụng. Ngày thường, Phụng với cái tính cách thiết thực của một người phóng sự, đã không chịu được Tân Đà kênh càng rồi... Hai người ấy giờ đã là ma, cùng thờ hơi cuối cùng ở một xóm Cầu Mới, nhà số 71 và 73; cùng yên nghỉ ở một nghĩa trang. Chắc ở dưới ấy, giờ gặp nhau, hai người tránh sao được nhiều cái lúng cụng, nếu hai hồn ma không chịu nghĩ đến cái tàn lạnh cuộc đời chung của tài hoa mà chịu đựng lấy nhau!

Trong cái sống phải chăng của Phụng, có một cái phải chăng này đáng cảm động hơn hết. Là những thứ văn phòng tứ bảo. Mực anh dùng viết là một thứ mực tím ít khi tươi màu, phần nhiều là loãng và luôn luôn là nhạt, là chết. Giấy anh dùng là thứ giấy sáu xu một thếp đã kẻ sẵn. Đây là thứ giấy của vô danh với cái khuôn khổ của tất cả mọi người. Ngòi bút Phụng thích dùng nhất là cái thứ ngòi Incomparable, xu ba ngòi. Giấy, bút, mực ấy là giấy, bút, mực của học trò. Thật là bình dị quá. Thế mà lời văn dùng bút ấy mà ký thác lên giấy ấy lại chẳng xoàng xĩnh chút nào. Những người cầu kỳ về văn phòng tứ bảo như chúng ta, nghĩ tới cái tiểu tiết này trong đời văn sĩ của Phụng, họ chẳng nên lấy làm nghĩ ngợi? Phụng còn phải chăng cả đến những cái thèm muốn về tương lai. "Tao chỉ mong sao mỗi khi chúng mày đàn đúm kéo nhau về chơi tao, thì có được mãi mãi một mâm cơm cho tươm tất và cái khay đèn không phải thiếu thuốc". Đây là câu Phụng nói vào một buổi chiều Tết Trung thu năm nay, khi còn ở phố Hàng Bạc và trước hôm dọn về Cầu Mới được hai ngày.

Dạo ấy, Phụng vì thấy bệnh ấy phá phổi mình rõ ràng quá, theo lời thầy thuốc, đã phải rước tinh về bày ở nhà. Nếu quả việc một người trẻ tuổi mà vương nghiện a phiến là có lỗi với danh giáo thì Phụng đã bằng lòng chịu xấu với dư luận để cố mà lùi lại kỳ hạn của ngày lên đường. Lên đường về xứ chết. Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y! Và chẳng ông bạn đầu xứ Ngô Tất Tố cũng đã nói riêng với tôi rằng chả chắc Phụng có qua được mùa rét năm nay không. Mùa lạnh chưa tới. Mới là có tiết thu thôi mà cái lá xanh đã lìa ngàn, một cái ngàn văn mà cây cối còn thiếu những cỗ thụ um tùm rần rôi.

Tôi đã lấy làm bằng lòng tôi là vào những ngày cuối cùng của Phụng, tôi đã phóng túng hình hài với con bệnh lao chờ lúc lên đường ấy mà ăn, mà uống, mà hút với Phụng cứ hàng nửa ngày. Phụng cười, chừng muốn hỏi: "Một người thêm sống, sợ già, tránh chết như mày mà cũng dám coi thường vi trùng lao của tao thả ra sao?". Những buổi ấy, tôi không cần giữ gìn vì tôi tin rằng làm thế, sẽ tử lòng người bạn thân mà ngày giờ đã bị đếm trước. Vả chẳng, trong người tôi ngấm cũng đã nhiều vi trùng lắm rồi. Có thêm một ít của Phụng nữa cũng không sao.

Nhân Phụng vừa nằm xuống, tôi lại tìm trong đầu xem trong bọn nhà văn trẻ, những người nào là cầm lông được cái chết. Thế Lữ, Tchya, Lưu Trọng Lự, Lan Khai, Đoàn Phú Tứ, Thạch Lam . . . , đều là những người đủ tư cách để sớm lên đường lắm. Ngực người nào cũng lép như cái đồng hồ ômega trông nghiêng. Những người trẻ trung này có nằm xuống cũng đều nhẹ nhõm lắm đây. Tôi không độc mồm nguyên rủa ai. Trái lại. Và buồn thương lắm.

Ngẫm đến cái mỏng mảnh về thể chất người đồng điệu, tôi đã tự hào khoe với mấy bạn nằm trong nhà hát rằng tặng tôi vũng vàng và cứ cái thể chất chắc chắn này thì cứ tha hồ mà lấy đêm làm ngày, cũng còn lâu tôi mới chịu mòn. Một anh bạn đã làm vỡ điều tin tưởng ấy của tôi bằng một cái thí dụ lấy ở Đinh Huy Hạo, một người cầm bút có luôn cả sức khỏe và sức mạnh, đã từng viết cuốn "Nòi giống tốt".

- Trong bọn ta, đứa nào khỏe bạo bằng tên Đinh Huy Hạo. Vậy mà cũng chỉ một sớm, một chiều thôi.

Tôi buồn rầu, thiếp dần. Thế rồi, trong gian nhà hát đã về sáng, như ngọn đèn bốc mạnh lúc gần tắt, cả bọn chúng tôi mệt mỏi lại muốn nhóm cả dậy để nói chuyện thương tâm. Thuốc đã làm chúng tôi vỡ giọng và tiếng nói ồ ồ.

- Phụng chết nhiều người thương tiếc hơn là Tản Đà. Một người chết trẻ bao giờ cũng lấy được nhiều nước mắt hơn là người chết đứng tuổi.

- Thằng Phụng còn hứa hẹn cho văn học nhiều tác phẩm lắm. Sao trong làng văn, những người như thế đã chết mà lắm thằng bất tài khác thì lại cứ sống mãi để anh em phải sốt cả ruột?

Tôi cho rằng nghệ sĩ nên chết trẻ, nếu mình có quyền chọn tuổi chết. Tài sắc con người ta ở đời, ai cũng chỉ có một thời thôi. Con tầm nhả được tờ óng mãi hay sao? Sống bấy lâu, nhiều khi cũng hớ. Nó chỉ tỏ ra rằng mình có cái da thịt cứng quá, trùng khó đục thủng mà thôi. Ai mà chịu được một nang Tây Thi tóc bạc da mồi. Một người tướng tài mà không chịu hết tất với dăm nghìn da ngựa mà lại chết già trong giường vợ, thì còn gì đại dột hơn nữa.

Chúng tôi thức cả đêm bàn tán về chuyện nên sớm nghĩ đến việc Hội ái hữu nhà văn. Vào khoảng năm giờ sớm ngày chủ nhật 15-10, bọn tôi lại từ Thượng Cát kéo bộ về Hà Nội. Trời thu thả sương sớm tựa như vào một buổi thả lưới bắt chim mòng, chim két. Qua chín nhịp cầu Bờ Đê trên con sông lạnh, bụng chúng tôi còn cào hết sức.

- Đám đi sớm quá nhỉ. Bấy giờ đã cất. Đi hết cầu, về đến bờ bên kia sông ít ra cũng mất 45 phút. Lại còn kéo ra đến ga tàu điện Bờ Hồ. Và từ đấy vào Cầu Mới. Thế mà cũng vừa thời giờ thôi đấy. Nhanh bước lên! Các anh.

- Phải tìm cái hàng cháo mà ăn chứ không có lạnh bụng lắm.

- Ừ phải đấy, chỉ giữ lại đủ sáu suất vé tàu điện thôi, còn thì chén hết. Còn được đồng bạc không?

Trời chưa hừng hết. Cái phố Hàng Bè. Chúng tôi sà vào một hiệu cháo lòng vắng vẻ. Tiết canh, dồi mỡ, lòng chay. Và cháo khói. Xi xụp húp với nhau như một lũ con đàn một gia đình kẻ khó ăn cháo canh bồi thay đồ ăn chắc, tôi vốn giàu tưởng tượng, tôi nghĩ đến một cuộc tụ họp của các bạn phóng viên báo hàng ngày, một buổi sớm tinh sương mùa lạnh ở một quán cơm Cửa

Nam rồi đi "xem" hành hình ở cửa Hỏa Lò vào khoảng những năm 1930, 1931. Chưa bao giờ tôi thấy một bữa điểm tâm cảm động như sớm nay. Sớm nay húp quanh lợi bát cháo nóng như người phải trả nợ dần, tôi tưởng đến người chết mà buồn ngủ, tôi nghĩ đến người còn sống lại mà thêm thương tủi.

Thế mà đám đã khởi hành được mấy phút.

Tôi vốn có một tập phóng sự về tiệm hút. Chính Phụng đã xui gọi tôi viết thiên "Tàn đèn dầu lạc" vào một tờ tuần báo và lúc góp những bài đăng ấy để đưa xuất bản thành sách, ở trang đầu, đề lời tặng, tôi viết: "Những tập phóng sự này, biết nên tặng ai?" ngụ một cái ý đùa giễu cả mình và luôn cả những bạn thân có duyên nợ với Á Phiền nghiệt chướng.

Theo xe tang, tưởng đến người bạn đã khuất, tôi đã đổi lời tặng trào lộng đó thành một lời tặng hoài niệm: "Kính, Thành, Tiếc tặng vong hồn Vũ Trọng Phụng".

*Tao đàn tạp chí số (12-1939).*

## Số đỏ (chương 1)



(Bìa Số Đỏ in năm 1946)

Xem phim Số đỏ, rồi đọc lại truyện Số đỏ, thấy kịch bản theo sát truyện. Tức truyện đã sẵn đầy kịch tính.

Kịch chủ yếu là hành động và đối thoại. Xuân Tóc Đỏ "hành" và "thoại" với chị hàng mía với ông thầy số thật linh động, đọc đến đâu thấy Xuân hiện ra rành rành đến đấy. Viết phải thế nào, nhân vật mới "sống" khỏe vậy chứ!

Còn cái cười. Người Á Đông ta khô hài không độc ác như Tây, nhưng vẫn thâm thía. Vũ Trọng Phụng có một lối mỉa mai độc đáo mà chắc chắn rất nhiều độc giả lấy làm thú vị...

Trong loại của nó, Số đỏ không nhường kiệt tác Tây phương nào đâu.

(Thu Tứ)

Lúc ấy vào độ 3 giờ chiều, một ngày thứ năm.

Trong khu sân quần mà bên ngoài là những hàng ruối kín mít, chỉ mới có một sân hữu là được hai người Pháp dùng đến. Hai đứa trẻ nhỏ tuổi uể oải đi nhặt những quả bóng để ném cho hai người Tây. Mồ hôi ướt đầm áo, hai người này cũng chơi uể oải như những nhà thể thao bất



đắc dĩ khác.

- Xanh ca! (1)

- Xanh xít! (2)

Những câu hô như vậy chen lẫn những tiếng bồm bộp của những quả ban bị đánh đi, như giữ nhịp cho khúc âm nhạc của mấy vạ con ve sầu.

Ngoài đường ở vệ hè, một người bán nước chanh, ngồi chồm chồm trên cào xe, đương nói chuyện với một người bạn đồng nghiệp.

- Quái, thứ năm gì mà vắng thế!

- Chốc nữa họ mới lại chứ? Bây giờ mới hơn ba giờ. Từ hôm nay trở đi, họ tập gấp, chắc ngày nào cũng phải luyện chữ chả cứ thứ năm thứ bảy hay chủ nhật...

- Thế à? Sao biết?

- Mê đi! Ba bốn tháng nữa, đức vua ra đây, lại còn gì! Chuyến này sẽ có cúp oai ghê... Các anh các chị gọi là tập mưa mật.

Trên hè, dưới bóng cây gạo, một ông thầy số đã có tuổi ngồi bình tĩnh nhìn cái tráp, nghiên mực, miếng son, ống bút, với mấy lá số tử vi mẫu, thỉnh thoảng lại ngáp một cái như một nhà triết học chân chính. Cách đây mười bước, Xuân Tóc Đỏ ngồi tri kỷ với một chị hàng mía. Thương mại? Không! Ấy là một cuộc tình duyên, với, hơn nữa - theo lối gọi của những ông làm báo - một cuộc tình duyên của Bình dân (chữ B hoa).

Là vì Xuân Tóc Đỏ cứ sấn sổ đưa tay toan ra cướp giật ái tình...

- ... Cứ ỡm ờ mãi!

- Xin một tí! Xin một tí tí tí thôi!

- Khỉ lắm nữa!

- Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn...

- Thật đấy. Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ! Nhưng này! Duyên **kia** ai đọi mà chờ? Tình **kia** ai tưởng mà tơ tưởng tình? Hàng đã ế bỏ mẹ ra thế này này, mua chẳng mua giúp lại chỉ được cái bộ ếm...

Xuân Tóc đỏ đứng phăng lên, anh hùng mà nói dối:

- Đây không cần!

Chị hàng mía lờm dài một cái, cong cớn:

- Không cần thì cút vào trong ấy đi có được không?

Xuân Tóc Đỏ lại cười hí hí như ngựa rồi ngồi xuống...

- Nói đùa đấy, chứ đây mà lại chả cần đấy thì đấy cần đểch gì đây? Thôi đi, làm bộ vừa chứ... Bán một xu nào.

- Ủ! Ủ! Đưa tiền ngay ra đây xem!

Rút ở túi quần sau một cái mùi-soa, cởi một nút buộc như một cái tai lợn, Xuân Tóc Đỏ đập đồng hào ván xuống thêm gạch xi-măng đánh keng một cái rất oanh liệt. Trong khi chị hàng mía cầm một tấm để róc vỏ thì Xuân lái nhai tự cổ động cho mình:

- Năm hào còn hai đấy! Tối hôm qua mất ba hào. Thết bạn cẩn thận... Hai hào vé đi tuần trong Hỷ viện rồi lại bát phở tái năm. Chơi thế mới *chánh* chứ? Công tử bột thì cũng *chúa* đến thế là cùng... Ấy ăn tiêu rộng như thế mới chết! Đây bảo đấy về cho đây phải lo thì khỏi ăn chơi, thì đấy mãi chả nghe!

Chị hàng mía làm thình, Xuân nhồm nhoàm nhai mía, lấy bã ném vào một cái cột đèn. Sau cùng, hấn chùi tay vào quần, đứng lên vươn vai... Chị hàng mía đưa trả hào chín tiền thừa thì hấn khoanh hai tay sau lưng không nhận.

- Bỏ hộ vào túi quần... Thọc tay vào!

Bực mình, chị hàng để tiền dưới đất thì hấn cúi xuống nhặt lấy vậy.

- Chả nước mẹ gì cả! Than ôi cái cảnh đêm thu tịch mịch càng làm như gọi khách đa sầu!

Vừa hát mấy câu cải lương Nam Kỳ, hấn vừa đồng đánh tiến đến chỗ ông thầy số. Hấn đứng nhìn ông già hời lâu như một anh dân quê lần đầu đứng trước cái chuông khỉ của bà Bé Tý, rồi nói lớn:

- Xem một quẻ đây!

Ông cụ tỉnh cơn ngủ gật tức khắc, lôi ngay cái bút lông gài ở tai xuống nhanh nhẹn chẳng kém những thầy cảnh sát lúc biên phạt.

- Hai hào! Hai hào một lá, có bằng lòng thì....

- Một hào đấy! Bói rẻ còn hơn ngồi không.

- Ủ, thì đặt tiền đi vậy...

- Thì đặt! Đây không cần!

Hấn ngồi xuống chiếu, để lên nắp tráp hào chỉ. Ông thầy lấy giấy bản, loay hoay mài mực, nhỏ vài ba bãi nước bọt vào nghiên mực, rồi cầm bút hỏi:

- Ngày sinh, tháng đẻ, nói ra.

- Hai mươi năm tuổi đấy, bố ạ! Tháng mười, ngày rằm, giờ gà lên chuông.

Ông thầy bò nhòai trên chiếu, trước khi viết lên giấy còn lằm nhằm đọc trong mồm và bắm trên ngón tay. Xuân Tóc Đỏ khoanh tay quanh hai đầu gối, để cầm tỉ lên một cổ tay. Ông thầy vừa

viết vừa nói:

- *Tuần triệt* đương đầu *kiếp không thân mệnh...*  
*Âm dương tuần triệt tại tiền,*  
*Mẹ cha ắt hẳn chơi tiên thuở nào.*

Nếu nói đúng giờ thì số này phải bỏ coi sớm.

- Đúng đấy! Đúng!

- Lúc thiếu thời thì cậu vất vả lắm.

- Khá!

- À, mà số này cũng không xấu lắm đâu.

*Khốc hư tý ngộ cư quan,*  
*Tiếng tăm rậy khắp giang sơn một thời.*

Sau này danh phận cũng to cơ đấy!

- Được! Thế bao giờ?

- Từ năm nay trở đi đã mở vận đấy.

- Chưa thấy gì cả.

- Cuối năm sẽ thấy.

- Từ đầu năm đến giờ đã phát những gì?

- Đầu năm đến giờ chỉ phát sao *đào hoa* thôi...!

- Thế là thế nào?

- Nghĩa là những chuyện giai gái thì dễ ăn thua lắm.

Xuân Tóc Đỏ vỗ tay đôm đốp như những khi nó thấy bọn quần vọt đánh được một miếng hay. Rồi nó nói ngẫu sự:

- Đúng ghê! Đúng ghê! Hôm qua, lúc tan hát, đi qua ngõ Sầm Công thì có ba bốn chị chạy ùa ra, vây chung quanh, kéo tay, níu áo, tình bỏ mẹ ra ấy! Xin chịu thầy.

Rồi quay lại dọa chị hàng mía:

- Phải biết!

Rồi khẽ nói với ông thầy:

- Ngay như con bé bán mía này thì cũng "*nước nôi*" đến nơi chứ có không đâu! Cụ đoán đáng đồng tiền lắm.

Lúc ấy có một chiếc xe hơi hòm đầu nhọn, đuôi nhọn, đỗ ngay trước cửa sân quần. Cửa xe mở, một bà trạc ngoại tứ tuần mà y phục còn trai lơ hơn của các thiếu nữ, mặt bụ ra những son và phấn, tóc đen lay láy nhưng mà quăn quăn, cả người nặng ít ra cũng bẩy mươi cân, nhưng cái khăn vành giấy đúng một hết sức thì lại nhỏ xíu và ngắn ngủn có một mẩu, một tay cầm một cái dù thật tẻ hơ và một cái ví da khổng lồ, tay kia ôm một con chó bé trông kỳ dị như một con kỳ lân, bước xuống đất một cách nặng nề vất vả. Rồi đến một chàng thiếu niên cao ngẳng, gầy đét, lộ hầu, hai mắt như ốc nhồi, tóc cũng uốn quăn, âu phục lỗi du lịch, chui ở xe ra đưa tay cho một thiếu nữ mặc quần đùi trắng, tóc búi, giày cao su, tay cắp hai cái vợt, chui ra sau cùng. Cả ba đứng đĩnh vào sân.

Mãi nghe đoán số, Xuân Tóc Đỏ không trông thấy những người ấy. Hắn cứ việc cắt nghĩa mãi cái số *đào hoa* và hỏi dồn ông thầy:

- Sau này có giàu không? Hay chỉ có danh giá hão?
- Giàu thì chả giàu gì nhưng cũng phong lưu.

Câu đoán ấy khiến Xuân ta nghĩ ngợi, mơ mộng.

Lúc mới 9 tuổi, nó đã phải ở nhờ nhà một người bác họ, họ thúc bá. Bác nó nuôi nó thay đầy tớ và được cả họ khen là nuôi cháu bồ côi. Nhưng một hôm nó bị đánh một trận và bị đuổi đi. Bác gái nó tắm, nó đã khoét một chỗ phen nửa để nhìn! Từ đấy, thằng Xuân lấy đầu hè xó cửa làm nhà, lấy sấu ở các phố, cá hồ Hoàn Kiếm, làm cơm. Nó đã bán phá xa, bán nhật trình, làm chạy hiệu rạp hát, bán cao đan hoàn tán trên xe lửa, và vài ba nghề tiểu xảo khác nữa. Ánh nắng mặt trời làm cho tóc nó đỏ như tóc Tây. Cảnh ngộ đó tạo nó nên một đứa hoàn toàn vô giáo dục, tuy nó tinh quái lắm, thạo đời lắm. Nó mới xin được chân nhật bóng trong sân quần độ trong vòng một năm nay mà thôi. Nhưng nó đánh quần chóng hay lắm nên được hội viên Pháp và Nam có lòng yêu, được trọng đãi một chút. Mơ tưởng của nó là sẽ có ngày được oai như Chim, Giao, (3) nếu Hạnh Phúc dắt đến cho nó một ông bầu. Bây giờ thì nó cam tâm yên phận là một thằng nhật bóng. Tuy nhiên nó cũng mừng đã tìm được cái nghề ấy, cái nghề tuy hèn nhưng còn có thể hy vọng được chút danh thơm. Bán lạc, trèo sấu, câu cá, làm lính chạy cờ hiệu, những nghiệp ấy chỉ dắt đến một chỗ tắc tị. Phong trào thể thao, phong trào bình dân khiến nó lắm lúc tự kiêu tự đắc lạ lùng.

- Cụ trông mặt tôi mai sau có phát được không?

Ông thầy ngắm nghĩa cái đầu tóc đỏ, cái trán lép, cái quai hàm to, cái nhân trung dài, hai cái tai đầy đặn ấy, rồi gật gù:

- Khá lắm! Hậu vận khá lắm! Chỉ tiếc cái tóc không được đen.
- Mẹ kiếp! Chứ xưa nay có mũ bao giờ đâu mà tóc chả đỏ!

Chợt từ sân quần có một đứa bé chạy ra gọi rầm nó lên mà rằng:

- Kia anh Xuân! Không vào đi? Tiểu thư đã đến đấy! Không có người, anh không vào đi à?

Xuân Tóc Đỏ hỏi:

- Tiểu thư à?

- Phải! Con Văn Minh có cái thằng chồng ta đặt tên là Cà Kếu ấy mà. Cả con mẹ Phó Đoan cũng đến xem, lại đòi chơi nữa!

Xuân Tóc Đỏ đứng lên, dặn ông thầy:

- Cứ viết đi, rồi chiều hay mai tôi lấy, cụ nhé! Nhớ hộ là tiền rồi. Nào! Vào *ken cờ ban* (4) với mỹ nhân cho nó hoa đào một thể!

Đi qua chị hàng mía, thằng Xuân cười tình, nháy một cái.

- Ở voa (5) nhé! Mai nhé!

Rồi nó chạy vào sân bên tả là chỗ ba người đợi.

- Lạy cụ lớn ạ! Lạy ông! Lạy bà!

Cặp vợ chồng Văn Minh khẽ cúi đầu đáp, nhưng bà Phó Đoan nguẩy một cái. Thiếu phụ cười, đưa mắt cho chồng. Người này bảo Xuân:

- Bà tôi không thích kiểu cách thế.

Bà Phó Đoan mắng luôn Xuân Tóc Đỏ:

- Anh ngu lắm! Cụ gì? Tôi chỉ mới đáng tuổi là mẹ anh thôi. Cụ thì ra để được ra mẹ anh nữa kia à? Mà mẹ anh thì...

- Lạy bà lớn ạ, cháu lờ lờ, bà lớn tha cho.

Sau khi cái cơn thịnh nộ của một mẹ Tây chân chính nguội đi rồi, Xuân cầm cái vợt chạy ra phía sân kia. Bộp bộp, ban bay đi bay lại... Bộ đùi trắng nõn của cô Văn Minh làm cho Xuân đánh lổi mấy quả đầu, và làm cho cô này có cái ảo tưởng là mình chơi cừ hơn xưa.

Vẫn còn hằm hằm, bà Phó Đoan lầu nhầu:

- Cái dân An Nam ngu thật!

Thiếu niên đáp:

- Dì chấp cái hạng ấy làm quái gì!

- Để tôi cũng phải tập thể thao mới được, không có chả mấy lúc mà già.

- Ô! Nếu thế thì Văn Minh tôi xin ký cả hai tay! Thật không hở dì? Dì thích tập thể thao? Một cuộc đắc thắng của thể thao! Một cuộc tiến bộ của nước Việt Nam! Sự cường thịnh của nòi giống!

Ông ấy nói thế một cách sốt sắng chẳng kém những người gầy gò ốm yếu không hề tập thể thao bao giờ và chỉ xui giục kẻ khác. Nguyên do ông ấy là một du học sinh. Ông đã sang Pháp học sáu, bảy năm, và sau khi về nước thì đâm ra ghét văn bằng như những du học sinh quay về tổ quốc mà không có một mảnh văn bằng nào cả.

Hình như ở bên Pháp, ông là bạn thân của những nhà chính trị đã từng làm thứ trưởng, thượng thư, văn hào, văn vân, những vị có danh tiếng mà báo chí Việt Nam cũng nhắc nhòm tới. Sở Liêm Phóng *Securité* đã bắt hai viên thám tử đi dò ông. Sau ba tháng rông rã hai viên thám tử chỉ thấy những hành tung bí mật của ông là: hút thuốc lá Camel. Về sau ông lấy vợ giàu. Có vợ rồi, ông đặt là Văn Minh. Sở Liêm Phóng *Securité* lại phải một phen lo sợ. Dò mãi mới biết ra rằng tên của vợ ông là Văn, của ông là Minh thì ông đặt ngay là Văn Minh, tên vợ ở trên tên ông, tên ông đội dưới, cho nó có vẻ nịnh đầm. Thế thôi, chứ ông chẳng phản đối, cũng chẳng cải cách, quốc gia, quốc tế chi chi, cũng không cả.

Từ độ được nhiều người gọi là Văn Minh, ông ta thấy cần phải chủ trương cuộc Âu hoá thì cái tên mới khỏi vô nghĩa. *Một cái linh hồn khoẻ trong một xác thịt khoẻ!* Phát minh được chân lý ấy rồi, đi đâu ông cũng hăng hái cổ động cho thể thao. Vợ ông trước nhất, rồi đến người khác. Ông không thể thao, thể dục cũng không, vì không có thì giờ! Cái chương trình Âu hoá của ông ta làm cho ông ta lúc nào cũng phải trầm tư mặc tưởng.

Còn lai lịch bà Phó Đoan, thì kể ra nghe cũng hay hay. Hồi đương xuân, bà bị một người lính Tây hiếp, lúc bà mới ở nhà quê ra tỉnh xem hội Đình Chiền. Sau cuộc hiếp trái phép đến ngay cuộc hiếp đúng luật, nghĩa là cuộc làm phép cưới. Người lính ấy sau thành một ông Phó Đoan. Ăn ở với nhau độ 10 năm, ông Phó Đoan chết, chết trung thành với nhà nước, chết chung tình với vợ, chết như những người yêu vợ quá sức. Rồi bà lấy một ông phán trẻ được hai năm thì ông chồng nội hoá cũng lăn cổ ra chết. Vì lẽ chưa ai thấy bà có nhân tình, nên những ngọn lữĩ rần độc phao rằng những ngọn lửa tình do những kẻ chim bà không được đã khêu lên, bà bắt ông phán phải rập tất cả. Bà chính chuyên đến nỗi chồng bà kiệt lực, cạn sức, phải trốn xuống suối vàng.

Hai thiếu nữ Pháp và một thiếu niên Nam vào sân.

Xuân Tóc Đỏ nhường vợt cho đám hội viên.

Một cô đầm đi vào buồng thay quần áo thì Xuân cũng biến mất.

Sân quần àm ỉ những tiếng chào hỏi cười nói. Rồi những quả quần bay đi bay lại như đàn dơi bắt muỗi trên không gian...

Một lát sau, tự nhiên thấy một người Pháp nắm tóc Xuân, lôi nó sềnh sệch ra sân mà tát, mà si vả... Mọi người xúm lại hỏi. Thì ra nó bị bắt quả tang nhìn trộm một cô đầm lúc cô đang thay váy để mặc quần đùi! Hội nhất định đuổi nó, và không trả lương tháng ấy nữa.

Lúc ấy bà Phó Đoan mới nhận ra rằng dân Việt Nam không những ngu mà còn đáng thương.

Bà thở dài, ngậm ngùi bảo cháu rể bà:

- Trẻ trung ai chả có khi dại dột? Tha thứ là phải, chấp làm gì thiếu niên? Rõ khổ, rõ tội nghiệp! Đuổi người ta như thế mà đành lòng!

(1) Năm đều.

(2) Năm - sáu.

(3) Tên những vận động viên quần vợt nổi tiếng thời ấy.

(4) Quelques balles: đánh vài quả.

(5) Au revoir: tạm biệt

## Bố tôi: Ông Vũ Trọng Phụng Vũ Trọng Khanh

Bố tôi tên thật là Vũ Văn Tý. Ông sinh ngày 20 tháng 10 năm 1910 tại làng Hảo còn có tên nữa là Bần Yên Nhân thuộc huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Nhưng ở trong gia đình ông có 2 bản khai sinh khác nhau:

\* 1 bản đề sinh ngày : 20 tháng 10 năm 1910 tại làng Hảo, huyện Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên.

\* 1 bản khác đề sinh ngày 20 tháng 10 năm 1912 tại Hà Nội.

Đa số sách báo viết về ông đều ghi ông sinh ngày 20 tháng 10 năm 1912.

Nhưng tất cả những người trong gia đình họ Vũ, có những người sinh trước ông hoặc cùng thời với ông thì đều xác nhận rằng ông sinh ngày 20 tháng 10 năm 1910.

1) Ông Trương Tạo và nhà văn Nguyễn Triệu Luật cả 2 ông này đều là vai cậu của ông, vì 2 ông là em họ của bà thân sinh ra ông.

2) Ông Vũ Nhân Phong, chủ hiệu thuốc cam Hàng Bạc, ở bên hông chợ Tân Định, Sài Gòn là anh rể của ông.

Ông nội tôi tên là Vũ Văn Lân làm nghề thợ bạc được ít năm thì cụ chuyển sang làm nghề sửa chữa ô tô cho hãng Boillot ở Hà Nội. Bà nội tôi nhũ danh Phạm Thị Khách, sinh quán ở làng Vẽ thuộc Phủ Hoài Đức, hiện nay thuộc thành phố Hà Nội.

Bố tôi ra đời được 7 tháng thì ông nội tôi mất lúc bà nội tôi vừa tròn 24 tuổi. Ông nội tôi mất tại căn nhà số 14 phố Hàng Gai. Bà nội tôi đã thủ tiết thờ chồng và phụng dưỡng bà mẹ chồng gần 90 tuổi tên là Bùi thị Hòa cũng tại căn nhà số 14 phố Hàng Gai. Và bà nội tôi nuôi người con trai duy nhất là thân phụ tôi bằng nghề khâu thuê vá mướn và nấu cơm tháng cho những học sinh ở xa lên Hà Nội trọ học. Trong số những học sinh này có ông Bùi Hữu Sùng. Sau 1954 cụ Bùi Hữu Sùng trở thành 1 giáo sư nổi tiếng ở các trường Trung học Saigon. Vào ngày 30-4-1975 cụ Bùi Hữu Sùng cùng với gia đình đến Hoa Kỳ tị nạn và định cư tại miền nam của tiểu bang Cali.

Khi bố tôi được 8 tuổi thì ông Bùi Hữu Sùng là giáo viên của trường Tiểu học phố Hàng Vôi đã xin cho bố tôi vào học ở trường Tiểu học phố Hàng Vôi. Tại trường Tiểu học phố Hàng Vôi bố tôi ngồi cùng lớp với một người bạn gái có tên là Trần Thị Kim Phụng. Sau khi thi đậu bằng Tiểu học bố tôi được 14 tuổi và làm đơn xin thi vào trường Sư Phạm Sơ Cấp, vì ông vẫn ôm mộng trở thành một nhà giáo nhưng không may cho ông, kỳ thi ấy ông không trúng tuyển. Ông phải ở nhà ăn bám bà nội tôi. Mỗi đêm ông nằm sấp trên chiếc chiếu củ trái dưới nền nhà để viết hơn một chục lá đơn xin việc. Mỗi ngày ông rời nhà rất sớm vào lúc 7 giờ sáng đi xin việc làm cho đến chiều tối mới về nhà.

Sau gần 2 năm không có việc làm ông mới xin được một chân thư ký cho nhà hàng Gôđa nhưng chỉ làm được 6 tháng thì ông bị cho nghỉ việc. 6 tháng sau may mắn ông lại xin được một chân thư ký cho nhà in Viễn Đông, còn có tên là nhà in Iđeo. Thời gian này là thời gian ông bắt đầu tập sự viết bài cho tờ Hà Thành Ngọ Báo, vì tờ báo phát hành mỗi ngày vào lúc 12 giờ trưa. Người chủ trương tờ Hà Thành Ngọ Báo là ông Bùi Xuân Học.

Nhưng số phận của ông thật hẩm hiu. Ông đã lợi dụng những giờ nghỉ trưa khi tên chủ Tây đi ăn cơm trưa để viết bài cho Hà Thành Ngọ Báo. Không được bao lâu thì ông bị tên chủ Tây bắt gặp ông đang viết một truyện ngắn. Không ngờ tên chủ Tây này biết đọc chữ Việt và nói rành tiếng Việt nên ông bị đuổi ngay ngày hôm đó. Tên chủ Tây lớn giọng nói: hiện tại tôi cần một người làm thư ký, tôi không cần một người viết báo. Vì tôi không chủ trương ra báo.

Sau khi bị tên chủ Tây làm nhục và bị đuổi việc ông quyết định không đi xin việc làm nữa và bắt đầu dứt khoát đi theo con đường viết văn, viết báo. Năm 1927 ông viết thường trực cho các tờ Hà Thành Ngọ Báo, Nhật Tân, Hải Phòng Tuần Báo, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Công Dân Nhật

Báo, Hà Nội Báo, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Đông Dương Tạp Chí, Tương Lai Tạp Chí, Sông Hương Tuần Báo, Tân Thiếu Niên, Hồn Cách mạng.

Hồn Cách Mạng là tờ nội san của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ngoài ra ông còn dịch một số tác phẩm của văn hào Pháp Victor Hugo. Cũng trong năm này ông gặp lại người bạn gái cùng học chung một trường năm xưa ở trường Tiểu học phố Hàng Vôi tên Trần Thị Kim Phụng. Bố tôi và người bạn gái xinh đẹp đó đã kết hôn với nhau tại Hà Nội vào năm 1928. Đến ngày 1 tháng 1 năm 1930 thì mẹ tôi sinh ra tôi tại quê nội của tôi ngay trong nhà của ông bà nội tôi tại làng Hào thuộc huyện Đường Hào ( bây giờ là Mỹ Hào ) tỉnh Hưng Yên.

Gia đình của mẹ tôi ở mãi trên tỉnh Tuyên Quang. Ông ngoại tôi vừa là một Cử nhân Hán Học vừa là một Đông Y Sĩ nổi tiếng ở Tuyên Quang. Ông ngoại tôi tên là Trần Văn Khiêm được mọi người kính mến. Họ luôn gọi ông ngoại tôi là cụ Cử Khiêm.

Bà ngoại tôi là em ruột của cụ Lạc Long Nguyễn Xuân Dương. Cụ Lạc Long Nguyễn Xuân Dương cũng là một Đông Y Sĩ nổi tiếng từ Hà Nội đến Hải Phòng. Cụ có 2 hiệu thuốc Bắc cùng mang tên là Dưỡng Nguyên. Một hiệu ở phố Lãn Ông tại Hà Nội và một hiệu ở phố Cát Chải thuộc thị xã Hải Phòng.

Bà ngoại tôi có 2 chị em ruột đều được cụ Lạc Long Nguyễn Xuân Dương gả cho cụ cử Trần Văn Khiêm. Bà chị Cả sinh ra 2 người con trai. Người con trai trưởng là Trần Văn Tuyên và người con trai thứ là Trần Văn Quang. Ông ngoại tôi đã lấy địa danh tỉnh Tuyên Quang đặt tên cho 2 người con trai này. Hai ông này sau khi khôn lớn đều đã trở thành 2 luật sư có tiếng tăm tại miền Nam Việt Nam. Bà em sinh được 2 người con gái. Người con gái lớn là mẹ tôi tên là Trần Thị Kim Phụng và một người con gái kế tên là Trần Thị Kim Hoa.

Gia đình của ông ngoại tôi rất giàu có trong khi gia đình của bà nội tôi quá nghèo nên không được xếp vào hàng môn đăng hộ đối. Mẹ tôi vì quá yêu bố tôi nên đã bất chấp sự giàu có của gia đình để làm vợ bố tôi trong một hoàn cảnh rất nghèo túng phải chạy ăn từng bữa.

Trước mỗi tình cao cả đó bố tôi đã lấy tên mẹ tôi làm bút danh và lấy chữ Trọng làm tên đệm khi bắt đầu viết văn cho đến ngày thành danh. Sở dĩ bố tôi lấy chữ Trọng làm tên đệm là bởi vì trong Hán tự Trọng có nghĩa là con thứ. Ông nội tôi có hai đời vợ. Đời vợ trước sinh được 2 người con gái tên là Vũ Thị Dậu và Vũ Thị Tuất. Khi 2 bác Dậu và Tuất mới được vài ba tuổi thì đã mồ côi mẹ. Ông nội tôi mới cưới bà nội tôi để chăm sóc cho hai bác tôi cho đến ngày sinh ra bố tôi vào năm Tý (1910). Bút danh đó đã trở thành tên bắt tử Vũ Trọng Phụng và khai sinh để chứng nhận tên Vũ Trọng Phụng là do tòa án Văn Học Sử Việt Nam chứng cấp.

Khi ông bà ngoại tôi biết được mỗi tình không thể phân ly của bố mẹ tôi, ông bà ngoại tôi đã về Hà Nội gặp bà nội tôi vào năm 1934 để tìm hiểu về gia thế cũng như điều kiện sống của chúng tôi như thế nào. Thời gian này gia đình bà nội tôi đã dọn về sống trong căn nhà vách đất, nền đất và mái lợp bằng tranh tại số 71 phố Cầu Mới thuộc xã Đại Mỗ huyện Ngã Tư Sở tỉnh Hà Đông. Cạnh nhà của bà nội tôi là nhà của Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu số 73. Trong khu đất rộng mênh mông này chỉ có 2 căn nhà số 71 và số 73 dựng lên cạnh nhau mà thôi. Khu đất rộng mênh mông này thuộc tài sản của Thiếu Bảo Thái Tử Hoàng Cao Khải.

Đến khi ông bà ngoại tôi thấy được điều kiện sống của chúng tôi quá sức cơ cực và nghèo túng nhất là khi biết được bố tôi đang suy kiệt và gầy gò, ông bà ngoại tôi liền bắt mẹ tôi phải mang tôi về Tuyên Quang. Bà nội tôi phải lên tiếng năn nỉ ông bà ngoại tôi để cho mẹ tôi ở lại thêm một tuần nữa rồi bà nội tôi sẽ đích thân đưa mẹ tôi và tôi lên Tuyên Quang. Ông bà ngoại tôi chấp chận lời yêu cầu của bà nội tôi và ra về. 5 ngày sau người anh cả của mẹ tôi là bác Trần Văn Tuyên đánh xe tay đến nhà của bà nội tôi ở Ngã Tư Sở để đón mẹ tôi và tôi về Tuyên Quang. Mẹ tôi đã khóc lóc van xin bác tôi đừng chia lìa bố mẹ tôi và tôi bắt tôi phải xa bố tôi. Ông Trần Văn Tuyên rất quý mến bố tôi và rất yêu thương mẹ tôi nên đã nói với bà nội tôi là sẽ đưa mẹ tôi xuống chùa Bò tại thị xã Bò thuộc huyện Võ Giàng phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh để



tạm trú ở đó một thời gian cho đến khi bác Tuyên tôi dàn xếp êm xuôi mọi chuyện với ông bà ngoại tôi thì sẽ đưa mẹ tôi trở về sống với bố tôi và bà nội tôi. Vị sự cụ trụ trì tại chùa Bò là anh ruột của cụ Cử Trần Văn Khiêm.

Cuộc dàn xếp bất thành ông bà ngoại tôi vẫn không chịu nên mẹ tôi đã xuống tóc làm ni cô luôn. Từ đó tôi mồ côi mẹ và bố tôi đã tìm quên lãng trong việc sáng tác văn chương không ngưng nghỉ trong những điều kiện thiếu thốn của đời sống chạy ăn từng bữa bằng cách viết cho rất nhiều tờ báo nổi tiếng thời bấy giờ.

Đến năm 1937 tình trạng sức khỏe của bố tôi đã sa sút rất nhiều, bà nội tôi muốn bố tôi phải cưới vợ khác để chăm sóc cho tôi. Bố tôi đã nghe lời bà nội tôi đi coi mắt một cô gái ở làng Vẽ phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông bây giờ là Mộc Chánh Kinh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông, tên là Vũ Mỹ Lương. Theo lịch sử thì tại làng Mộc Chánh Kinh chỉ có 2 gia tộc thuộc dòng họ Vũ và dòng họ Đặng mà thôi. Khi nhà cách mạng Đặng Trần Nghiệp tức Ký Con, một trong những lãnh tụ nổi tiếng của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thực dân Pháp đưa lên máy chém tại pháp trường Yên Bái vào năm 1930, tất cả những người thuộc dòng họ Đặng phải đổi qua họ Vũ để tránh sự truy lùng và bắt bớ của thực dân Pháp. Sau khi đi gặp cô gái làng Vẽ có tên là Vũ Mỹ Lương và biết rõ gia thế và nguyên nhân phải đổi ra họ Vũ của cô ấy bố tôi nhận lời cưới cô ấy làm kế mẫu cho tôi. Bà kế mẫu tôi nhuộm răng đen và có tật bẩm sinh nơi chân trái nên đi đứng rất khó khăn bởi vì một chân thấp, một chân cao. Gia đình của kế mẫu tôi là một gia đình giàu có tại Hà Nội. Bà chị cả của kế mẫu tôi là bà Vũ Thị Giảng, gọi là bà Cả Giảng là chủ hiệu thuốc Cam ở phố Hàng Bạc, Hà Nội. Người em trai thứ hai là ông Vũ Nhân phong. Người em gái thứ ba là bà Vũ Mỹ Lương. Người em gái thứ tư là bà Vũ Thị Hào đã kết hôn với Đào Vĩnh Hào là con trai của một nhà đại điền chủ ở Thanh Hóa tên là Đào Vĩnh Mậu. Sau này ông Đào Vĩnh Hào trở thành Thượng tướng Song Hào của Việt Minh giữ chức vụ Chính Ủy toàn quân đầu tiên của quân đội cộng sản Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1949. Song Hào là tên ghép của 2 chữ Hào của tên ông và tên cuea vợ ông. Cuối năm 1949 Thượng tướng Song Hào đã cùng với Trung tướng Nguyễn Sơn tức Vũ Công Bắc, Tư lệnh liên Khu IV cùng bộ quân đội cộng sản Việt Nam trở về Trung Hoa vì cả 2 ông đều là 2 tướng lĩnh lừng danh của quân đội cộng sản Trung Hoa.

Trong thời cải cách ruộng đất cụ Đào Vĩnh Mậu đã bị đấu tố và bị chôn sống. Người em gái thứ năm là bà Vũ Thị Phúc đã kết hôn với ông Nguyễn Khắc Kham. Sau này ông Nguyễn Khắc Kham là giáo sư tại Đại Học Văn Khoa Saigon.

Sau khi cưới vợ, theo lời rủ rê của ông Đỗ Xuân Giao, chủ Nhà Xuất Bản Mai Lĩnh tại Hà Nội gia đình tôi dọn về Hà Nội sống tại ngôi nhà số 98 phố Hàng Bạc. Ngôi nhà này là nhà của bà Cả Giảng không cho ai thuê bỏ trống từ nhiều tháng qua. Đến năm 1938 kế mẫu tôi sinh hạ được một đứa con gái và bà nội tôi đặt tên cho nó là Vũ Mỹ Hằng. Bố tôi vẫn tiếp tục viết báo và sáng tác những tác phẩm để đời gọi cho Nhà Xuất Bản Mai Lĩnh xuất bản vì ông Đỗ Xuân Giao ký hợp đồng mua độc quyền tất cả những tác phẩm của bố tôi viết và trả tiền trước để nuôi sống gia đình tôi.

Bà nội tôi vẫn tiếp tục công việc may thuê vá mướn cho các cậu học sinh sống xa gia đình lên trọ học ở Hà Nội.

Do lao tâm và lao lực quá sức bố tôi đã mắc phải chứng bệnh lao phổi và lia đời vào lúc 2 giờ sáng ngày 13 tháng 10 năm 1939. Thời bấy giờ ai mắc phải bệnh lao đều bắt buộc phải chôn cất ngay trong một ngày. Bởi lẽ đó mà đến 10 giờ trưa cùng ngày bà nội và kế mẫu tôi phải đem xác bố tôi đi chôn tại Nghĩa trang Quảng Thiện thuộc huyện Ngã Tư Sở tỉnh Hà Đông. Bây giờ Nghĩa trang Quảng Thiện được nhà cầm quyền Hà Nội đổi tên là Nghĩa trang Mai Dịch, nơi dành riêng cho tất cả những danh nhân có tên trong Văn Học Sử Việt Nam và không ai được quyền dời những mộ phần này đi nơi khác.

## Mấy suy nghĩ từ cuộc đời và sự nghiệp của Vũ Trọng Phụng Nguyễn Đăng Mạnh (Kỷ niệm 70 năm ngày mất nhà văn Vũ Trọng Phụng 1939 -2009)

Trong lĩnh vực văn chương, tác phẩm không hay, không có giá trị nghệ thuật thì chỉ là con số không, chẳng có gì để nói, để bàn. Người viết ra nó, dù cuộc đời có ly kỳ thế nào, người ta cũng chẳng quan tâm.

Nhưng một cây bút khi đã tạo ra được những kiệt tác, thì cuộc đời ông ta, tác phẩm của ông ta, tự chúng sẽ đặt ra biết bao vấn đề khiến ta phải suy nghĩ để khai thác những bài học kinh nghiệm, để rút ra những chân lý này khác về sáng tạo nghệ thuật. Vũ Trọng Phụng là trường hợp như vậy. Ngày nay người ta không còn phải dè dặt khi gọi ông là một thiên tài: hai mươi bảy tuổi đời mà để lại một sự nghiệp đồ sộ, trong đó có những tác phẩm có thể gọi là không tiền khoáng hậu.

Từ cuộc đời và sự nghiệp ấy, có thể ngẫm ra nhiều điều bổ ích và thú vị.

### 1. Văn chương đã có giá thì không thể chôn vùi được

Chân lý này chẳng có gì mới lạ. Từ nghìn năm trước người ta đã nói rồi: Lập ngôn cùng với lập đức, lập công là ba sự nghiệp bất hủ của người đời. “Khuất Bình tứ phú huyền nhật nguyệt, Sở Vương đài tạ không sơn khâu” - Lý Bạch đã viết như thế. Điều đáng nói ở đây là, cuộc đời và tác phẩm của Vũ Trọng Phụng đã cung cấp cho ta một bằng chứng thật quý hiếm, đầy sức thuyết phục về chân lý ấy.

Nhớ lại không khí căng thẳng của đời sống văn học những năm 60, 70 của thế kỷ trước, sau vụ Nhân văn - Giai phẩm, mà chưa hết ghê sợ. Người ta đổ lên đầu Vũ Trọng Phụng đủ mọi tội lỗi ghê gớm nhất: trót-kít, chống cộng, đạo văn, đầu cơ chính trị, mật thám cho Tây, lưu manh, truy lạc, chỉ có độc cái tài xô xiên, văn chương thì dâm uế, tự nhiên chủ nghĩa, thuộc dòng văn học phục vụ giai cấp tư sản mục nát(1) v.v... Người ta đã vùi Vũ Trọng Phụng xuống tận bùn đen, lại còn đổ lên trên hàng tấn rác rưởi bần thiêu nhất. Ấy vậy mà chỉ mười năm sau, tác phẩm Vũ Trọng Phụng, như những mầm cây đầy nhựa sống, lại tiếp tục vươn lên, chọc thủng lớp lớp bùn đất, nảy nở tốt tươi, đơm hoa, kết trái dưới ánh sáng mặt trời.

### 2. Nhà văn và thực tế

Hỏi chuyện mấy nhà văn quen biết Vũ Trọng Phụng (Nguyễn Tuân, Vũ Đình Liên, Bùi Huy Phồn, Lưu Trọng Lư, Như Phong, Nguyễn Hồng...), tôi mới rõ, Vũ Trọng Phụng không biết đánh bạc, sống rất đưng đắn, mực thước. Đối với mẹ, là một người con chí hiếu, đối với vợ, là một người chồng mẫu mực, đối với bạn bè, đồng nghiệp, tuy nghèo túng thật, nhưng ứng xử rất đàng hoàng, đầy tự trọng... Thế mà đọc tác phẩm của ông, thấy ông viết về các mảnh khoé cờ bạc như một tay sành sỏi (Cạm bẫy người). Và thế giới nhân vật của ông thì đầy rẫy những thằng cha đều giả, xô xiên, bịp bợm, dâm ô, độc ác... Vậy là sao? Giải thích thế nào đây về quan hệ nhà văn với thực tế mà ông phản ánh? Đọc *Ký nghệ láy Tây*, thấy có nhân vật xưng “tôi” - người kể chuyện - đích thân lên tận Thị Cầu (Bắc Ninh), vào hẳn cái làng me Tây bên trại lính lê dương để điều tra sự thật. *Cơm thầy cơm cô* cũng vậy. Vẫn cái nhân vật xưng “tôi” ấy đóng vai một anh cơm thầy cơm cô, thâm nhập vào thế giới những con sen, thằng nhỏ, chị vú, anh bồi để tìm hiểu thực tế. Nhưng sự thật có phải thế đâu! Vũ Trọng Phụng bịa đặt, hư cấu ra thế thôi. Phóng sự *Tôi kéo xe của Tam Lang* cũng có một nhân vật xưng “tôi” như thế đóng vai phu xe. Cũng là bịa đặt ra cả. Làm gì có chuyện đi thực tế như thế của các nhà văn thời bấy

giờ. Nhà thơ Vũ Đình Liên biết rất rõ điều đó. Ông ở cùng phố Hàng Bạc với Vũ Trọng Phụng, quen biết cả nhà Vũ Trọng Phụng, cùng học trường tiểu học Hàng Vôi với Vũ Trọng Phụng. Không có chuyện ấy đâu! Bịa ra hết! - Vũ Đình Liên nói thế mà! Vậy thì giải thích như thế nào về những bức tranh hiện thực rất chân thật, rất sinh động trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng?(2).

Tôi cho rằng, trong sáng tạo nghệ thuật, điều quyết định là tư tưởng nghệ thuật (idée poétique) của nhà văn. Đó là một hình thái tư tưởng tổng hợp, bao gồm cả lý trí, tình cảm, cảm xúc, cả tiềm thức, vô thức, được huy động triệt để trong giờ phút cảm hứng vào việc nhận thức và diễn tả thế giới. Nó tạo ra ở tâm hồn nhà văn một chất dính riêng, một thứ nam châm riêng, có khả năng bắt lấy, hút lấy rất nhạy và làm sống dậy, trong trí tưởng tượng của người viết, tất cả những gì đáp ứng yêu cầu của nó, kể cả những tư liệu gián tiếp thu lượm từ sách vở báo chí hay nghe ai đó thuật kể lại. Vũ Trọng Phụng là người rất ham đọc, ham học. Ông là một nhà báo, nên phải đọc đủ thứ sách vở, báo chí, tiếng Tây, tiếng ta để nhật tin tức. Ông lại có một người bà con tên là Trường Tạo cùng ở một căn hộ, người tầng trên, người tầng dưới. Trường Tạo là tay ăn chơi lố đời, rất thạo các ngón cờ bạc. Ông ta là một kho tư liệu sống, thường xuyên cung cấp “thực tế” cho Vũ Trọng Phụng.

Tất nhiên tư tưởng nghệ thuật cũng có nguồn gốc từ đời sống thực tế. Nó được hình thành ở nhà văn từ tuổi ấu thơ, do tác động của môi trường sống của ông ta, bao gồm môi trường gia đình, môi trường xã hội, môi trường thiên nhiên, môi trường văn hoá. Vũ Trọng Phụng xuất thân trong một gia đình dân nghèo thành thị, mồ côi cha từ nhỏ, nhà có bệnh lao gia truyền (ông nội, ông thân sinh và bản thân Vũ Trọng Phụng đều mất sớm vì bệnh lao. Khi Vũ Trọng Phụng qua đời, cảnh nhà rất bi thảm: ba người đàn bà goá trong một gia đình). Vũ Trọng Phụng học hết bậc tiểu học đã phải đi làm để kiếm sống. Chạy được chân thư ký quen cho một nhà in, rồi một hãng buôn, thì cả hai lần đều bị sa thải vì nạn kinh tế khủng hoảng. Một thiếu niên vừa bước chân vào đời thì mọi con đường lập thân, lập chí đều tắc nghẽn hết. Hoàn cảnh ấy đã tạo ra ở Vũ một tâm trạng phần uất mãnh liệt đối với cái xã hội mà ông gọi là “chó đừ” - một xã hội mà kẻ có quyền, có tiền làm chủ tất cả, chi phối tất cả. Tư tưởng nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng được tạo nên từ đó. Ông lại sống chủ yếu ở phố Hàng Bạc, trong một căn gác xép. Vùng phố này là một trong những trung tâm buôn bán và ăn chơi của Hà Nội. Kề chung quanh là Hàng Đường, Hàng Dao, Hàng Buồm, Đồng Xuân, Mã Mây, Sầm Công, Tạ Hiện, nhan nhản những tiệm ăn, tiệm hút, rạp tuồng, rạp hát... Cạnh nhà Vũ Trọng Phụng lại sừng sững dinh cơ của bà Bé Tý, một mẹ Tây cao cấp nổi tiếng một thời (người ta gọi là “Bà chúa Hàng Bạc”). Vậy là hàng ngày giẫm qua giẫm lại trước mắt Vũ Trọng Phụng là một thế giới nhân vật, như muốn trêu ghẹo, chọc tức ông: giàu là con buôn, mẹ Tây, bọn công tử bột ăn chơi, nghèo là bồi sấm, bồi tiêm, ma cô, lưu manh, gái điếm... Tất nhiên ở đâu chẳng có những người dân lương thiện. Nhưng với tâm trạng phần uất, thái độ bi quan, cái nhìn của Vũ dễ bị hút nhiều hơn về phía đen tối của “nhân loại”, dễ bắt lấy nhiều hơn những mặt trái của cuộc đời.

Vâng, tạo ra thế giới nhân vật của Vũ Trọng Phụng, vẽ ra những bức tranh hiện thực của Vũ Trọng Phụng, là cái tư tưởng nghệ thuật ấy. Một số kiếp đầy bất hạnh, một cuộc đời “Tài cao, phận thấp, Chí khí uất” (Tân Đà), một tâm trạng căm thù không bao giờ nguôi đối với cái xã hội “chó đừ” ngày trước, đó là nguồn gốc tài năng của Vũ Trọng Phụng, là linh hồn của chủ nghĩa hiện thực có sức công phá ghê gớm của Vũ Trọng Phụng.

### **3. Nhà văn và sức mạnh tưởng tượng tổng hợp**

Viết văn, nhất là viết tiểu thuyết, phải có khả năng khái quát tổng hợp. Không phải khái quát bằng những khái niệm trừu tượng thuộc lý trí mà bằng sức mạnh tưởng tượng: tạo ra một thế

giới nghệ thuật có khả năng phản ánh một cách tổng hợp những mảng hiện thực rộng lớn của xã hội trong một thời kỳ lịch sử.

Nam Cao và Vũ Trọng Phụng đều có khả năng ấy, nhưng họ thực hiện ngược chiều nhau. Tôi nhất trí với Chu Văn Sơn: Nam Cao thường đi từ những cái nhỏ nhặt đời thường, từ một điểm vi mô mà nâng lên, khái quát lên bằng suy tưởng triết lý, đến những vấn đề ở bình diện vĩ mô, có khi liên quan đến vận mệnh của cả đất nước, của cả nhân loại. Vũ Trọng Phụng thì ngược lại: thâm tóm, dồn nén cả một xã hội, cả một thời đại vào trong vài trăm trang sách. Như *Giông tố* chẳng hạn, biết bao nhân vật sinh sống trên nhiều vùng đất khác nhau, thành phần xã hội và số phận khác nhau, cứ đan chéo vào nhau, đâm sầm vào nhau, huých đập lẫn nhau, tạo nên bao cảnh lên voi xuống chó, xuống chó lại lên voi, đay tính bi hài...

Không nên hiểu khái quát tổng hợp ở đây là cứ theo dòng tự sự đơn tuyến, lần lượt miêu tả, thuật kể vùng đất này rồi vùng đất khác, cảnh ngộ này rồi cảnh ngộ khác, loại người này rồi hạng người khác một cách rời rạc. Đầu thế kỷ XX, ông Trọng Khiêm đã viết một cuốn tiểu thuyết dày dặn theo lối ấy (Kim Anh lệ sử). Tác phẩm cũng có đủ cả miền xuôi, miền ngược, nông thôn, thành thị, cũng có đủ mọi hạng người trong xã hội thời bấy giờ. Tất cả được lần lượt ngoắc nối vào nhau, xâu chuỗi vào nhau một cách thiếu tự nhiên bằng cuộc đời phiêu lưu, chìm nổi của một cô gái tên là Kim Anh.

Vũ Trọng Phụng không làm như thế. Ông sáng tạo ra một xã hội hẫng hoi, vận hành theo qui luật nội tại của nó. Những số phận cá nhân có vẻ rất ngẫu nhiên, như là do vận may vận rủi bày ra như vậy, kỳ thực đều bị chi phối bởi những qui luật tất yếu và nghiệt ngã của xã hội một thời. Khái niệm “Sức mạnh tưởng tượng tổng hợp” (puissance d’imagination synthétique) tôi mượn của Lanson, một nhà nghiên cứu văn học Pháp, khi ông đánh giá tiểu thuyết của H. Balzac. Balzac và Vũ Trọng Phụng quả là hai cây bút có sức mạnh tưởng tượng tổng hợp phi thường.

#### 4. Số đỏ và nghệ thuật trào phúng

Trong lịch sử văn học nước ta (và của thế giới có lẽ cũng vậy), xem ra những tài năng trào phúng tầm cỡ lớn không nhiều. Nói riêng về thơ, có thể điểm danh hàng chục nhà thơ trữ tình lớn không khó khăn gì. Nhưng nhà thơ trào phúng cỡ Hồ Xuân Hương, Tú Xương có được bao nhiêu? Nhà tiểu thuyết trào phúng lớn cũng rất hiếm, có lẽ không đếm đủ trên năm đầu ngón tay.

Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, về tài năng trào phúng, phải thừa nhận Vũ Trọng Phụng là cây bút số một, một bậc thầy về nghệ thuật châm biếm hài hước. Cho nên *Số đỏ* là tác phẩm thật quý hiếm. Nguyễn Khải bái phục là phải: *Số đỏ* là “một cuốn sách ghê gớm có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học”(3).

Từ *Số đỏ*, có thể rút ra được những bài học gì về nghệ thuật trào phúng?

a. Tôi có được đọc một bài tiểu luận bàn về tiếng cười (Le Rire) của một nhà triết học Pháp (H. Bergson). Luận điểm của ông có thể tóm tắt như sau: Ai là người biết cười? Trả lời: Chỉ có con người. Con người có trí tuệ nên mới biết cười (người trí tuệ kém phát triển, đầu óc tri độn, nói chung, không biết đùa, không biết cười) và Ai là đối tượng đáng cười? Trả lời: Cũng chỉ có con người. Thiên nhiên, loài vật sống rất tự nhiên, chẳng có gì đáng cười cả. Chỉ con người mới hay có những hành vi vô nghĩa lý, thiếu tự nhiên làm bật cười. Bergson gọi là bị đồ vật hoá, máy móc hoá, như con rối. *Số đỏ* đã khai thác triệt để thủ pháp này. Cứ xem những con vật, như con chó, con mèo, chúng hoạt động rất tự nhiên: đói thì ăn, khát thì uống, thấy chuột thì vồ, buồn ngủ thì ngủ... Làm gì cũng có mục đích, có lý cả. Còn nhân vật *Số đỏ* thì ăn nói, cử động

rất vô nghĩa lý, cứ như những cái máy vô hồn vận sẵn dây cót: Thăng Xuân gặp ai cũng cúi đầu rất thấp: “Chúng tôi rất hân hạnh”, rồi xổ ra một tràng những câu thuộc lòng như con vẹt: “Hạnh phúc có gì khác nếu không phải là hạnh phúc vợ chồng?” “Cái gì hủ lậu ta đào thải đi!” “Thể thao... nòi giống...”. Cụ cố Hồng thì tuy chẳng biết gì cả, nhưng động mở miệng là “Biết rồi, khổ lắm nói mãi!”. Những nhân vật khác, từ mẹ Phó Đoan, Minhđơ, Mintoa, đến Cậu Phước “em chã” đều được xây dựng theo lối ấy...

**b.** Nói chung truyện cười cho phép sử dụng thủ pháp phóng đại một cách thoải mái. Thường ngày, đùa vui với nhau, ta cũng phải phóng đại mới có thể gây cười. Nhưng phóng đại đến đâu, đến mức độ nào thì vừa gây được tiếng cười, vừa đảm bảo được tính chân thực của chủ nghĩa hiện thực? Cảm nhận được chính xác cái độ thoả đáng, cái độ tối ưu ấy, là tài năng của những nhà trào phúng lớn. Phóng đại chưa đến cái độ ấy thì chưa đủ gây cười. Nhưng phóng đại quá cái ngưỡng ấy thì tác phẩm mất tính chân thật, người đọc không tin là có thật, và như thế là nguyên tắc phản ánh của chủ nghĩa hiện thực bị vi phạm.

Nguyễn Công Hoan cũng là một cây bút trào phúng tài năng. Nhưng trong nhiều trường hợp, ông đã phóng đại quá mức. Tác phẩm mất tính chân thật, mất sức thuyết phục.

Lấy một ví dụ: Truyện “*Nỗi vui sướng của thằng bé khôn nạn*”. Chủ đề: phê phán sự hư hỏng của phụ nữ. Một bà phán nọ, chồng vừa chết, đã bỏ bịch luôn với một ông phán khác bạn của chồng.

- Bước phóng đại thứ nhất: Họ tình tự với nhau ngay cạnh bàn thờ ông Phán quá cố (thiếu gì nơi tình tự mà phải ngồi với bồ ngay cạnh bàn thờ của chồng! Sự phóng đại đã bắt đầu vượt ngưỡng).

- Bước phóng đại thứ hai: Bỗng ông Phán nhân tình cảm thấy nóng bức quá. Bà vợ goá bèn gỡ luôn cái ảnh của chồng trên bàn thờ cho ông bồ quạt (sự phóng đại hết sức vô lý, thiếu gì cái có thể dùng thay quạt tốt hơn mà phải lấy đến cái ảnh của chồng!)

- Bước phóng đại thứ ba: quạt chán, ông Phán nhân tình quăng cái ảnh lên bàn nước, khiến mặt chồng bà Phán trong ảnh phồng rộp lên...

Nguyễn Công Hoan mắc rất nặng tư tưởng bảo thủ phong kiến, nhất là chung quanh vấn đề hôn nhân, gia đình, vấn đề phụ nữ. Viết về đề tài này, ông không kiềm chế được thái độ ác cảm với những phụ nữ muốn thoát ra khỏi sự trói buộc của lễ giáo phong kiến. Trong những trường hợp như thế, Nguyễn Công Hoan không còn là một văn sĩ xã hội tiến bộ, không còn là cây bút hiện thực chủ nghĩa nữa.

Số đỏ của Vũ Trọng Phụng không mắc khuyết điểm đó. Thoạt xem tác phẩm này, ta tưởng như sự phóng đại của tác giả còn tùy tiện, phóng túng hơn cả Nguyễn Công Hoan: một thằng ma cà bông vô học mà trở thành đốc tờ bác sĩ, triết gia, thi sĩ, anh hùng cứu quốc; một mẹ me Tây đại dâm ô mà được sắc ban Tiết hạnh khả phong v.v... Nhưng hãy gấp quyển sách lại và nhìn ra cuộc đời thực mà xem: té ra không thiếu gì những thằng Xuân tóc đỏ có thực, không thiếu gì những mẹ Phó đoan bằng xương bằng thịt... Hoá ra, Vũ Trọng Phụng chẳng nói oan nói ức cho thằng nào, con nào cả. Thiên tài của tác giả Số đỏ là ở chỗ ấy: cảm nhận được và dừng lại đúng cái ngưỡng tối ưu của sự phóng đại, để tạo ra những nhân vật rất chân thật, những điển hình hiện thực chủ nghĩa bất hủ.

**c.** Về nghệ thuật trào phúng, trong một bài viết về thơ Tú Mỡ, Xuân Diệu phân biệt hai khái niệm “chửi địch” và “đánh địch”. Tất nhiên chỉ là cách diễn đạt có tính ước lệ mà thôi. “Chửi

địch” là trực tiếp thoá mạ đối tượng bằng ngôn ngữ, bằng giọng điệu và các thủ pháp này khác. “Đánh địch” là dựng đối tượng lên thành nhân vật sống động, có tính cách, cá tính thật sự, để tự nó dỡ những trò lố bịch mà chuốc lấy tiếng cười của thiên hạ. Nghệ thuật “đánh địch” tất nhiên là cao cường hơn. Tú Mỡ, Nguyễn Công Hoan thiên về “chửi địch”. Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Vũ Trọng Phụng thiên về “đánh địch”.

## 5. Tiểu thuyết và thời sự. Nguyên mẫu và nhân vật truyện của Vũ Trọng Phụng

Đọc *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê*, thấy Vũ Trọng Phụng có khả năng đưa thẳng không khí thời sự và các sự kiện chính trị, xã hội, văn hoá còn nóng hổi tính thời sự vào tiểu thuyết của mình. Tiểu thuyết mà cứ muốn chạy đua với bút ký, phóng sự và thông tin báo chí. Tôi có đọc một số báo hàng ngày xuất bản cùng thời với các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, thấy có những tin tức tương tự như trong tiểu thuyết của Vũ. Chẳng hạn tờ báo nọ đưa tin bà Bé Tý (một mẹ Tây cao cấp) đến sờ cằm xin tha cho một thanh niên phạm một tội gì đó. Trong tiểu thuyết *Số đỏ*, bà Phó Đoan cũng đến bóp cảnh sát xin tha cho thằng Xuân phạm tội nhòm trộm một cô đầm thay váy. Lại có báo đăng tin một du học sinh mới ở Pháp về, không kiếm được một bằng cấp gì, nên rất khinh bỉ văn bằng. Thì trong *Số đỏ*, nhân vật Văn Minh cũng đúng như thế. “Anh ta đồng dục giảng cho ông bố ngu si, chậm hiểu của mình: “Học thức không ở văn bằng. Những người như Phạm Quỳnh hay Nguyễn Văn Vĩnh, mà khảo đến bằng, thì thành ra vô học hay sao?” v.v...

Nhiều người sống cùng thời với Vũ Trọng Phụng, nói rằng, đọc *Giông tố*, *Số đỏ*, có thể chỉ ra được những người thật trong xã hội đương thời mà Vũ muốn ám chỉ. Trong số các nhà văn hiện đại Việt Nam, có hai cây bút rất hay dùng nguyên mẫu để xây dựng nhân vật của mình: Nam Cao và Vũ Trọng Phụng. Tôi đã từng hướng dẫn một sinh viên cao học làm luận văn, đề tài: “Từ nguyên mẫu đến nhân vật truyện của Nam Cao”. Chúng tôi đã về làng Đại Hoàng của nhà văn để tìm tư liệu. Hầu hết nhân vật trong *Chí Phèo*, *Sóng mòn* đều có nguyên mẫu. Cụ Nguyễn Lương Ngọc, nhà lý luận, phê bình văn học sống cùng thời với Vũ Trọng Phụng cũng nói như vậy về các nhân vật trong *Giông tố*, *Số đỏ*. Tôi nghĩ giá có ai đó chịu khó tìm tòi để biết được những nguyên mẫu các nhân vật của Vũ Trọng Phụng thì hẳn là rất thú vị. Từ đó, có thể xây dựng được một luận văn vừa có giá trị khoa học vừa hết sức hấp dẫn. So sánh nguyên mẫu với nhân vật truyện, có thể phát hiện ra những phương thức chế biến, hư cấu đầy sáng tạo của nhà văn. Từ gã Chí Phèo - nguyên mẫu (chỉ là một anh đồ te say rượu bết nhè, chửi trời chửi đất lung tung), Nam Cao đã sáng tạo ra một Chí Phèo - nhân vật văn học bất hủ.

Nhưng tìm hiểu nguyên mẫu của các nhân vật truyện của Vũ Trọng Phụng hẳn là không dễ chút nào. Vì khác với nguyên mẫu các nhân vật trong *Chí Phèo*, *Sóng mòn*, chủ yếu tập trung ở một làng Đại Hoàng, nguyên mẫu nhân vật trong *Giông tố*, *Số đỏ* quá đông đúc và phức tạp, gồm đủ các hạng người, lại có mặt ở nhiều môi trường xã hội, ở nhiều vùng đất khác nhau, hầu như trên cả nước.

Người ta đã viết nhiều, nghiên cứu nhiều, khám phá nhiều về cuộc đời và sự nghiệp của Vũ Trọng Phụng. Mấy năm gần đây, có hàng chục luận văn thạc sĩ, tiến sĩ viết về nhà văn này. Vậy mà cuộc đời và sự nghiệp của ông vẫn chưa thôi đặt ra những câu hỏi chưa được giải đáp thấu đáo để tiếp tục làm cho các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học phải động não.

Mới biết, những cây bút lớn, những tác phẩm đỉnh cao, chẳng những là những đóng góp làm vẻ vang cho truyền thống nghệ thuật dân tộc, mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển ngày càng phong phú của khoa học văn chương.

Láng Hạ, 3/11/2009  
N.Đ.M  
(250/12-09)

-----  
<sup>(1)</sup> Xem "Nhà văn Vũ Trọng Phụng với chúng ta". Trần Hữu Tá biên soạn - Nxb TP Hồ Chí Minh. 1999. Đọc các bài của Nguyễn Đình Thi (Nhà văn với quần chúng lao động); Hoàng Văn Hoan (Một vài ý kiến về tác phẩm Vũ Trọng Phụng trong văn học Việt Nam); Vũ Đức Phúc (Vũ Trọng Phụng - nhà văn tự nhiên chủ nghĩa tiêu biểu)

<sup>(2)</sup> Nguyễn Tuân, Nguyễn Khải cũng có khả năng tương tự. Nguyễn Tuân chưa lên Tân Viên Ba Vì bao giờ mà viết "Trên đỉnh non Tân" rất đúng. Trong kháng chiến, ông mới có dịp tới ngọn núi ấy và thấy "Sao mình giỏi quá vậy?". Nguyễn Khải ở ngoài Bắc mà tả "Hòa Vang" chiến đấu chống Mỹ nguy như thật. Anh chỉ nghe một nhà tình báo cao cấp thuật kể mà viết về những bộ trưởng, thượng nghị sĩ... thuộc chính quyền Sài Gòn cũ như là thông thạo lắm (kịch Cách mạng và tiểu thuyết Gặp gỡ cuối năm)

<sup>(3)</sup> Tham luận tại Đại hội nhà văn lần thứ 3 (9-1983)

## Kĩ nghệ lấy Tây

Bà Kiểm Lâm đã giới thiệu cho tôi quen bà cai Bu Dích nhưng bà này không mời tôi về nhà mà mời lại chơi nhà người "bạn đồng nghiệp". Theo dòng chữ bút chì nguệch ngoạc trên mảnh giấy xé ở sổ thợ giặt ra, tôi cứ việc thấy cái sân có rào găng ở một ngõ lách thuộc phố Nhà Ngựa là vào.

Mới để chân trước cổng đã thấy một giọng lanh lảnh hát:

*Bạc đồng me sừ có mà phát xê  
Ác tăng moa rắc công tề tú mà!* <sup>[1]</sup>

Cho hay mỗi giới có một nàng Thơ riêng. Nàng Thơ ở đây, dù sao cũng đã "dung hợp Âu Á" thành ra văn minh hơn mình, hơn nàng Thơ của cái "kêu đường gòi" ở những chỗ tránh xe điện.

Đương đứng lảng tai muốn nghe thêm nữa thì đã thấy tiếng guốc từ nhà ra sân: "Ông cứ vào, chị em tôi đương đợi mãi."

Đó là bà Cai. Tôi ngả mũ rồi vào. Đây là một gian...vừa là phòng khách, phòng ăn, và phòng ngủ. Có thể gọi là nhà thờ cũng được, vì bên cạnh cái giường tây gỗ, có thấy đóng một cái xích đồng, bên trên bày đồ thờ, thờ một cái tranh con hổ. Chẳng biết Sơn quân ngài có biết xơi bơ không? Ai chơi khăm, để ngay ở đây một hộp như muốn cúng ngài thế?

Trên giường có hai me ngồi, ngồi chầu một cỗ tổ tôm. Nếu phân tích kĩ lưỡng ra, cái giường tây lí tất nhiên đã là cái sòng, đã chứng kiến cho bao nhiêu tối tân hôn, và biết đâu lại không là vật tông phạm của bao nhiêu cuộc ngoại tình nữa! Cái giường của một me tây cũng như cái dùi khui của một thầy cảnh sát, cũng như cái búa của bác thợ rèn, cũng như cái cổ của một ông nghị viên Việt nam. Trong cái kĩ nghệ lấy Tây, thợ chỉ làm việc trên giường.

Thấy tôi vào, hai bà khép nép thu bớt những bộ đùi trắng lôm lóp lại, ngồi cả vào một chỗ, mời tôi ngồi ngay bên. Một bà hỏi bà cai Bu Dích:

"Ông ấy đây à?"

"Phải."

Bà kia lại mỉm cười: "Thế ông định viết báo nói xấu chị em chúng tôi những gì thế ông?"

Tôi đáp: "Không, tôi không muốn nói xấu ai, tôi chỉ muốn rõ sự thực."

Bà cai Bu Dích cũng đỡ lời một cách quyền hành: "Nỡm lắm! Cứ bông lơn làm gì thế? Người ta đến đây để nói đùa hay sao?"

Tôi lại phải lựa lời: "Hai bà nên rõ cho rằng chúng tôi chỉ muốn rõ những cuộc phối hợp của đàn bà ta với người Tây có may, có rủi thế nào? Chúng tôi để ý nhất là những trẻ con lai. Số này đông lắm, nên vấn đề trẻ con lai sau này tất làm bận lòng các nhà cầm quyền lắm. Xưa nay, hình như ta có cái thành kiến: nếu ai lấy Tây, là chỉ vì tiền. Thế thì có bao giờ bà nào lấy Tây vì ái tình không?"

Nào ai ngờ mới nói qua loa thế thôi mà hai mẹ kia đã hầu như nổi trận lôi đình. Cả hai người đều sô sô lên rằng: "Chứ không ư? Việc gì mà lại chẳng vì tiền? Ông tính chúng tôi với họ thì còn có thể nào vì tình vì nghĩa gì được nữa? Vả lại, họ lấy chúng tôi cũng chẳng phải vì tình. Đối với họ, chúng tôi chỉ là cái đồ chơi trong một thời hạn khá dài mà thôi."

Nói đại khái thế rồi, cả hai mẹ ra về lấy làm hả hê.

Tôi thật không ngờ. Dĩ thường nếu mình nảy ra ý phỉn nịnh, đã nói trước rằng họ lấy nhau vì tình chẳng hạn, có lẽ các bà này coi mình như đã...mai mỉa các bà cũng nên.

Song, từ xưa đến nay, mấy nghìn mấy vạn bà vợ Tây, phải chăng bà nào cũng có một quan niệm như thế?

Chợt một bà vội dặn: "Nếu ông có viết vào nhật trình thì cứ viết phăng rằng chúng tôi lấy họ vì tiền, thế thôi! Mà hạng đàn bà chúng tôi là hàng bỏ đi, xã hội không cần kể đến nữa."

Ấy chết! Nếu vậy thì trong những công cuộc Đông Tây hợp tác, "Âu Á đề huề! do quan Phó Nam Vương khởi xướng, các mẹ là những kẻ hi sinh đầu tiên để tìm sự từng trải, chẳng lẽ lại không đáng được kì công, gọi có chút đền bù?

Thế là bà Cai nói ngay:

"Người đàn bà Bắc kì thứ nhất lấy Tây là bà Đội Chóp. Bà này...chính là tổ sư nghề lấy tây. Ông Đội chết rồi, bà ta cũng chẳng nghèo, chẳng giàu. Con cái chẳng có, bà Đội về già thì để tâm trí vào một việc, một việc ta cho là từ thiện: cái việc khóc ma mướn."

Ôi ai ôi là ai ôi! Trăm đường nghìn nỗi ai ôi...Ai đi đâu bỏ cửa bỏ nhà, bỏ anh em cha mẹ, họ hàng, ai ôi...!

Bốn mươi năm trước đây người Việt nam ngoài sự lo tưới nước lụt lợn vào xác người chết lại còn muốn người chết phải cảm động bởi những câu khóc lóc khéo của kẻ sống ở sau cái quan tài! Nhà nào sợ vì lẽ gì tang gia bối rối mà không đủ lời lẽ thăm thiết thì mời bà Đội Chóp giúp hộ một...miệng. Bà Đội Chóp, một người có lòng từ thiện, đã vui vẻ mà khóc, tươi cười mà khóc, khóc một cách chu đáo, mà lại không tính tiền, nghĩa là khoác ga-tuyt<sup>[2]</sup> vậy.



Ồi ai ôi là ai ôi...!"

Nhưng thôi, chúng ta để bà Cai kể nốt:

"Nước ta có vô số vạn trẻ con lai vô thừa nhận, với số vạn nữa thiếu niên, thiếu nữ lai có Pháp tịch, được hiến đạch, tội ấy và công ấy ở cả bà Đội Chóp mà ra. Bà ta đã có can đảm đánh trống ra lệnh cho chị em hậu sinh, chúng tôi không nơm nớp sợ những ông khổng lồ tóc đỏ, mắt xanh, nói thì oang oang như gấu, chân tay hay giơ lên như sừng sộ...Phải, mỗi khi người đàn bà bờ ngõ nghĩ đến trao xương gửi thịt cho những người xa lạ ấy mà nơm nớp lo sợ, mà trù trừ đo đắn, thì hầu như có linh hồn của tổ sư hiện lên mà an ủi rằng: "Không sợ! Người Tây văn minh ra phết, họ không ăn thịt mình, cứ lấy bừa đi!"

Bọn chúng tôi không nhin được cười. Ấy là bà Cai, mấy hôm nay vừa bị ông Cai chạy làng cho một vợ, nghĩa là bị chồng bỏ, nghĩa là bà vừa trải qua một trận phong ba, mà còn có gan bông lơn như thế. Đủ biết quả tim kia không rung động nữa rồi. Lấy chồng hay bỏ chồng, bà này chỉ thấy là tậu được một cái chén hoặc nhỡ tay đánh vỡ mất mà thôi!

Lúc này, một lũ trẻ con bà Cai dắt díu nhau lúc nhúc kéo sang. Đứa nào trông cũng hay hay, tinh khôn nhanh nhẹn, lạ nhất là đứa bé ba năm trông y như trẻ quảng cáo của hiệu sữa "Con Chim" vậy.

Tôi buồn rầu vì chợt nghĩ đến bố mẹ chúng. Bọn trẻ ấy sau này sẽ có cái tương lai ra sao? Thế là những lời tâm sự của Suzanne lại vắng thấy bên tai tôi, khó chịu như những câu oán trách.

"Má ơi, má trông thằng Gioong nó đeo yếm rãi nó cái mỏ neo nó nhặt được đây này!", con chị rầm rộ chạy vào, giơ thằng em ra khoe.

"Bước ngay! Bà đang có khách, đừng có đến ám quẻ bà nhé!" Quát rồi, bà cai Bu Dích nhặt cái guốc giơ rõ cao. Mấy chị em hãi hùng, dắt díu ẵm bế nhau cút mất.

Không. Một người đàn bà, dù là quái vật đi nữa, khi đã thành một người mẹ rồi thì chẳng khi nào lại nở cú quái vật với cả lũ con mình rút ruột đẻ ra. Vậy thì sao trước lũ trẻ đáng hôn hít nâng niu kia, mẹ chúng lại có cái cử chỉ của cai ngục đối với tù nhân thế?

Tôi đã muốn bắt bình...May sao, tôi nghĩ ra ngay. Trong khi người đàn bà chỉ nghĩ đến tiền, người đàn ông chỉ nghĩ đến nhục dục, giữa hai bên hầu như có bức tường ghê gớm mà sự thành thực không thể nhảy qua được, chưa chi người ta đã nghi ngờ rồi. Những lời ân ái từ đáy lòng thốt ra đều bị coi là giả dối cả. Khốn nỗi, không phải ai cũng có gan dùng đến cách đề phòng sự sinh dục cả. Từ những cuộc...câu hợp đó có những kết quả là bọn trẻ kia. Có con là sự quý báu đối với ai, chứ với hạng vợ chồng này, có con là một cái hoạ. Người đàn bà hầu như chữa đề đề rồi mà hối hận. Anh đàn ông, nếu không hối là đã điên có khi cũng bán tín bán nghi đánh mấy cái dấu hỏi: có phải chính nó là lũ con cùng máu với mình? Sự nghi hoặc đã sinh ra lòng căm hờn, mà bao nhiêu lễ công phạt của căm hờn đều chỉ trút lên đầu những đứa bé ngây thơ và vô tội!

Những đứa bé kia rất đáng yêu thương. Song le, hoặc con người, hoặc con ta, bà Cai có cần..."đếch" gì. Bà cũng y như nhà nước.<sup>[3]</sup> Vì rằng bà thần nhiên cho tôi nghe thêm mấy chuyện:

"Bà Đội Chóp chỉ được tiếng là tiên phong thôi chứ cũng chẳng về vang gì. Một người đã khóc ma muốn cho qua ngày đoạ thánh thì còn hay hóm gì nữa! Cứ kể cho đúng, trong bọn chúng

tôi mà oanh liệt nhất thì có một số rất ít. Xin kể: bà Tây Cú, bà Chánh Lý, bà Lu Oa, bà Đuy Kiềng. Ngoài ra còn nhiều bà lấy được những ông xi-vin sang trọng, quan cai trị, Tây buôn. Thế mà, những bà hiền đạt có vì ái tình không? Chắc ông chẳng dám phán đoán. Thôi ông cứ yên tâm...Một người lấy Tây, cả họ được nhờ!"

<sup>[1]</sup>Xin lỗi mình đừng giận vợ  
Để rồi tôi kể cho mà nghe

<sup>[2]</sup>Không lấy tiền

<sup>[3]</sup>Từ khi có nạn kinh tế, nhà nước bảo hộ cũng không cứu giúp một cách cho đầy đủ một số đông trẻ con lai vô thừa nhận như trước nữa.

*Nguồn: Trích phóng sự "Kĩ nghệ lấy Tây", 1934,  
Tuyển tập Vũ Trọng Phụng, Nxb Văn học, 1998*

## Nhớ và nghĩ về Vũ Trọng Phụng Bùi Huy Phồn (tức Đò Phồn)

Tôi hơn Vũ Trọng Phụng một tuổi, nhưng vào làng văn sau anh vài ba năm. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp Vũ Trọng Phụng ở một tiệm thuốc phiện của mụ Đốc Trinh, sau đền Bà Kiệu, bờ hồ Hoàn Kiếm, do một người bạn giới thiệu: "Vũ Trọng Phụng nó nói tới mày luôn sau khi đọc mấy bài thơ và truyện ngắn của mày. Hôm nào, tao dẫn đến gặp nó".

Bước vào căn phòng ánh sáng âm u, dập dờn bên dưới là một dãy sập đôi trải đệm hoa, trên mỗi sập có treo một cái lọng mở sẵn, người bạn đưa tôi đến thẳng nơi Vũ Trọng Phụng đang nằm, trước mặt một người bồi tiêm.

Hút xong điếu thuốc, không hiểu điếu thứ bao nhiêu, nhà văn ngồi dậy bắt tay chúng tôi, rồi quay bảo bồi tiêm mời tôi một điếu. Tôi từ chối:

- Cảm ơn anh tôi không biết hút.

Phụng dằng lấy dọc tẩu chuyển sang bạn tôi, vừa nói gần như mắng:

- Muốn làm nhà văn mà không biết hút thuốc phiện thì viết hay sao được!

Tôi phân trần về hoàn cảnh sức khỏe của mình, lúc bấy giờ Phụng mới mỉm cười thân mật.

- Nói thế chứ, chẳng nên đa mang làm gì cái của nợ này. Tôi sở dĩ phải hút vì phổi yếu, có thể nghi là bị ho lao, nên bác sĩ khuyên mình cứ hút thuốc phiện đi là khỏi, đến nỗi bây giờ bệnh chẳng biết có khỏi không, nhưng chắc chắn mình đã trở thành dân "bẹp" thực thụ.

Tôi liếc nhìn xung quanh chỗ Phụng nằm, thấy la liệt, một số sách và báo tiếng Pháp, như báo *Nhân đạo* (L'Humanité) của Đảng cộng sản Pháp, báo *Gringoire* của Đảng Xã hội, báo *Độc* (Lu), hầu hết là báo tiến bộ Pháp lúc bấy giờ.

Sau khi trao đổi với nhau về một số chuyện văn chương, về thời sự, về một số nhân vật đương thời, chúng tôi đã trở nên thân nhau như đôi bạn. Lúc về, anh Phụng ghi cho tôi địa chỉ của anh ở số nhà (tôi quên) phố Hàng Bạc và hẹn tôi thế nào cũng tới thăm, để còn nói chuyện nhiều hơn nữa.

Tục ngữ Pháp có câu “Văn tức là người” nhưng với Vũ Trọng Phụng từ khi tôi quen biết anh tới khi anh qua đời, câu ngạn ngữ ấy có nghĩa ngược lại. Đó là một con người thật thà đôn hậu, có nghĩa, có tình, có trước có sau, hoàn toàn không giống như văn phong trong tác phẩm của anh. Sự việc để minh họa thì rất nhiều, tôi chỉ xin nêu ra đây một vài ví dụ:

Tôi lập gia đình trước anh Phụng, lúc còn chưa quen nhau. Khi anh cưới vợ tức chị My Nương, mẹ cháu My Hằng bây giờ, anh có cho tôi biết tin và mời tới ăn cơm, với một số bạn bè thân. Biết tôi còn túng, anh bảo tôi:

- Cậu cứ mừng mình một đôi câu đối, thuê viết lên liễn Tàu để mình treo ở nhà làm kỷ niệm.

Tôi nghĩ mấy đêm ngày, cũng không ra một đôi câu đối ưng ý, nên đến hôm cưới đành phải mua một cái caravat đưa mừng và khăn khăn xin lỗi:

- Minh hay làm câu đối thật đấy, nhưng quen làm câu đối đã kích thiên hạ, chả nhẽ nay bạn thành lập gia đình, lại dùng văn chương đã kích bạn hay sao!

Hơn một năm sau, vợ tôi sinh cháu gái đầu lòng, tôi vắng Hà Nội ít lâu, khi ra gặp lại Phụng, anh hỏi tôi bộp chộp:

- Đi đâu mà mắt mặt lâu thế, ông bạn?

Tôi trình bày lý do “mắt mặt”, anh nghe xong tỏ vẻ rất mừng, và hỏi thăm sức khỏe của vợ tôi và cháu.

Chuyện tưởng thế là xong, không ngờ hai hôm sau, anh đưa tới nơi tôi ở trọ một hộp sữa bột “Gigô” kèm theo chiếc mũ và đôi tất len trẻ em nhờ tôi chuyển về cho cháu ở quê, theo đúng phong tục quà cáp mừng tặng truyền thống tốt đẹp của các cụ xưa.

Cũng thời gian này có lẽ thấy “ông vua” thuốc lậu Hồng Khê, ngoài việc mở cửa hàng thuốc cao đan hoàn, còn mở thêm nhà in Lê Cường, tờ *Hà Nội báo*, lại thêm nhà xuất bản Lê Cường, danh tiếng, lợi lộc đều “lấy lừng”, một ông vua thuốc lậu khác, Lê Huy Phách em họ ông trên, cũng mon men vào nghề chữ nghĩa. Ông làm một bữa cơm thịnh soạn mời anh Vũ Trọng Phụng và tôi, cùng một vài “vệ tinh” khác đến dự để bàn việc làm ăn. Trong khi đang hăng hái, cao đàm khoát luận, vị vua thuốc lậu nọ lỡ miệng nói xách mé:

- Cái bọn thằng Lưu Trọng Lư viết lách có ra cái quái gì...

Vũ Trọng Phụng chưa cần nghe hết đã dằn cả chén cả đĩa xuống mâm, chỉ tay thẳng vào mặt chủ nhân bữa tiệc:

- Nói cho anh biết, anh không được hỗn như thế. Chỉ có chúng tôi là những người cùng nghề mới có thể gọi nhau là thằng nọ thằng kia chứ anh chỉ là tên bán thuốc tim la mới nhoi lên, chứ là cái thá gì mà dám nói bậy?

Bữa cỗ hôm đó đã tàn lụi đi không một hồi âm trở lại.

Khi tờ *Tiểu thuyết thứ năm* và tờ *Hà Nội báo* không còn nữa, Vũ Trọng Phụng được Nguyễn Giang, con cụ Nguyễn Văn Vĩnh, mở lại tờ *Đông Dương tạp chí* và mời Vũ Trọng Phụng về làm chủ bút. Riêng Vũ Trọng Phụng, để lấp kín mỗi số báo, đã viết rất nhiều bài bằng nhiều thể loại

khác nhau ký nhiều bút danh khác nhau. Chính Phụng cũng không bao giờ ý thức được rằng trong số báo tháng 10/1937, anh có bài viết “Nhân sự chia rẽ của đệ tam và đệ tứ quốc tế” đăng trên tạp chí này đã là một cái cớ cho nhiều nhà phê bình lên án anh là một cây bút nguy hiểm về chính trị. Một số chúng tôi thỉnh thoảng có gửi bài đăng. Ngoài ra, tôi còn nhớ cũng vào dịp này, tôi có gửi một bài thơ đưa Phụng đăng lên tạp chí Đông Dương số tết:

*Mình nghĩ thân mình rõ đặng cay  
Ba mươi mừng một đến rồi đây  
Văn chương bán chẳng ma nào chuộng  
Công nợ xoay quanh mặt đã dày  
Tướng số đợi chờ, thôi hão cả  
Mã mô kết phát cũng huyền thay  
Có ngờ ở thiện còn mang nạn  
Ông quyết đi theo giặc những ngày.*

Cả bảy câu thơ trên không có vấn đề gì, riêng câu tám gây sự tranh luận trong ban biên tập. Đa số người có ý kiến nói với tác giả nên đổi lấy câu kết khác, vì nếu để chữ cũ “ông quyết đi theo giặc những ngày” mật thám nó có thể kết tội cho mình, nói bóng gió chữ “giặc” mà gây khó khăn cho tờ báo thì gay go. Riêng Vũ Trọng Phụng thì trước sau vẫn bảo vệ cho ý muốn của tôi “giặc đây là giặc cướp giặc cò, chứ có phải là giặc Pháp hay giặc gì đâu”. Và cuối cùng, lấy quyền tối hậu quyết định của chủ bút, anh đã cho đăng bài thơ. Quả nhiên, sau bọn mật thám có chất vấn câu thơ đó thực. Nhưng anh Phụng kiên quyết bảo vệ ý kiến của mình, nên không có việc gì xảy ra.

Ít lâu sau, nhắc lại chuyện này, tôi tủm tỉm cười hỏi lại Phụng:

- Giặc là giặc cướp, đó là ý kiến của anh và cũng là ý kiến của tôi, nhưng trong thâm tâm anh hiểu ý tôi muốn nói giặc là giặc nào?

Anh trả lời tôi, không cần suy nghĩ:

- Thì anh muốn nói giặc là giặc Pháp chứ là giặc nào. Bạn đọc ai chẳng nghĩ như thế, cứ riêng gì anh là tác giả, tôi là chủ bút.

Mấy chục năm về sau có những nhà phê bình lên án Vũ Trọng Phụng làm *Đông Dương tạp chí* là làm cho địch, rồi nhâng nhâng đắc chí mình là học giả uyên thâm nhưng rõ ràng là một việc làm thiếu chính xác, một lập luận không có cơ sở.

Trong kháng chiến chống Pháp, vấn đề Vũ Trọng Phụng yên ắng đi được trên mười năm. Khoảng mùa hè năm 1961 năm 1962 gì đó, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam có tổ chức một cuộc hội thảo về nhà văn Vũ Trọng Phụng mà về sau này tôi mới biết những cuộc họp này do Hoàng Văn Hoan đứng giật dây bên trong. Có người tâu với Hoàng Văn Hoan, lúc ấy đương phụ trách những công việc ở cơ quan cấp cao, rằng Vũ Trọng Phụng viết bài “chửi cộng sản” ở *Đông Dương tạp chí* (bài đã nói ở trên). Thật ra, đấy chỉ là một bài báo của một người không có chính kiến nhất định đã khen chê lung tung cả đệ tam đệ tứ. Hoàng Văn Hoan đọc bài báo này, phần nộ gọi Vũ Trọng Phụng là “văn gian” và tổ chức đánh bằng “thảo luận học thuật” cho có vẻ khoa học.

Thành phần dự hội thảo rất đông, khoảng gần một trăm người, đa số là các nhà phê bình, nghiên cứu văn học, các cán bộ giảng dạy văn ở mấy trường đại học, và mười anh em sáng tác. Hội thảo sắp sửa bắt đầu, có thêm Hoàng Văn Hoan đứng đỉnh đến “vớ tư cách là quan

sát viên”. Vì từ đầu đến cuối buổi hội thảo ông ta không phát biểu gì cả. Qua chừng năm, bảy người phát biểu ý kiến, cuộc họp chia ra làm hai phe đối lập nhau rõ rệt.

Phe thứ nhất, đa số là những vị không biết, không đọc Vũ Trọng Phụng vì cứ nghe nội dung phát biểu rất cay cú rất hăng để lên án người đã khuất bằng đủ lời đao to búa lớn, song hầu hết đều không có nội dung. Người thì cho văn của Vũ Trọng Phụng là thứ văn chương tự nhiên của chủ nghĩa đòi truy, khiêu dâm. Người thì cho con người Vũ Trọng Phụng là tay sai để quốc thực dân, là bảo thủ, là tởrốtkit.

Phe thứ hai, phần đông đều là những người cùng thời với Vũ Trọng Phụng như các nhà văn Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Lưu Trọng Lư, Như Phong, Hoài Thanh và tôi... bằng những lý lẽ xuất phát từ hiện thực đời sống xã hội lúc bấy giờ và đặc biệt xuất phát từ trái tim chân thành của mỗi người cầm bút đối với nhà văn quá cố. Thí dụ: khi nhà phê bình Vũ Đức Phúc lên án Vũ Trọng Phụng làm tờ *Đông Dương tạp chí* tức là làm tay sai cho giặc Pháp, tức thì nhà văn Nguyễn Công Hoan đập lại: “ Nếu nói ai dính dáng gì với giặc Pháp đều là làm tay sai cho chúng thì những người như anh, như tôi, như chúng ta... cũng đều là tay sai như thế cả. Chỉ biết chắc chắn rằng trong cái thời đại những nhà văn, nhà báo chúng tôi mà lúc đó anh Vũ Đức Phúc chưa có (nói theo nghĩa bóng), cho nên anh không biết rằng hễ kẻ nào thì thọt ở Sở mật thám, hay làm tay sai cho giặc, là chúng tôi tấy chay, hỏi không thềm đáp, gặp không thềm bắt tay”.

Cuộc hội thảo kéo dài mất đầy một ngày sôi nổi, nhưng đến lúc hết giờ, cũng không kết luận nổi phe nào đúng, phe nào sai.

\*\*\*

Sau chừng hơn một tháng, một hôm tôi nhận được giấy của nhà thơ Tố Hữu mời đến tận nhà dự cuộc hội thảo tiếp về Vũ Trọng Phụng. Kỳ này số người họp ít hơn so với lần trước rất nhiều. Lúc đến tôi chỉ thấy có mấy người. Các anh Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Hồng và một số người khác mà tôi không nhớ.

Hôm đó đã sang tiết thu 1962, tôi nhớ thế, vì trên hai bàn bày sẵn những bộ đồ trà tiếp khách có đặt những chum nhẵn lồng Hưng Yên. Mới nói được vài câu chuyện giao đãi chung chung, thì Hoàng Văn Hoan lại kèn càng đến để mà, vẫn như lần trước, không tham gia ý kiến gì cả.

Cuộc hội thảo lần này, chúng tôi tuy không ai bảo ai mà mọi ý kiến đều tập trung vào điểm đánh giá đúng mức con người Vũ Trọng Phụng và tác phẩm của anh. Ngoài những ý kiến của chúng tôi trong kỳ họp trước được lặp lại, còn thêm những luận cứ mới trong kỳ hội thảo này được nêu ra. Tôi nói về nhân cách Vũ Trọng Phụng khi anh còn là chủ bút *Đông Dương tạp chí* như đã thuật lại ở phần trên để tự chúng ta nhận xét lấy, xem anh có phải là tay sai cho giặc Pháp không.

Cuộc hội thảo lần này cũng rất sôi nổi, nhiệt tình, nhưng được kết thúc trong êm thấm, mặc dù người chủ trì hội thảo, nhà thơ Tố Hữu, cũng không có ý kiến kết luận. Chúng tôi ra về vui vẻ như trút được gánh nặng. Nhưng than ôi, chỉ ít lâu sau, không nhà xuất bản nào dám đụng đến việc tái bản Vũ Trọng Phụng; ở nhà trường thôi trích giảng văn Vũ Trọng Phụng; ở cấp đại học chỉ giảng về Vũ Trọng Phụng như một trường hợp ngoài lề và tiết học ấy được đặt tên là “vấn đề Vũ Trọng Phụng”.

Bây giờ tôi hỏi: thế thì có ai nói cấm, có văn bản nào của đoàn thể hay chính quyền đã chỉ thị về cung cách đối xử như thế với tác phẩm Vũ Trọng Phụng? Không ai nói công khai, không có

công văn chỉ thị nào cả, ngoài một thứ kiểu như “thư luân lưu” dài hàng chục trang đánh máy của Hoàng Văn Hoan cho một số người thân cận tung đi mà tới nay tôi đã nhìn tận mắt thấy một vài chỗ còn lưu trữ được, cộng với những cái hiệu lực ngầm nào đấy lan tràn dữ dội, độc ác.

Âu cũng là thói quen làm việc của một thời của số người vô trách nhiệm nhưng lại tự vỗ ngực là có tinh thần trách nhiệm cao!

Chúng ta đều biết nỗi oan khiên của Vũ Trọng Phụng, một nhà văn hiện thực lớn không những chỉ ở trong nước mà còn được đánh giá cao ở nước ngoài. Thế mà đột nhiên ngót hai mươi năm nay đã bị một số người đánh cho tới tấp như thế nào.

Nỗi đau và hờn tủi ấy không những đối với người đã khuất, nó còn làm liên lụy đến gia đình cháu Vũ My Hằng, người con gái duy nhất của nhà văn, từ ngày cháu chào đời cho tới nay đã gần năm chục tuổi đầu.

Tôi nhớ mãi hồi tôi còn khỏe, hàng năm thường rủ bạn bè cùng tới thăm gia đình vợ chồng cháu Hằng, nhất là từ khi cụ bà thân sinh ra Phụng và chị Phụng mất đi. Năm nào hoặc vì bận, vì đi công tác xa không xuống Cầu Mới được, khi gặp lại cháu Hằng tuy không nói ra miệng, nhưng qua khóe mắt, qua cử chỉ chúng tôi đều hiểu cháu đang nghĩ: chắc bố Phụng cháu không có vấn đề gì thêm nữa, nên các bác mới xuống thăm như thế. Và mỗi lần, hễ đọc báo, nghe đài thấy ai nói tới bố một cách công bằng, cởi mở, cháu đều đi khoe tin đó với bà con thân thuộc. Ngược lại, khi nào nghe ai nói không tốt về bố, vợ chồng cháu và con cái lại buồn lo đến mất ngủ quên ăn.

Mấy năm gần đây, sau lần tái bản tiểu thuyết *Vỡ đê* và gần đây việc in *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng* (gồm ba quyển) do nhà xuất bản Văn học chủ trương, tập truyện ngắn *Cái ghen đàn ông*, phụ trương tạp chí *Tác phẩm văn học* của Hội nhà văn Việt Nam, việc tổ chức những buổi hội thảo để đánh giá một cách khoa học tác phẩm và sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật to lớn của Vũ Trọng Phụng được tổ chức ở Hà Nội cũng như ở Thành phố Hồ Chí Minh là những biểu hiện tốt đẹp. Nhưng riêng tôi và một số người ít nhiều hiểu biết Vũ Trọng Phụng đều thấy đây mới chỉ là bước đầu. Chúng ta nên có những buổi thảo luận công khai hơn, thẳng thắn đĩnh đạc hơn rồi đi tới những quyết định xứng đáng với vị trí Vũ Trọng Phụng trong văn học sử và cũng để đánh thức một vài nhà nghiên cứu phê bình nào đó cho đến bây giờ vẫn còn cố nói: “Văn nghệ chúng ta có bị trói bao giờ mà nay bảo là cởi”.

Báo *Người Hà Nội*, số 79 ra ngày 1/7/1988

## Đọc lại *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng Nguyễn Đăng Mạnh

### 1. Cái tên của tác phẩm: Giông tố

Trong chuỗi tác phẩm xuất sắc của Vũ Trọng Phụng ra đời liên tiếp năm 1936: *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê*, *Cơm thầy cơm cô*, người ta thường đặt *Số đỏ* lên trên hết như một kiệt tác hoàn chỉnh nhất. Chúng ta không chối cãi giá trị nghệ thuật cao của *Số đỏ*, nhưng cần thấy *Giông tố* cũng là một tác phẩm lớn, một kiệt tác hiếm hoi trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.

So sánh với *Số đỏ*, tác phẩm này phải giải quyết những nhiệm vụ nghệ thuật nặng nề hơn. Nó phải quản lý một thế giới nhân vật đông đúc hơn, phức tạp hơn, gồm nhiều thành phần xã hội

và nghề nghiệp khác nhau, từ xã hội nông thôn đến đời sống thành thị, từ lâu đài của bọn triệu phú đến túp lều nát của người nông dân, hay một xó xinh xắn thiu của một tiệm hút mạt hạng, từ sinh hoạt Âu hóa với những cô gái tân thời lãng mạn nhất đến cuộc sống bình dị, chất phác, cần lao của cô gái quê sau luỹ tre xanh, từ xã hội quan lại Tây và ta cấp huyện, cấp tỉnh đến bọn cường hào ở làng xã, từ giới trí thức, giới báo chí đến các nhà hoạt động chính trị gồm đủ các xu hướng khác nhau: quốc gia, quốc tế, Đệ tam, Đệ nhị, v.v... Tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng thường mô tả những số phận luôn biến đổi, nghĩa là chuyển từ cảnh ngộ này sang cảnh ngộ khác hoàn toàn xa lạ, giống như được đổi đời vậy. Nhưng ở Số đỏ, nếu xem xét kỹ sẽ thấy thằng Xuân từ cuộc sống ma cà bông bước vào thế giới của bà Phó Đuan hay của những Văn Minh, TYPN, cụ cố Hồng, thực chất vẫn là từ môi trường lưu manh này đi vào môi trường lưu manh khác mà thôi. Và tính cách Xuân không có gì thay đổi, không cần gì phải thay đổi. Nhưng những nhân vật trong Giông tố thì khác. Thị Mịch từ gia đình cụ đồ Uẩn ở làng Quỳnh Thôn bước vào dinh cơ Nghị Hách thì là sự thay đổi hoàn toàn về nguyên tắc sống, về đạo lý sống. Hoặc như Long, từ anh viên chức mạt hạng trở thành con trai nhà triệu phú cũng vậy. Ngoài ra, khác với Số đỏ, Giông Tố phải sử dụng nhiều bút pháp khác nhau: bút pháp tiểu thuyết, bút pháp phóng sự điều tra, bút pháp tả thực, bút pháp lãng mạn, cả bút pháp truyện trinh thám nữa, rồi dụng đối thoại, độc thoại, nhất là độc thoại, v.v... Tác phẩm, vì thế, xét ở bộ phận, ở cấp độ chi tiết, quả là khó tránh khỏi những tỳ vết này, tỳ vết khác.

Nhưng cái hay của Giông tố chủ yếu là cái hay của tổng thể. Thực ra giá trị nghệ thuật của mọi tác phẩm văn chương trước hết đều phải đánh giá như thế mới đúng, vì tác phẩm nghệ thuật cũng như sự sống là những chỉnh thể sinh động. Đọc Giông tố phải cảm nhận cái không khí chung, cái âm hưởng chung, cái linh hồn chung của thế giới hình tượng của cuốn tiểu thuyết. Ấy là một xã hội quay cuồng đảo điên đến chóng mặt, biết bao tình huống trở trêu, biết bao cuộc đời lên voi xuống chó, xuống chó lại lên voi, ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông, khổ trở nên sướng, sướng hóa ra khổ, tất cả diễn ra trong tiếng cười, tiếng khóc, tiếng chửi bới, rên la, có khi lại vừa cười vừa khóc, tạo ra những tấn bi hài kịch về cái sự vô nghĩa lý, về cái “chó đểu” của cuộc đời. Một nhà nghiên cứu văn học Pháp nhận xét nhà văn Bandắc (H. de Balzac) có “một sức mạnh hiếm hoi của trí tưởng tượng tổng hợp” (une rare puissance d’imagination synthétique - Lanson). Cũng có thể đánh giá tác giả Giông tố như vậy. Đọc Giông tố, thấy gần như toàn bộ xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc thu nhỏ lại, thu hình lại - mà không phải xã hội trong trạng thái tĩnh tại mà trong trạng thái đầy biến động với các tầng lớp xã hội phân hóa hết sức dữ dội về kinh tế, xã hội, về chính trị và tâm lý. Dữ dội và nhanh chóng đến mức chính bản thân người trong cuộc cũng phải ngạc nhiên, bàng hoàng. Nhân vật cứ ngỡ ra, cứ ngỡ mặt ra không hiểu ra sao cả, như Thị Mịch đến nhà Nghị Hách, như Long xuống nhà bà Nghị ở Hải Phòng, như mấy bố con Nghị Hách bắt quả tang bà Nghị ngủ với thằng cung văn..., như Nghị Hách bỗng gặp lại hải Vân và nghe ông ta nói vanh vách về tiền vận, hậu vận của mình, v.v... Như cả làng Quỳnh Thôn vừa hôm nào chứng kiến tai họa ghê gớm giáng xuống gia đình cụ đồ Uẩn đã lại được mời đến ăn cỗ cưới linh đình của cô Mịch lấy chính kẻ đã gieo tai họa cho mình..., vân vân... Những số phận thay đổi, những tính cách chuyển biến, đột ngột quá, đảo ngược quá, khiến các nhân vật cũng phải thay đổi thái độ với nhau một cách thật mau lẹ, như là quay 180o. Những cuộc sắp xếp lại các quan hệ một cách hấp tấp, vội vã như thế đã làm cho nhiều nhân vật giẫm đạp vào nhau, chơi xỏ nhau, tạo thành những màn đại hài kịch để tỏ rất đậm sự thối nát, sự chó đểu của những con người tráo trở, đổi trắng thay đen... Tóm lại xã hội Giông tố bày ra đủ cảnh tượng đảo điên, láo nháo, quay cuồng như đèn cù, như trong một cơn lốc mãnh liệt, một trận giông tố. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả đã đặt tên cho tác phẩm của mình là Giông tố. Cuốn tiểu thuyết lần đầu đăng trên Hà Nội báo từ số 1 (2-1-1936) với tên Giông tố, đến hết chương X thì bỗng dừng lại 7 tuần lễ. Nghe nói tờ báo đăng tải tác phẩm đã bị lỗi thời vì đụng đến một vị tai to mặt lớn đương thời. Khi tác phẩm đăng tiếp thì phải đổi tên thành Thị Mịch.

Như thế là tác giả ngay từ đầu đã cho tác phẩm của mình cái tên Giông tố. Một cái tên rất đúng

với tinh thần của tác phẩm. Giông tố. Vâng, xã hội Việt Nam được phản ánh trong cuốn tiểu thuyết là một xã hội trong cơn giông tố. Nó làm đảo lộn tất cả, làm tanh bành tất cả và lật tẩy tất cả mọi thứ mặt nạ đắp điểm lên một cái thực chất bất công, tàn ác, đều giả, thói nát, hết sức vô nghĩa lý của xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc.

## 2. Một quả bom ném vào một xã hội “chó đều”

Có người nói mỗi tác phẩm của Vũ Trọng Phụng là một quả bom ném vào xã hội cũ. Nhưng phải nói, quả bom Giông tố có sức công phá mãnh liệt hơn cả.

Quả bom ấy là hình tượng thằng Nghị Hách.

Tính cách Nghị Hách là một tính cách bạo chúa. Nó dâm một cách bạo chúa, đều một cách bạo chúa, ác một cách bạo chúa. Lý lẽ của mọi bạo chúa là tất cả phải sợ nó, phải phục tùng nó. Bạo chúa coi thân phận và sinh mệnh con người như rơm rác: đánh người, giết người, hiếp người không hề áy náy, ăn năn gì. Khi Long thuyết phục nó bồi thường cho Thị Mịch 300 đồng, nó giãy nảy lên kêu đắt quá. Nó có 11 nàng hầu, lại còn rác con khắp thiên hạ, nhưng khi vợ nó ngủ với thằng cung văn thì nó lỏng lẻo lên như thú dữ. Vì nó có thể lừa người, phản người, chứ không ai được lừa nó, phản nó. Bạo chúa chỉ nghĩ đến thắng không bao giờ nghĩ đến thất bại. Nghị Hách là một tính cách như thế.

Nhưng sức công phá của trái bom Giông tố chủ yếu phóng ra ở chỗ nào? Tôi cho rằng ở hai vụ bê bối chính của Nghị Hách, một là trong quan hệ xã hội, hai là trong quan hệ gia đình của nhân vật này.

Vụ “xi căng đan” thứ nhất là vụ Nghị Hách bị kiện về tội hiếp dâm Thị Mịch. Vụ này thuộc về quan hệ xã hội nên được xét xử bằng tòa án của pháp luật xã hội, của công lý thực dân. Chẳng những Nghị Hách không bị kết tội mà chính gia đình cụ đồ Uẩn phải khốn khổ, có thể bị đi tù và cả làng Quỳnh Thôn thì điều dưỡng mất ăn, mất ngủ. Rồi tri huyện Cúc Lâm bị mất chức, lý dịch làng Quỳnh Thôn bị đe dọa tù tội. Có lẽ chưa có tác phẩm văn học hiện thực nào đương thời đã lên án công lý của xã hội thực dân một cách trực diện, quyết liệt, sâu sắc và có nghệ thuật như thế.

Vụ “xi căng đan” thứ hai là vụ loạn luân trong gia đình Nghị Hách: hai anh em Long, Tuyết - con đẻ của Nghị Hách, trót có “dâm sự” với nhau. Vụ này thuộc quan hệ đời tư, quan hệ cá nhân, nên chỉ có thể được xét xử bằng tòa án lương tâm mà thôi. Nghĩa là Nghị Hách tự xét xử. Và đây là “lương tâm” của Nghị Hách, y xử cho hai đứa con đẻ chính thức lấy nhau và mượn luân tình hưởng loạn luân này để đọc một bài diễn văn “đầy xúc động” (bài diễn văn thỉnh thoảng phải dừng lại để diễn giả lau nước mắt) về tấm lòng “thương xót” của hắn đối với bình dân. Viết về Giông tố, Nguyễn Tuân đã “sợ” Vũ Trọng Phụng về đoạn văn này. Quả thật, phải là ngòi bút Vũ Trọng Phụng mới đủ sức dựng lên được một nhân vật bất nhân đến mức quỷ sứ đáng “sợ” như thế.

Cho đến nay, có thể nói, chưa có một nhân vật tư sản địa chủ nào trong văn học Việt Nam địch nổi nhân vật Nghị Hách, một con quỷ dâm ô, độc ác, đều giả, trắng trợn cỡ bạo chúa. Một nhà văn nói với tôi: Đọc Nam Cao người ta bắt buộc phải suy nghĩ bản khoán không dứt ra được. Đọc Vũ Trọng Phụng, người ta muốn hành động, muốn đập phá một cái gì cho hả giận. Giông tố là một quả bom chính là với ý nghĩa ấy.

## 3. Về nhân vật ông già Hải Vân

Một hồi người ta đã kết tội tác phẩm Giông tố chủ yếu xoay quanh nhân vật này đây.

Trước hết phải khẳng định, nhân vật ông già Hải Vân đúng là người đại diện tư tưởng chính trị, nói lên mơ ước về chính trị của Vũ Trọng Phụng. Một nhân vật được xây dựng theo bút pháp lãng mạn chủ nghĩa.

Trong một bài viết của mình(1) ông Văn Tân cho rằng tư tưởng chính trị của Vũ Trọng Phụng là tư tưởng quốc gia, vì người đại diện tư tưởng chính trị của trong Giông tố là nhân vật Tú Anh - nhà cách mạng quốc gia.



Thực chất không phải. Tôi cho rằng Tú Anh chỉ là người phát ngôn cho Vũ Trọng Phụng về quan điểm đạo đức, luân lý có màu sắc hư vô chủ nghĩa mà thôi. Nhân vật này chỉ có một lần xuất hiện để tự giới thiệu mình là nhà cách mạng quốc gia ở một chương gần cuối của Giông tố, khi anh ta tiễn chân Hải Vân ở bờ biển Móng Cái. Ta biết sau này Tú Anh mới vỡ lẽ ra rằng Hải Vân chính là bố của anh ta. Ông già bí mật này từ Mạc Tư Khoa về nước để giải quyết một món tiền cần cho quỹ Đảng, sau đó lại vượt biển đi dự một cuộc hội nghị ở Ma Cao gọi là để họp nhất hai Đảng Quốc gia và Quốc tế. Tú Anh đã tiễn cha lên đường trong một đêm mưa gió. Trong khi đợi chiếc hải thuyền đến đón, hai cha con đã trò chuyện với nhau về tình hình chính trị trên thế giới đang chuyển mạnh sang phong trào cách mạng vô sản với nhiều hứa hẹn đáng phấn khởi cho giai cấp cần lao ở Đông Dương. Ông bố hỏi con về khuynh hướng chính trị. Người con cho biết theo tư tưởng quốc gia và đã bị ông bố phê phán với thái độ đầy khinh bỉ. Trong chương sách này, Vũ Trọng Phụng đã mô tả Tú Anh (nhà cách mạng quốc gia) trước Hải Vân như một chú gà con tội nghiệp trước một con đại bàng cất cánh để lao vào giông tố.

Như vậy rõ ràng là Vũ Trọng Phụng đã thể hiện tư tưởng chính trị của mình ở nhân vật Hải Vân, một người của Đệ tam quốc tế, một người cộng sản.

Đối chiếu Hải Vân với người chiến sĩ cộng sản trong đời sống hiện thực người ta đều thấy có nhiều điểm không chính xác: Chẳng hạn, người cộng sản mà lại đi tống tiền, người cộng sản mà lại tỏ ra mách lới thủ đoạn chẳng những lừa Nghị Hách mà lừa cả Vạn tóc mai để bắt bí lấy tiền, người cộng sản mà lại tin tưởng số và thuật địa lý. Đây là chưa nói, qua cuộc trò chuyện với Tú Anh, Hải Vân còn nói nhiều điều khá mơ hồ về lý tưởng cộng sản. Căn cứ vào đây, một thời gian, nhiều người đã quy kết tác phẩm Giông tố là xuyên tạc, bôi nhọ người cộng sản. Ngày nay nhìn lại vấn đề, đặt Vũ Trọng Phụng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trong tình hình tâm lý xã hội cụ thể của lớp người cầm bút như Vũ Trọng Phụng, ta thấy vấn đề không có gì khó hiểu cả.

Một là Vũ Trọng Phụng cũng như bất cứ một người chưa là đảng viên cộng sản nào khác, làm sao có thể hiểu đúng được chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản. Trong Từ ấy, ngay chính Tố Hữu nhiều khi cũng mô tả người chiến sĩ vô sản như là những anh hùng thời Chiến quốc. Văn thơ Xô viết Nghệ Tĩnh ra đời trong phong trào cộng sản cũng chưa phải đã thể hiện được chính xác hình ảnh người cộng sản, cũng như quần chúng cách mạng.

Vấn đề đặt ra chỉ là thái độ của Vũ Trọng Phụng, qua nhân vật Hải Vân, có thiện ý với phong trào cộng sản và người cộng sản hay không. Ở đây người đọc không nên áp đặt cho nhà văn thời trước nhận thức chính trị của mình ngày nay. Nếu đặt mình vào tình hình ý thức và tâm lý của chính Vũ Trọng Phụng, ta sẽ hiểu nhà văn tỏ rõ thái độ căm phẫn những con người như ông già Hải Vân; không phải ngẫu nhiên mà tác giả cho nhân vật này thuộc dòng dõi cụ Trọng Trình, mà mô tả ông ta như một con người “thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự”. Gắn cho nhân vật của mặt trí tuệ lỗi lạc đó, đâu phải là bôi nhọ, mà ngược lại, chính là tỏ ý sùng bái người lãnh tụ cách mạng. Và nhà văn thấy cần chuyển cách viết của mình từ bút pháp hiện thực sang bút pháp lý tưởng hóa, phi thường hóa, lãng mạn hóa.

Còn Hải Vân là một con người thủ đoạn? Đúng là như vậy. Nhưng điều này cũng có thể giải thích được nếu ta biết rằng Vũ Trọng Phụng vốn quan niệm làm chính trị là phải có thủ đoạn. Ông tán thành cái gọi là chủ nghĩa Makiven về chính trị (Machiavélisme politique): “tous les moyens sont bons”(2). Mọi thủ đoạn đều tốt cả, miễn là đạt được mục đích của mình. Vấn đề là ở mục đích, ở lý tưởng chính trị có tốt đẹp không mà thôi, chứ đã là chính trị thì phải có thủ đoạn.

Ông già Hải Vân đã được mô tả như vậy. Một con người khôn ngoan và thủ đoạn, nhưng mục đích cuối cùng, lý tưởng cuối cùng là tốt đẹp, là cao cả, là vì Đảng, là vì giai cấp vô sản toàn thế giới. Còn người này sau khi tống tiền Nghị Hách được một vạn đồng cho quỹ Đảng đã lên đường đi Ma Cao. Ông nói với con trong giờ phút chia tay: “Ta không được coi nước Pháp là kẻ thù mà để cho bàn tay bí mật của phái quân Nhật nó thực hiện cái chương trình Liên Á bằng

những khẩu hiệu "Á Đông về tay người Á Đông"! Cái chế độ của nó làm khổ dân ta và chính sách của mấy nhà tư bản vua mỏ, vua ô tô, vua nhà băng, nhưng đó không phải là toàn thể nước Pháp! Ta có thể hy vọng vào cái nước Pháp bình dân của Ruxô (Rousseau), Đăngtông (Danton), Rôbexpie (Rôbespierre), Bơlum (Blum), Mutê (Moutet), rồi những người ấy sẽ có thể lực làm cho ta đỡ khổ. Mặc dầu bây giờ họ chưa có địa vị gì cả. Ta sẽ không được coi nước Pháp là kẻ thù riêng, trái lại ta có cả kẻ thù chung trong bọn đồng chủng của ta, cái phái tọa hưởng kỳ thành vẫn bóc lột cái phái lao động, thí dụ thằng Nghị Hách là một. Nhưng tư tưởng quốc gia của con vừa hẹp hòi vừa bất đạt. Phân biệt biên thủy với nội giống là đồ ngu xuẩn, con nên đổi quan niệm cũ đi và nên coi những người Pháp nghèo khổ là bạn thân và bọn trọc phú An Nam là kẻ tử thù...". Ông ta lại khuyên bảo Tú Anh: "Đã có học thức, nhân phẩm lại có một lý tưởng mà thờ, con sẽ cố gắng làm những việc hữu ích cho dân chúng

[...]. Nếu con cũng như trăm nghìn kẻ khác, có tim, có óc mà ích kỷ, mà tham sinh úy tử, mà rồi cứu cánh là một cuộc đời trường giả, sống như chó, như lợn, vì kim tiền, vì ái tình, vì vật chất, vì hư danh thì mới đáng lo cho giống nòi.

Tôi đã nói về hai chữ Giông tố theo nghĩa thứ nhất. Nay có thể nghĩ đến một ý nghĩ khác của tên truyện, nhân nói về nhân vật ông già Hải Vân. Ông già này đã lên đường trong một đêm giông tố. Phải chăng Vũ Trọng Phụng đã gửi vào hình ảnh này niềm mơ ước của mình sẽ có một cơn giông tố vĩ đại của cách mạng quét sạch toàn bộ cái thế giới tàn bạo, thối nát của thằng Nghị Hách mà ông vô cùng căm ghét. Ông già Hải Vân ít ra cũng là một ước mơ vượt tình thế, một ước mơ nổi loạn của Vũ Trọng Phụng.

Như vậy không nên quy kết Vũ Trọng Phụng, qua nhân vật Hải Vân, là đã xuyên tạc, bôi nhọ người chiến sĩ cộng sản. Thực ra, đương thời, độc giả của Giông tố cũng không ai nghĩ như thế cả. Tác động khách quan của hình tượng này là tích cực, là có lợi cho cách mạng. Ông Trương Chính trong Dưới con mắt tôi (1939) đã coi ông già Hải Vân là "một người phong trần, có chí khí lớn, hoài bão

lớn". Và một nhà phê bình khác, ông Xuân Sa, trên báo Nữ lưu (1937) viết: Trong cái xã hội "đài các phong lưu, ta chỉ thấy cái ích kỷ nhỏ nhen, cái bất lương tàn nhẫn ấy của Giông tố, may thay lại có một người, một người muốn phá hoại cái xã hội điên đảo ấy để kiến thiết một xã hội khác hợp với nhân đạo và công lý hơn. Con người ấy là ông già Hải Vân. Đại biểu cho giai cấp vô sản, ông già Hải Vân đã biết giác ngộ, đã biết để cái "quốc tế" bao la trên cái quốc gia hẹp hòi. Và ông đã biết con đường hạnh phúc của giai cấp mình là trong sự tranh đấu. Cho nên ông hiến thân ông cho cách mạng để sống một cuộc đời luân lạc phong trần".

Vâng, Giông tố ra đời đầu năm 1936, chẳng những là một quả bom có sức công phá vào xã hội thực dân phong kiến, mà còn muốn mở đường đi tới một tương lai tốt đẹp, một tương lai mà mọi thằng Nghị Hách đều bị tiêu diệt hết để các giai cấp cần lao được hạnh phúc, ấm no. Với Giông tố, Vũ Trọng Phụng không chỉ là một thiên tài phủ định cái hiện tại đen tối mà còn là người dự báo một trận giông tố của cách mạng ngày mai.

11-10-1989, *In trong Tạp chí Văn học, số 2-1990, tr. 31-36*)

(1) Vũ Trọng Phụng qua Giông tố, *Vỡ đê, Số đỏ- tập san Văn Sử Địa, số tháng 4-1957.*

(2) Nhân sự chia rẽ giữa Đệ tam và Đệ tứ quốc tế..., *Đông Dương tạp chí, tháng 10-1937.*

\*\*\*

**Phụ đính :**

**Con người điều tra**

Nhà văn sĩ T.L. một hôm kể lể với tôi:

- Một đời tôi, tôi chỉ yêu có một người. Trong hai năm gòì tôi cùng người ấy ăn ở với nhau, tình yêu thật là thiết tha, đậm thắm, tôi được sung sướng đến cực điểm.

Tôi phải thú thực rằng sở dĩ tôi có cái danh dự ngày nay là nhờ nàng cả, vì, được gần gũi nàng thì cầm tới bút, tôi mới mong được thấy cảm hứng chứa chan. Mới gặp nàng lần đầu, tôi đã tưởng tượng ngay rằng nàng vẫn là người yêu của tôi tự bao giờ ấy! Dung nhan diễm lệ và đức tính của nàng thực làm thỏa lòng tôi quá, khiến tôi đến phải mê tơi.

Con người ấy không bao giờ bỏ tôi, chẳng phải hạn ăn xôi ở thì, đã... đã từ trần trên giường tôi nằm, trong cánh tay tôi ôm ấp, thực đến lúc chết mà vẫn yêu tôi, rõ lắm!...

Ấy thế mà mỗi khi chợt nghĩ đến nàng thì tôi giận lắm! Nếu lúc nào tôi cố lục tìm trong trí nhớ, cố tưởng tượng cho thấy trong óc cái hình dung yếu điệu, thướt tha của con người ấy, cái đường ngói lệch, lời nói dịu dàng thỏ thẻ, cặp mắt rất say sưa, nếu lúc nào tôi lại được thấy trong trí tưởng tượng con người nõn nà nghiêng nước nghiêng thành đã cũng tôi ăn ở non vợ chồng mà già nhân ngãi ấy thì chỉ cốt để tôi được chau mày, chau mặt mà thét lớn rằng: "Tao ghét mày!..."

Tên nàng, nàng bảo: Bích Nga. ở nhà một bà bạn mà chúng tôi được cái hân hạnh gặp nhau, người ta gọi nàng là bà tham Ngọc, bà tham Ngọc đã góa chồng, chồng bà, một ông tham tá công chánh, đã dắt vợ đi khắp thâm sơn cùng cốc ở cõi Đông Dương, rồi vì nước độc đã bỏ mặc vợ mình bơ vơ trên cõi thế.

Mà hình như nàng cũng đã đi lắm nơi xa thì phải. Khi trò chuyện, có lúc thốt nhiên nàng nói "... một buổi chiều, ở cổ viện Đế Thiên, Đế Thích..." hay "... sáng sớm tinh sương hôm ấy trên bờ sông Cửu uốn khúc tại kinh thành Luang Prabang...". Ngoài ra, không có sự gì tỏ rằng con người ấy đã đi nay đây mai đó, trong vẻ người, giọng nói, không một nét nào chứng thực được cái vội vàng, hấp tấp những lúc khuya sớm, đi, về. Nàng vốn là gái Huế. Cứ trông lối y phục thanh tao, dáng người bệ vệ ấy thì không ai dám bảo nàng đã là vợ một người luôn luôn nay đó, mai đây.

Khi tôi hiểu rằng tôi đã quên ăn bỏ ngủ vì nàng thì điều trước nhất của tôi là muốn xin cưới ngay nàng làm vợ. Tôi nhờ bà bạn gái kia đem lời cầu hôn khẩn khoản nói giúp tôi nhưng, thất vọng thay! Nàng kêu là nàng đã giập tắt lửa lòng, không đời nào còn mong tái giá.

Thế là tôi phải tìm đường gìn giữ, sao cho khỏi gặp mặt nàng. Nhưng nào có được? Lòng yêu chuộng xưa kia đã khiến tôi vì nàng mà quên ăn, bỏ ngủ thì sự thất vọng ngày nay làm tôi chẳng còn khối óc làm lụng được một việc gì, nên, lần thẩn, tôi nghĩ cách... đi xa.

Tôi đang sửa soạn hành trang, lòng buồn tê tái, đứng trông mấy chiếc hòm và chiếc va ly há rộng miệng ra nuốt những áo quần với đồ lặt vặt của kẻ đi xa thì chợt cánh cửa hé mở từ từ; để lộ ra vẻ mặt âu sầu của bà tham Ngọc.

Phải, chính Bích Nga đứng đó, thỏ thẻ nói rằng:

- ... Nghe như ông định thu xếp vào Sài Gòn làm ăn thì phải...

- Vâng! Tôi chưa kịp lại biệt chào bà.

Thấy tôi chỉ nói đùng đĩnh, lạnh lùng, Bích Nga bấy giờ vừa run vừa hỏi:

- Minh... (phải, nàng gọi ngay tôi là mình!), mình định đi thật đấy ư? Tôi vẫn biết, khổ lòng lắm, mình ạ. Mình vì yêu tôi nên phải tìm cách xa tôi, còn tôi, tôi cũng xin thú thực rằng đối với lòng yêu chân thật của mình, tôi rất lấy làm cảm động. Nhưng, khốn nỗi, tôi, tôi không phải... góa chồng!!!

Thế là đến tận bây giờ, cái tiểu sử đau đớn của nàng tôi mới được nàng kể rõ cho nghe.

Thực là một cuốn tiểu thuyết trường thiên về tình yêu, tình phụ. Chồng nàng rượu chè be bét, thường đánh đập nàng, ba năm nay rồi, hai người đã bỏ lửng nhau. Nàng bỏ cô cha mẹ từ thuở ngây thơ nên được một ông chú thương yêu lắm lắm. Ông chú ấy hiện giờ làm quan tại Huế, nhưng vì đã ép duyên nàng nên nàng cũng giận từ độ ra ngoài Hà Nội này, nàng chẳng hề có lấy một chữ gửi thăm. Chị ruột nàng lấy kẻ ông phủ Vĩnh Tường mà cậu nàng thì hiện giờ là một ông giáo, người đã cao niên, dạy học trong một trường công ở ngay Hà Nội. Vì xưa kia trong nhà có chuyện hiềm khích nên dù nàng là cháu mà nàng cũng chẳng hề đến cửa bao giờ. Còn Bích Nga, buồn vì thân thế, mấy năm nay đã ăn ở ra con người liêu tịch, cố lấy cái vỏ ngoài diêm trang lòe loẹt để giấu kín một trái tim đau khổ bên trong.

Nhưng nàng tuy bơ vơ một mình mà chẳng phải lụy ai, vốn có tài về nghệ thuật nữ công nên vẫn sống một cách thanh thoi, phú quý. Hiện giờ, mấy cô tiểu thư nhà mấy ông quan lớn đang cầu nàng đến dạy cho thêu thùa, bánh trái và cả ca hát, địch đàn.

Thiên lệ sử ấy, nàng kể tôi nghe rất là cảm động, dẫu rằng trong khi trò chuyện, nàng thường nói đi nói lại mãi chẳng nên lời, một cái kém hèn của bọn phụ nữ ngây thơ.

Chúng tôi bèn thuê một căn nhà rất đẹp, rất xinh ở con đường Hàng Cỏ. Cứ chiều chiều, chúng tôi cùng nhau sánh vai ra ban công hóng mát, nhìn hai rặng cây lá xanh tươi tốt, con đường vắng vẻ, vĩa hè cỏ mọc um tùm mà tưởng tượng như mình ở cảnh Bồng Lai.

Trong một năm tròn, tôi cứ muốn được luôn luôn quán quýt lấy Bích Nga để ngắm nàng tha thướt ra vào, để nghe nàng ngây thơ cười nói, mặc quách cả những anh em, nếu nàng không giục tôi mau mau trở về toà soạn. Nàng luôn luôn nhắc tôi chớ hững hờ với cây viết để nàng cũng đem ngón nữ công, đàn địch ra dạy bọn tiểu thư vẫn hết lòng mong đợi nàng kia. Suốt ngày, chúng tôi phải cách xa nhau, gặp nhau chỉ chờ đến chiều, đến tối.

Từ tòa báo trở về căn nhà chúng tôi nương náu, mỗi bước chân đi đối với tôi là trút được một ít nặng nề, vô vị của đời, tới nhà phải đợi nàng thì nóng lòng sốt ruột quá chừng, nhưng nếu thấy nàng đã tựa cửa chờ mình thì sung sướng bằng mở cờ trong bụng. Thịnh thoảng nàng lại mua về một cụm hoa tươi. Cũng có khi tôi ép nàng nhận một vài cái quà quý giá nhưng nàng đều nhất nhất chối từ. Nàng kêu giàu có hơn tôi nhiều, vả lại, cứ suy lối ăn mặc toàn lượt là, gấm vóc của nàng, cứ tính những đồ xa xỉ nàng thường dùng như phấn, sáp, nước hoa thì đủ hiểu là bọn học trò kia trọng đãi nàng lắm lắm. Cho nên tôi rất lấy làm cảm kích tấm lòng quảng đại của nàng, nó chẳng như "trái tim" vẫn đục của bọn bom xu. Nàng yêu tôi mà chẳng phải lụy tôi, con người tự lập, khẳng khái ấy đã lắm khi khiến tôi đem cái nghèo của mình ra đo với ái tình mà tự thấy âm thầm hổ thẹn.

Kể ra thì nghề nàng cũng chẳng có gì là vất vả.

Bọn học sinh kia, con quan, con các nhà tư bản, toàn là những công nương phong phú, yêu vì tài, trọng vì nét, coi nàng như một đóa hoa. Một lần nàng phô với tôi một đôi vòng vàng một chiếc "nhẫn đồng hồ" lấp lánh kim cương, kêu là của học trò tặng làm kỷ niệm.

Chúng tôi chẳng hề xa nhau nửa bước, ngoài cái thời giờ bận việc hàng ngày. Duy chỉ chủ nhật nào là nàng cũng xin phép tôi lên phủ Vĩnh Tường thăm bà chị và chơi với cháu, mỗi tuần lễ chỉ ngày chủ nhật mà thôi.

Thì cứ sáng sớm tôi ra ga lấy vé cho nàng bước lên xe lửa, cầm mũ xoa vẩy theo ngõ ngắn rồi đến chiều lại ra ga để đón nàng về. Lắm khi, tôi hẹn đón nàng ở một vài ga khác, như Yên Viên, Xuân Kiều, Đông Khê chẳng hạn, rồi những cảnh quê xinh đẹp, êm đềm, chúng tôi cùng nhau thăm thú, lúc thì vào một quán hàng ăn bún riêu cua, bánh đúc, lúc thì trên những con đường vắng vẻ chúng tôi cười cười, nói nói, ném mắt đuổi theo con chích chòe tha mồi vào tổ, vừa đi vừa gặm mỗi người một chiếc bánh đa.

Nàng kể lại tôi nghe cảnh gia đình rất vui vẻ, êm đềm của bà phủ Vĩnh, vừa trên xe bước xuống, con bé cháu đã lon ton chạy lại đón đi, quan anh thường thường say "khướt cù đèn" nhưng mỗi khi điếu cọt, làm hề thì đổ ai nín cười được đấy, bà chị tuy cấm cản, xấu ăn xấu nói nhưng nói sau quên trước, cũng chẳng "bụng dạ" gì.

Nghe lời nói có duyên một cách lạ lùng, tôi tuy mỉm cười, nhưng thực đau đớn, âm thầm trong dạ. Phải, tôi đau đớn lắm vì thấy cái đời hoa trôi bèo dạt của nàng, chẳng hề được hưởng hạnh phúc chân chính của gia đình như những ai ai.

Sung sướng quá, không bao giờ tôi đem lòng nghi ngờ nàng cả. Nhưng điều nàng nói tự nhiên đến thế, thực thà đến thế, ngây thơ đến thế, bảo ai mà chẳng phải tin?

Nhưng nàng phải cái tật cứ nói rườm rà khi kể chuyện lại những nhà mà nàng lui tới, những nhà của học trò nàng thì hình như nàng cố bày đặt cho ra những sự không đâu. Tôi đây, tôi là người đem tấm chân ái tình ra thương yêu, kính mến nàng, muốn trong cặp mắt nàng chỉ có riêng một mình tôi thì nàng lại cứ để trí vào những sự không đâu ra đâu tất cả!...

Nhưng đối với những người còn xanh mái tóc mà đã trải qua đủ mùi đau khổ như nàng, mà cuộc đời từ lúc bé tới giờ chỉ là một thiên lệ sử, thì cái tật mọn ấy, tôi cũng vẫn bỏ qua đi cho.

Chỉ độc một lần là tôi ngờ vực, hơi hơi ngờ vực.

Tối chủ nhật ấy, nàng lên phủ Vĩnh mà chẳng thấy về.

Tôi thất vọng quá!... Làm thế nào đây? Đáp ngay tàu lên phủ Vĩnh tìm nàng chẳng? Nếu thế thì cuộc tình duyên kín đáo kia lộ mất. Ấy thế mà sau một đêm trần trọc, tôi quyết định ra ga đáp tàu lên phủ Vĩnh thì Bích Nga đẩy cửa, mặt mày xám ngắt, bước vào. Bà phủ, chị nàng, mệt nặng!...

Nàng nói thế nào tôi cũng cho là lọt tai tất cả, cũng chẳng để ý rằng hề tôi hơi hỏi qua đến lẽ gì một tí là nàng liến thoắng đáp lại một thôi. Việc cần nàng chẳng nói ngay, cứ luẩn quẩn vào những điều tỉ mỉ: những là thuê xe ra ga phải thẳng phu kéo chậm, lúc trả tiền lại còn kỳ kèo lòi thôi, em bảo thế này, nó cãi lẽ thế nọ, lấy vé nhiều người chen quá, suýt nữa bị kẻ cấp xẻo mất túi, lúng túng... nhớ tàu!

Rồi, tuần lễ ấy, nàng lại lên phủ Vĩnh ở luôn 4, 5 ngày mới về, kêu chị mình, nhờ có mình săn sóc, thuốc thang chỉ ít lâu thì bình phục.

Khốn thay, chưa được bao lâu thì lại đến lượt nàng cũng ốm. Đốc tờ mời lại, bảo người yêu tôi mắc chứng đau phổi, bấy lâu ngấm ngấm, nay mới phát ra. Không còn thuốc nào chữa khỏi!

Bấy giờ tôi đau khổ quá, đã đến phát điên lên mất, vì nàng sắp phải từ trần. Rồi tôi nghĩ ra rằng đã đến lúc này thì bao nhiêu họ hàng, thân thích của nàng, mặc lòng xưa kia giận dữ với nàng, nay tôi cũng gọi đến. Cả gia tộc rất danh giá ấy tôi phải lo sao gọi cho đủ mặt để trong khi hấp hối, nàng được cùng những người thân yêu thứ tội, và ngộ có dặn lại gì chăng.

Thế là chẳng kịp ngờ ý với người yêu, tôi vội viết ngay hai lá thư, một cho bà phủ Vĩnh Tường, một cho ông quan tai to tại Huế. Rồi hôm sau, tôi chỉnh tề khăn áo, tìm đến nhà ông cụ giáo, cậu ruột Bích Nga.

Tôi cũng không còn nhớ lúc đến nhà ông cụ ấy vào độ mấy giờ. Hình như ông cụ đang vào bữa cơm trưa, hay cơm chiều thì phải. Thấy dáng điệu tôi vội vàng, hấp tấp, ông cụ vội quăng đĩa, bát, tiếp ngay.

- Thưa cụ, ở đời này, cũng có lúc mà những chuyện hờn giận trong gia đình phải vứt bỏ đi, mà tha thứ cho nhau mới phải...

Bộ mặt bình tĩnh đáng kính ấy bỗng quay lại nhìn tôi một cách ngạc nhiên.

Tôi - ló thật! - Tôi vẫn cứng cỏi thêm rằng:

- Thưa cụ, cô cháu ruột cụ đã đến lúc hấp hối rồi, bây giờ chỉ còn chờ có cụ...

- Cháu ruột tôi, ông bảo?... Thì nào tôi có đứa cháu gái nào đâu?

- Thôi đi, con xin cụ, cụ đừng cố chấp thế. Tội nghiệp lắm. Cháu ruột cụ, người sắp qua đời là bà tham Ngọc, thuở trẻ cụ vẫn gọi là: cháu Bích Nga.

- Thôi, để ông làm nhà rồi! Cô Bích Nga hay bà tham Ngọc là ai, nào tôi có biết!!!...

Rồi ông cụ từ từ đẩy tôi ra khỏi cửa, chắc rằng trong bụng cho tôi là một thằng hoá dại. Cái mặt một thằng đã mất trí khôn, bấy giờ hần giống mặt tôi thì phải. Cơ sự xảy ra đến thế này thì thực bất ngờ quá đỗi, hay là Bích Nga lừa dối tôi chăng?

Nhưng sao lại phải bày đặt ra đến thế?

Bất tình linh, óc tôi chợt nảy ra một ý: đến hỏi vị tiểu thư Bích Nga vẫn bảo là cô học trò giỏi nhất về cả thêu thùa, bánh trái, ca hát, địch đàn.

Giật chuông xong, tôi hỏi tên bồi ra mở cửa.

- Bà tham Ngọc?

- Không phải đây!...

- Vẫn biết thế rồi, nhưng bà ấy vẫn lại đây dạy con gái cụ lớn học tập nữ công...

- Cụ lớn nhà tôi làm gì có cô nào? Lạ thật! Không biết ông định hỏi việc gì mà... lại thế!

Rồi nó đẩy sầm cánh cửa vào mũi tôi một cách bất bình. Thì ra tôi đánh thức nó dậy lúc ấy đúng một giờ đêm.

Tôi tắt tả ra về, không còn định đi đâu hỏi nữa. Chắc rồi ai cũng đáp mình đến thế chứ gì? Bước chân vào nhà, tôi thấy dưới đất vứt một phong thư, thư trả lời của bà phủ Vĩnh. Tay bóc thư mà lòng đã biết trước, ông phủ Vĩnh rất lấy làm lạ vì bà vợ ông chẳng hề có cô em gái gọi là Bích Nga hay bà tham Ngọc bao giờ!

Thì ra trong hai năm giờ ăn ở với nhau, mỗi lời nói của người yêu quý của tôi là một lời bịa đặt. Trăm nghìn mối ghen mới đua nhau dày vò tôi lúc ấy, tôi cũng chẳng biết mình định làm gì, đẩy cửa bước đến gần giường bệnh, mắt nhìn chòng chọc, muốn chỉ dùng đôi mắt căm hờn, đau đớn để hỏi bệnh nhân.

Bao nhiêu điều xưa nay làm khổ tôi mãi, trước mặt người yêu bấy giờ tôi mới đem trút xuống:

- Này cô, những ngày chủ nhật, cô làm gì mà lên phủ Vĩnh Tường?... Những buổi tôi ngồi cặm cùi trong toà báo thì cô đi nhảy những đâu? Những đêm vừa rồi, cô ngủ những đâu... mà ngủ với ai??? Ô hay! Mau lên, trả lời đi cho tôi biết chứ!

Rồi tôi cúi mặt xuống nhìn, nhìn bộ mặt vẫn còn đẹp đẽ, say sưa ấy, cố ép nàng phải đáp. Nhưng nàng vẫn thản nhiên, tỉnh trí, chẳng hề hé cặp môi son. Tức quá đi mất, tôi lại vỗ ngực, bứt tóc, rít lên rằng:

- Mà có đi dạy học ai đâu? Mà tuy thêu thùa giỏi thật, nhưng nữ công, nữ hạnh gì mà? Tao đã đi hỏi khắp nơi rồi, không một ai biết mà là người ở đâu sát cả! Vậy thì những đồ trang sức kia ở đâu mà đến, tiền bạc mà ăn tiêu phung phá, mà lấy đâu ra?

Nàng chỉ nhìn tôi một cách rất đỗi đau đớn, buồn rầu, áy thế! Giá tôi cứ để nàng được tĩnh tâm mà nhắm mắt có lẽ phải hơn. Khốn nỗi! Tôi rất yêu nàng, yêu quá đi mất. Lừa ghen vẫn mạnh hơn lòng xót, nên tôi chẳng nhịn được lời.

- Mà đã lừa dối tao trong hai năm giờ, trong hai năm giờ tao ăn ở với mà, ngày nào mà cũng lừa tao, lúc nào mà cũng dối tao. Đòi tao có những chuyện gì là mà biết tất mà đòi mà thì thật là tối tăm, bí mật, tao chẳng được biết một tí ti gì... Cả đến tên mà là gì, tao cũng không biết nốt!... Phải, tên mà tao cũng không được biết vì Bích Nga hay bà tham Ngọc là chuyện mà bịa đặt, có phải không? Giờ ôi! Người đâu có người man trá, lọc lừa! Trong hai năm nay nó đan díu với tôi mà bây giờ nó chết trong cánh tay tôi, tôi cũng không biết tên nó là gì, thắm chữa?! Này mà là ai? Hờ? Mà ở đâu mà đến đan díu với tao? Đòi tao chỉ có thể đẩy thôi, mà quyến rũ tao để định làm cái trò gì? Nào! Ớ hay! Nói đi, nói mau lên cho tao biết chứ???...

Công toi cả! Đáng lẽ đáp những lời tôi dày vò, đay nghiến, nàng chỉ khẽ quay mặt vào tường, hình như sợ để tôi nhìn mãi cặp mắt nàng còn mở thì đoạn đời bí mật của con người ấy tôi khám phá ra chẳng. Áy thế là con người đáng ghét mà cũng đáng thương ấy chết, chết mà còn để lộ tiếng là con người gian dối, con người đã cùng tôi hai năm đan díu ấy, mà đến bây giờ tôi cũng không được rõ gốc tích và tên tuổi là gì!...

*Février 1932*

*Ngọ báo, số 1372,*

*ngày thứ hai 14.3 và thứ ba 15.3.1932*

## Máu mê

Còn mười lăm phút nữa thì tan sở. Thụy ngồi uể oải tựa đầu vào thành ghế nhìn ra sân tòa Bưu điện bằng cái cửa sổ nhỏ. Những chiếc xe nhà đen đã bắt ra phố để phát hành thư từ chuyển ban đêm. Những chiếc xe hơi to lù lù có chữ P.T.T. đã lấy hàng hoá, giấy má, các nơi, bây giờ rầm rộ qua sân để vào kho colis postaux. ở buồng bên cạnh, những tiếng "tịch tịch te" của tin dây thép vẫn khua lên như mưa rào. Thụy sung sướng thấy rằng hôm nay, cả ngày, mình không có khách, không phải làm nhiều, cũng như đã số các viên chức trung thành được sung sướng sau một ngày được ngồi yên mà đọc chuyện kiếm hiệp, hay là cắn móng tay, hay là dùng chốt đinh ghim để lấy ráy tai. Phòng Thụy làm là phòng giao hàng theo lĩnh hóa giao ngân, mà hôm nay, khách đến lấy chỉ ba bốn người, tiền thu chưa được hai chục bạc. Do thế, Thụy đã được ngồi đeo kính đen mà ngủ gục cả buổi sáng để làm lại cái sức khỏe tiêu phí vào một canh đò đen đêm trước.

Còn năm phút nữa, Thụy sắp đứng lên mặc áo, thì một bạn đồng nghiệp vào với một đồng sở sách. Thụy ký nhận, bắt người kia ký nhận, rồi hai bên bắt tay nhau, chúc nhau bữa chiều ăn cơm ngon. Trước khi đi, người bạn đồng sự còn nói:

- Nay, thằng Cú Vọ nó đã đi thanh tra về rồi đấy. Mai thì nó đến khám kết của anh... Tôi biết đích xác như thế.

Cái tin sét đánh ấy khiến Thụy tái xanh cả mặt. Thụy không ngờ rằng viên thanh tra Tây lại về nhanh như thế... Nghĩa là ngày mai, Thụy sẽ vào tù: chàng đã mượn tạm của kết ngót ba trăm bạc, mà lệ Nhà nước là không ai được giữ trong kết trên ba trăm.

Tức khắc chàng giở sổ ra cộng và được con số: 322đ56. Chàng đếm tiền trong quỹ và được con số nhỏ lắm 32đ56. Thế nghĩa là chàng đã thực kết đúng hai trăm chín mươi đồng bạc! Chàng kinh hoàng. Sao mà lại nhiều thế? Mới thua có ba canh mà đã nhiều đến thế ư? Thì ra những lúc thua cay mà phải "vay tạm" Thụy không hề quan tâm đến những con số. Sau một cuộc "họa lai thần ám" đến thế thì người ta chỉ còn một cách: vào tù!

Thụy tần ngần ngẫm nghĩ hồi lâu rồi bỏ nốt vào túi số tiền hơn ba chục bạc còn sót trong kết. Chàng mặc áo ngoài, tắt đèn, khóa cửa buồng, ra về với mấy chục viên chức khác.

\*\*\*

- Ê, Chung! Chờ tao đã!

Chung, một viên chức ở buồng điện thoại, bạn thân của Thụy, nghe tiếng gọi bèn dừng lại. Thụy nói:

- Hãy đi đằng này với tao!

Rồi chàng quay lại bảo người phu xe nhà đương kéo cái xe sơn đồi mời đi theo mình:

- Mày về thưa với bà rằng chiều hôm nay ông đi xơi cơm hàng nhé! Thôi, cho về, để tao đi xe hàng.

Hai người gọi một xe. Lúc lên ngồi, Chung gắt:

- Khỉ quá! Giả dụ mày bảo trước tao từ sáng có hơn không!



- Đến chính tao cũng không bảo tao trước nữa là...!

Chiếc xe kéo hai người đến một phố Tây. Trông thấy một toán tù nhân đi làm cỏ vè giữa bốn năm người lính khố xanh bông súng và cầm roi, Thụy thờ dài, hỏi bạn:

- ở tù khổ lắm, nhĩ mày nhĩ?

Chàng nghĩ đến địa vị mình: một ông phán hạng sáu; có xe nhà, có vợ đẹp, có con khôn... Ngày mai thì chàng sẽ như bọn tù kia: bị giam hãm, bị xích tay đi các phố xá, làm những công việc nhục nhã... Chàng rùng mình hồi hận, nhưng để thường muợn rồi. Nhưng Chung chỉ phì cười mà đáp:

- Mày nói như thật ấy!

Một lát, thấy Thụy chỉ cho phu xe con đường không đi thẳng về Hàng Buồm, Chung hỏi:

- Ở hay! Đi đâu mà lằng nhằng thế này?

- Đi chén, nhưng mà cho phép tao lại đăng này hỏi tí việc đã.

Thụy muốn đến nhà lão Hàn Bàu, một tay trọc phú, chủ một dượng phòng nổi tiếng, một tay "vua thuốc lậu" đã làm cho nhiều người tuyệt đường con cái, có huy chương, có bài ngà, có nhiều giấy bạc trong két, có nhiều chất vô vị trong những chai thuốc bổ, và có những giấy văn tự hai mươi năm phần trăm tiền lãi cho vay. Xưa kia, Thụy đã được tiền cử đến vay, và đã trả sòng phẳng. Lần này, Thụy lại đến... Nếu được thì càng hay, bằng không thì vào tù.

Xe đỗ trước một hiệu thuốc có máy phóng thanh đương hát bài Anh Khóa và có một số đông những người ngu dại đứng nghe những câu quảng cáo mà chủ hiệu thuê một người đưa chen vào những đĩa hát. Hai người vào. Bà chủ nhà gọi pha nước rồi rít và kêu:

- Thưa ông, cậu cháu đi ba hôm nữa mới về ạ.

Thụy vội lau những giọt mồ hôi thành linh chảy ra ở thái dương. Chàng nói chuyện trời nắng trời mưa mát nửa giờ để có thể đến lúc có gan hỏi vay ngay người vợ lão Hàn, một người không có hề giao thiệp với ai về tiền nong.

- Thưa ông, giá có sẵn thì tôi cũng vượt quyền cậu cháu đưa hầu ông, song mới hôm qua, có mấy trăm lại giả mấy vạn lọ thuốc đau mắt rồi! Ông để đến ngày kia hay ngày kia thì ông quay lại.

Thụy lo sợ vô cùng, xấu hổ vô cùng. Chàng xoay xoay mũ, ấp úng nói mấy câu cảm ơn vô duyên, rồi cùng Chung bước ra. Thụy bảo phu xe:

- Bây giờ kéo chúng tôi lên Hàng Buồm.

- Mày vay tiền để làm gì thế?

Giữa lúc ấy, Thụy cũng không cắt nghĩa cái cảnh ngộ của mình cho người bạn thân, cho rằng có nói cũng vô ích. Chung không thể chạy đâu cho chàng trong một đêm những ba trăm bạc được. Thụy đã muốn vui chơi với bạn cho thật thỏa thích đêm cuối cùng để hôm sau vào tù cho

cam lòng, nếu nói ngay, sợ cuộc vui mất vui. Chàng chỉ đáp một cách thản nhiên:

- Vay có chút việc riêng.

\*\*\*

Thụy đòi rượu Mai Quế Lộ thượng hảo hạng, gọi những món ăn rất đắt, những món Chung chưa hề thấy ai gọi đến cả: Bách điều qui sào, Tam sà đại hội, Ngũ hổ nhập thiên thai, vân vân. Lại có cả món Ngũ tộc cộng hòa và món Tam dân chủ nghĩa nữa. Nghe những cách mệnh danh lố bịch ấy, Chung phì cười.

Thụy cười nhạt, đáp:

- Cơm Tây còn có món Poisson à la Mussolini nữa là! Đông Tây gặp nhau ở chỗ cái bụng.

Thụy ăn như một kẻ mới ở tù ra, tuy chàng mới chỉ là kẻ sửa soạn vào tù. Chàng uống như một cái phễu. Chàng nói lảm nhảm như một nhà sư lúc đi phá giới ở nhà ả đào. Chung cũng hơi ngạc nhiên về thái độ ấy nó khác thường lắm. Nhưng Chung không hỏi kỹ, vì sự thực, chính Chung cũng choáng váng hơi men, cười nói huyên thiên. Lúc trả tiền, Thụy bắt bình rằng ăn uống như thế mà chưa hết 15 đồng. Chàng quay vào, gọi hầu sáng, thưởng cho một đồng bạc.

Lúc ra cửa hiệu, sáu người ăn mày đều được Thụy cho mỗi người một hào. Khi hai cây thịt bị vớt lên một chiếc xe, Thụy nói:

- Đi hát!

- Mày còn bao nhiêu tiền?

- Còn độ mười lăm đồng giờ lên.

- Sao mày lảm tiền thế mà lúc này còn đi vay? Sao mày chướng thế?

- Tao không chướng thế thì sao tao lại đáng mặt cho đời gọi là thằng Thụy?

Đến một nhà ở Khâm Thiên, Thụy đòi bàn đèn và rượu sâm banh, chứ không đánh trống. Hai người hút thuốc phiện như hai cái ống khói, và tuyệt nhiên không thèm sờ mó đến một chị em nào cả. Các cô đào rất lấy làm ngạc nhiên. Có nhiều ả thấy khách quá dễ, đâm nhờn. Họ lên ra đường chuyện với nhân tình mà Thụy và Chung cũng không buồn để ý.

Mười hai giờ đêm.

Chung đã nhắm nghiền mắt bên bàn đèn thì Thụy nói:

- Chung ơi, mày là người bạn thân nhất đời của tao... Mày có hiểu cái vui chơi tối hôm nay của tao có mục đích gì không?

- Tao chỉ hơi ngạc nhiên, và cũng sắp hỏi mày đấy.

- Chung ơi, đêm nay là đêm cuối cùng sung sướng của chúng ta... Rồi ngày mai thì tao không cùng đi một con đường đời với mày nữa!

- Mày say đến thế kia à?

- Thật đấy, Chung ạ. Bây giờ thì đã đến lúc tao nói: mai thế nào thanh tra nó cũng khám kết tao, nghĩa là tao vào tù. Cái kết còn tiền nữa thì đêm nay tao còn ăn chơi sang trọng hơn nữa để thết mày cho bố, nhưng chỉ còn có hơn ba chục. Vậy tao yêu cầu mày một điều là khi tao vào tù rồi thì mày ở ngoài thỉnh thoảng giúp đỡ vợ con tao, cho đến lúc tao được ra... Chung ơi, vào tù, vì thật kết, điểm nhục gia thanh, để vợ con đói khát... rồi thất nghiệp, rồi khốn khổ...

Thụy ngừng lại để khóc hậm hực. Chung ngồi nhồm lên, hiểu cả sự nghiêm trọng của tình thế. Chung lo sợ hơn là chính mình sẽ phải vào tù. Chung cũng ứa nước mắt.

Sau cùng, Chung đứng lên nói:

- Nếu còn có một cách thôi thì ta cũng nên không vì một lẽ gì mà không thử. Đây này, mày còn hơn mười lăm đồng, phải không? Thì chi chầu hát một chục thôi! Tao còn năm đồng nữa đây, thế là chúng ta có một chục... Đi gỡ! Phải gỡ chứ! Biết đâu...

- Thôi, ăn thua gì! Nhọc xác! Để tao ngủ yên một đêm rồi mai vào tù! Đạo này tao đen, tao biết!

- Không! Phải đi gỡ! Tao nhất định thế.

Chung lôi cổ Thụy dậy cho kỳ được.

\*\*\*

Sòng bạc vẫn đông đủ như mọi đêm. Con bạc cũng vẫn như mọi đêm, nghĩa là từ ông phủ hưu trí đến ông "vua thuốc lậu", những tay sát phạt nhau mỗi canh bạc trăm, bạc nghìn cả. Bốn năm chục người ghê gớm trong đó không ai chịu nói khê và cứ to tiếng gắt mắng người khác là nói to.

Một giờ đầu, Thụy và Chung được hai trăm. Nửa giờ sau, được hai trăm nữa. Một giờ sau nữa thì lại được trăm nữa. Chủ sòng làm một câu:

- Thôi hẳn đêm nay hai bác vét cả làng.

Chung đếm lấy ba trăm bạc bỏ vào ví, chỗ thừa để mặc cho Thụy "húc" với viên phủ hưu trí. Chung ngồi về phía sau cho con bạc khỏi soi bói mình. Sau cùng, chàng đứng lên, ra bàn ăn lê, táo. Thụy cứ được, cứ được mãi, để đến tất cả là tám trăm. Chung không để ý.

Đến lúc Thụy bắt đầu thua, chỉ còn trước mặt độ một trăm thôi, Chung đâm tiếc của, cầu dúi bảo bạn đứng lên. Thụy nhất định cứ ngồi. Cái bát bị ném đi, Thụy mất nốt trăm bạc. Chàng quay lại bảo bạn:

- Cho tao vay hai chục.

- Không!

- Hai chục thôi, tao lấy mày!

- Nhất định không! Cờ bạc thua hàng mười hôm liền, hôm nay được có trăm bạc, phải thôi đi chứ. Húc mãi như thế để tự tử à? Có ai lại đánh bạc như mày bao giờ?

Thụy đứng lên, vái lấy vái để:

- Hai chục nữa thôi, tao lạy mày! Chung lùi ba bước, quả quyết đáp:

- Tao nhất định không đấy! Thụy chạy đến móc túi bạn.

Chung đẩy Thụy ra. Cáo tiết, Thụy ôm lấy Chung định cướp giật số bạc trong túi áo. Chung hết sức mới đẩy được Thụy ra lần thứ hai. Đến lượt Chung phải van xin:

- Tao lạy mày nữa. Ấy trước sau chỉ được có trăm bạc thôi, tao còn phải giả tây đen ngày mai, không có nó cho tao vào tù.

Chung tưởng nói thế thì bạn tỉnh ngộ, thì bạn hiểu cái tình thế hiểm nghèo giữa hai con đường: yên lành và tù tội. Nhưng, Thụy không còn biết nghĩa lý gì nữa, lại xô vào, giằng co với Chung. Bốn năm chục con bạc bắt đầu nói: "Đồ ăn non!". Lão phủ hưu trí có đầy sát khí ở mặt và hai lưỡi dao găm ở mắt. Anh chủ sòng cay lăm, như sắp chết đuối. Bọn tạ sắp sửa xông vào cướp... Họ muốn phá sòng! Một vài người đàn bà bắt đầu kêu thất thanh.

Tức thì, nắm chặt bàn tay, đã đến lúc phải tỏ rằng mình cũng còn có một vài miếng, Chung đâm luôn cho Thụy một cái vào giữa quai hàm! Nhưng Thụy lại còn xông đến lần nữa. Thụy hóa điên! Chung lại nắm tay trái đâm luôn vào cái quai hàm bên kia. Thụy ngã dúi xuống đất.

Chung đút hai tay vào túi quần, vênh mặt, ung dung nói với cả bọn con bạc:

- Đấy, mời các ngài xem thằng này là thằng nào. Bạn thân cũng có thể đánh chết được, nếu vào lúc cần thì đánh chết!

Cho thế chưa là đủ, Chung lấy con dao vẫn dùng gọt bút chì, cầm ở tay. Chàng mở lưỡi dao nhọn, dọa:

- Mày mà mò đến chân lông tao thì tao xin cam đoan là sẽ có một vụ án mạng!

Chung nói xong đi, ra. Thụy ngồi lên ôm mặt, nhăn nhó, Chung bảo sống:

- Mày có về thì về, hay ở lại thì cũng tùy mày.

Rồi ra thẳng, con dao vẫn lăm lăm trong tay.

\*  
\* \*

Hôm sau, lúc ông thanh tra khám kết, Thụy vẫn là một viên chức đúng luật lăm. Các bạn đồng sự hỏi thăm một bên má tím bầm của chàng. Thụy đáp là ngã gác.

Buổi trưa, lúc tan sở, Chung lại tìm Thụy. Chàng cảm động nói với bạn:

- Mày mới thật là bạn tốt. Nếu mày không đánh ông đến trọ quai hàm thì... than ôi! Tao cảm ơn mày lăm.

Một người nghe thấy tưởng Thụy nói đùa. Chính ra chàng nói một cách rất đứng đắn.

Và từ đấy, làng đen đỏ không thấy mặt Thụy trong số những nạn nhân. Chàng đã hiểu vì lẽ gì,

bọn con bạc không bao giờ lại có thể khá được.

*Đông Dương tạp chí,  
số 17; ngày 4.9.1937*

## Thư gửi ông Thái Phi, chủ báo Tin Văn về bài “Văn chương dâm uế”

Thưa ông Thái Phi,

Trong số báo Tin Văn 25 vừa đây, ông lên tiếng cảnh cáo những nhà văn sĩ tả chân về câu chuyện văn chương dâm uế.

Sở dĩ tôi đáp ông bằng thư này, không phải là tôi nhận là văn chương của tôi là dâm uế, nhưng vì tôi là một trong số nhà văn tả chân. Nếu bài cảnh cáo của ông viết mà nghe xuôi tai được, tất nhiên tôi phải bỏ bút hàng phục mà nghe theo ý ông, vì tôi chính là một trong số những người biết phục thiện, lại rất cần có người khác chỉ bảo nhiều khuyết điểm của mình. Phải, ai lại dám tự phụ là hoàn toàn, không làm điều gì dở?

Khốn nỗi bài cảnh cáo của ông không những làm cho tôi kinh hoàng mà còn làm cho tôi thất vọng; ông chớ nóng nảy, tôi kinh hoàng chỉ vì chưa hề nghĩ ra rằng một người làm việc cho văn chương như ông mà lí sự lại luẩn quẩn, tối tăm như thế; tôi thất vọng là vì ông chủ một cơ quan văn học mà quan niệm về văn chương lờ mờ, mù mịt, hỗn loạn đến như ông, thì thật là một sự phỉ báng, và hơn nữa một tội phạm thượng đối với văn chương!

Đây nhé, để tôi cứ việc trích lại những câu ông viết xem tôi nói đúng hay nhầm. Mở đầu bài ông đã nói:

*Nhưng đó các cụ biết thường thức cái văn chương dâm uế ấy ở trong văn học Pháp thì dù các cụ sẽ biết rằng ở người ta tuy dâm uế mà vẫn là văn chương. Không cứ hề đã là văn chương tất phải thanh thú tao nhã. Tả một cái gì dù xấu xa, bẩn thỉu, mà đạt được đến chỗ hoàn toàn của nghệ thuật, ấy cũng là văn chương.*

Tôi xin cảm ơn ông, xin cảm ơn ông lắm, ông nghe chưa? Nhưng thế nào là đến chỗ hoàn toàn của nghệ thuật?

Đây, ông đã giải quyết nghĩa chỗ ấy một cách gián tiếp, nghĩa là ông bài bác những điều mà ông cho là chưa hoàn toàn.

*Họ (bọn văn sĩ tả chân) thấy thiên hạ ưa thích cái dâm uế thì hoặc là cố nhồi nhét cái dâm uế vào, bất cứ truyện gì của mình viết, hoặc là viện cái chủ nghĩa tả chân, dụng tâm tả cái cảnh dâm uế một cách rất táo bạo và, vì thế, thành ra sống sượng khó coi, cố làm rung động giác quan của người đọc hơn là nghĩ đến nghệ thuật.*

Sau khi để độc giả biết thế, tôi đây cần xin mở một đôi dấu ngoặc thuyết minh về cái điều dâm. Cái dâm tự nó không uế, nếu nó không loạn, cái dâm của cặp vợ chồng chẳng hạn thì là sự thường như sự ăn uống, không có gì uế tạp như bản mà lại còn là điều thanh tao, cao thượng nữa, song người ta không cần tả đến vì nếu nói đến nó tất nhiên là khiêu dâm. Song còn những thứ dâm đáng gọi là uế, thí dụ: hiếp dâm, gian dâm, loạn luân, nghĩa là những thứ dâm của hạng nam nữ mà không phải là vợ chồng. Nhà văn sĩ tả chân có quyền và có bổn phận tả chân những điều ấy, nếu thấy trong thiên hạ có những điều ấy, mặc lòng đó là những thứ dâm uế tạp, như bản, theo ô uế thì là đến chỗ hoàn toàn của nghệ thuật rồi, chứ ông Thái Phi còn bắt

bể chỗ nào nữa?

Nhưng đây, ông Thái Phi còn nói:

*Bởi họ tả một cái loã lồ, sống sượng nên những người biết đọc thành ra thấy ghê tởm, họ muốn bày ra cái sự thực trần trụi hằn, nhưng họ quên rằng khi nào cái sự thực đã trần trụi thì người ta sợ và không thích nó nữa.*

Ồ, ông nói lạ! Ông lại muốn bắt bọn văn sĩ tả chân, trong khi tả cái sự thực trần trụi như bản dân loạn, mà phải làm cho độc giả thấy thích (sic). Thấy những chuyện kia là thanh tao, nhã nhặn, dễ thường lại hợp với luân lí, để bắt chước theo bọn người dơ bản trong chuyện đó sao? Ông có quyền không thích cái sống sượng nhưng ông không có quyền bắt chúng tôi khiêu dâm người đọc.

Những cái sự ngu dại của ông không phải đến những lí luận tôi vừa nê trên mà là bờ bến. Quá lắm nữa, ông lại còn khuyên chúng tôi bằng câu này:

*Chính vì sự quá hùa ấy mà tôi phải viết bài này và tôi mong các nhà kĩ nghệ viết văn dâm uế nên hãm bớt cái đà của họ lại thì vừa, đừng để đến lúc công chúng phải nổi lòng công phẫn.*

Công phẫn? Thì chúng tôi chỉ mong có thế! Nhưng nổi công phẫn ấy là chỗ hoàn toàn của nghệ thuật vậy. Là cái mà công chúng đối phó với điều như bản, với những sai phạm tả trong truyện, chứ có phải đâu là cái công phẫn đối với kẻ thuật chuyện như ông Thái Phi lo sợ.

Thưa các ngài, nếu tôi mách các ngài rằng trong số đồng bào của các ngài, hoặc trong số con em của các ngài có đũa phạm những điều như bản, dâm loạn đáng ghê tởm như thế này...thế này...thì các ngài sẽ công phẫn với những kẻ phạm tội hay là các ngài sẽ công phẫn với tôi, một người chỉ tố cáo lại cái sự đáng ghê tởm kia? Nếu các ngài không cảm ơn tôi mà lại nổi lòng công phẫn như ông Thái Phi thì than ôi, tôi có cần gì quan tâm đến cái sự công phẫn vô nghĩa lí ấy? Nhưng mà tại sao ông Thái Phi viết bài cảnh cáo ngậy ngô trẻ con kia, hở ông Thái Phi? Có lẽ tại ông, theo như ông thú tội trong bài "Văn chương dâm uế" thì thế này:

*Không, tôi không phải là một ông thánh, tôi chỉ là người, mà trong mỗi người đều có một con thú, nếu người ta không khéo kìm nó lại thì nó thức dậy, thì nó làm dữ ngay!*

Eo ơi! Cứ như ông nói thì ông đương có bệnh, ông đương bị một sức ám ảnh ghê gớm rất nguy hiểm cho thuần phong mỹ tục, ông đáng là một kẻ bất thường (anormal) đáng để cho bác sĩ Magmes Hirschfeld khảo cứu trong cuốn sách ông ta khảo về sự dâm dục của những người bất thường. Cái bệnh của ông, sức ám ảnh kia, đã khiến ông mất hết lí trí đến nỗi trong khi ông đọc một đoạn văn tả cái như bản sống sượng đáng ghê tởm thì không thấy thích, thì muốn tác giả phải viết văn chương bóng bẩy thế nào cho ông thấy thích rồi mà ghê tởm, rồi mà lại công phẫn nữa, tuy vậy mà vẫn không kìm nổi cái con thú trong lòng ông - điều ấy mới vô lí - và để đến nỗi bị cái con thú ấy nó hành!

Một lần cuối cùng, tôi xin ông cứ việc buồn nôn buồn mửa và thấy là ghê tởm, nếu ông đọc đoạn văn nào có tả một cảnh tạp uế, bản thối, và cố sức kìm con thú trong lòng ông lại, đừng khát khao gì nữa, đừng bắt ai trong khi tả một cảnh như bản mà lại phải dùng những câu văn thanh nhã, nửa mở nửa kín, đọc lên không thấy ngượng mồm mà còn thấy hay ho, văn chương nữa, do thế, cho ông thấy thích, thấy muốn ngâm nga hoặc muốn đọc đi đọc lại để mà nghĩ đến dâm dục được kĩ càng!

Tôi khuyên ông nên đi chữa bệnh, rồi hãy nói chuyện văn chương.

Kính thư

Nguồn: Hà Nội báo, số 38, ra ngày thứ tư, 23.9.1936, tr.15-16,  
theo bản của Thanh Lăng, *13 năm tranh luận văn học*, Nxb Văn học, 1995

## Chống nạng lên đường



Mấy hôm nay, thằng Hai Xuân xem ra có ý lo buồn lắm. Phải, ở vào cái cảnh như nó bây giờ, thì đến ai mà chả đâm lo, bảo nó không buồn sao được?

Từ ngày mọi người còn thấy nó cầm đôi tay xe chạy trên đường đê Gia Quát thì thằng Hai vẫn là người vui tính nhất làng. Vào những buổi chiều mùa hạ sáo diều vo vo réo rất hay buổi chiều mùa thu gió vàng hắt hiu, trong những cảnh hoàng hôn của tiết xuân mát mẻ hay của trời đông lạnh lùng, mỗi khi hình thằng Hai tay vòng càng đi trước cái xe, vẽ cái bóng thật dài trên dải đường trắng xoá, thì tận trong làng xa lắc xa lơ cũng có người nghe thấy nó cất giọng ồ ồ, nghêu ngao hát cái bài "xẩm" của nó tuy cụt đầu cụt đuôi thật, nhưng nghe nó cũng hay hay: ... Còn trời (mà) còn nước, còn non...

Còn cô (mà) còn cô bán rượu, (ý y) anh (a) còn (thì) say sưa... (chừ này mình ơi... ý y ý y ý y tang tình tính tang...!!!)

Thật vậy! Cái đoạn đời ấy tuy trước mắt bọn giàu chỉ là cái đời khốn nạn của con "ngựa người" ngày ngày "dang" chân trên mặt đường rải nhựa khi lửa hạ chang chang, hay bị bõm trên dải đê trơn mỡ đổ khi mưa phùn gió bắc... mà đối với thằng Hai, nó vẫn cho là vui vẻ lắm...

Nó được vui vẻ nhất là sau khi, trước cái mái tranh lụp xụp nó đặt "phịch" càng xe, rảo cẳng chạy vào sân, đến chính nước ngựa cổ "tu" một hơi nước lã thật dài xong thở đánh "hà à à" một cái rất khoái trí rồi cầm mảnh mo vừa quạt vừa bước vào nhà, ngơ ngác nhìn xem bố mẹ đã thổi chín cơm chưa, để liệu dọn mâm bát, không thì giốc nẹp áo lấy ra một nắm đầy bàn tay những mảnh tròn tròn bằng đủ thứ: thau, đồng, kèn, bạc vừa hào vừa xu đưa cho mẹ mà rằng: "U mua vào đây cho tôi vài xu diêm thuốc".

Mâm cơm dọn xong, nó chỉ còn chờ anh Cả nó đi làm về là cùng ngồi vào, tuy bữa nào cũng chẳng hơn gì bữa nào, chỉ rệt cà, tương, dưa, muối mà thằng Xuân ăn thấy rất ngon. Nó ăn được ngon là vì nó đã kéo xe nhọc mệt cả ngày, là vì không những nó đã chẳng phải ăn nhờ ai mà lại còn nuôi được bố được mẹ, đỡ anh, anh nó, một người phu kíp ở ga Gia Lâm, mỗi tháng kiếm không đầy chục bạc.

Khốn nạn thay cho thằng Hai Xuân! Bây giờ khác hẳn xưa rồi... đến cái nghề kéo xe kể đã là cùng cực mà nó cũng không đang nổi nữa vì người ta đã cướp cơm của nó, một cái xe hơi đã vồ phải nó, đánh gãy của nó mất một bên chân, rồi vào nhà thương, người ta đền cho nó một cái khúc bằng gỗ để mặc nó lặc cộc chống nạng về nhà...

Bây giờ nó đành phải ăn nhờ vào anh, mà từ khi nó được cái chân gỗ thì những bữa rau cháo buổi xưa cũng ra điều chênh mảng, không được đúng hện nữa. Không đầy chục bạc mà bốn miệng ăn...! lại tiền thuê nhà, ấy là chưa kể đến những món vật khác như áo, quần, củi lửa... tuy không để đem chôn vào bụng mà cũng cần như hạt muối, hạt gạo; gia đình nhà nó sống trong một cảnh túng bần cực kỳ, chỉ hơn được ăn mày một nước là không phải ngựa tay xin lấy

của ai. Gạo đỏ còn phải ăn kèm hơn ngô khoai nên bố mẹ nó, tuy trên đầu tóc đã phai màu, hàm răng chiếc đã lung lay, chiếc rụng mặc dầu, cũng đành bụng đến bát cơm ngô, cơm khoai mà... khốn thay! vẫn thiếu...! Đã nhiều lần bố mẹ thằng Hai và nó phải bấm bụng nhịn đi để anh Cả nó về được ăn no đủ - vì là người kiếm ra tiền - anh nó chẳng phải tay vừa: nếu để thiếu cơm thì nó sẽ thấy ngay anh nó máng bố, gắt mẹ, chửi nòi, chửi rế, chửi đôi guốc đang đi mà quai đứt, chửi xó nhà lấm muối vo vo...

Thằng Xuân mấy hôm nay xem ra có ý lo buồn lắm.

Một buổi chiều hè kia, sau khi chống nạng lang thang đi khắp đó đây - từ độ nó què, không có việc gì nó vẫn lang thang như thế - thằng Hai lên cầu ngòi hóng mát. Lúc ấy có lẽ đến 6 giờ rồi, bụng nó đã thấy đói như cào mà nó vẫn chưa dám tưởng đến sự về nhà vì nó chắc thể nào anh nó cũng cau cau nét mặt nhìn nó ra ý bất bình hay hỏi căn vặn nó bằng những câu chẳng được nhẹ nhàng như khi nó chưa cụt cẳng. Nó đói lắm nhưng nó vẫn cố gượng cho khuây; ngòi nép vào sát với thành cầu, nó lẳng lẳng trông mây, trông nước.

Mặt trời đỏ hồng như một hòn than tròn đã từ từ rã những đám mây chồng chất lên nhau mà lặn xuống chân trời; trước mắt nó, dãy núi Tân Viên ba chòm xanh biếc, mập mờ trong đám sương nhòa dưới chân điểm ngang một nét xanh xanh biếc bao làng mạc, đứng sừng sững như một bức trường thành trên mặt nước đỏ ngầu. Sông Nhị bấy giờ đang ào ào đập bọt vào mấy chân cầu, dữ dội mà hung hăng như một người điên bị ai trêu ghẹo. Trông về đằng đông, lại dòng nước Nhị Hà, dài rộng mênh mang, hai bên bờ xa nhau mờ mịt, mấy cánh buồm căng thẳng, xa lơ xa lác, xa đến nổi tuy con thuyền đang chạy băng băng mà trông vẫn phải tưởng như không, như chỉ cắm sào một chỗ.

Thành phố Hà Nội, phơi mình dưới một tầng mây dài dằng dặc mà đỏ ối như thể đám lửa hung hăng, phô lên những rặng mái nhà chi chít nhấp nhô, mảng đen mảng đỏ, rồi, nhoi lên cao hơn hết thấy, này ngọn cột cờ và ống khói sờ Máy tư tiêu điều vì không đặc dụng, này đôi trụ nhà Thờ chính đưa ra những hồi chuông văng vẳng chiều hôm, này mấy cột vô tuyến điện làng Vọng mập mờ mà cao ngất, lênh khênh như muốn chọc trời.

Trên cầu lúc ấy không thấy bọn người áo quần lam lũ, gồng gánh qua lại nữa. Cái giờ ấy là cái giờ đuổi bọn người kém phúc này tắt tả về nhà, chúí đầu vào bếp vùn niêu cơm gạo đỏ bưng lên xới cho một ông bố hay một bà mẹ mù loà hoặc ôm vội lấy đứa con gầy nhẳng, từ sáng chưa trông thấy mặt mẹ, nhét cái vú mướp vào miệng nó mà cất giọng "à ơi...", rủ nhau nấu mình dưới những mái tranh lụp xụp cho khỏi làm bẩn mắt bọn tỉnh thành, bọn giàu hay có cái về giàu bấy giờ đã nghênh ngang, lũ lượt, kéo nhau lên hóng mát.

Những đoàn xe hơi bệ vệ mà không lịch sự, nối đuôi nhau, tiếng còi inh ỏi, sang sang, về về, đồn các bác phu xe ngựa ngực kéo, hót hơ hót hải chạy vào những chỗ tránh của họ, hình ảnh cái mãnh lực tuyệt đối của cơ khí với nhân công, mà chẳng cứ ở xứ nào, cơ khí bao giờ cũng chỉ lợi riêng cho một bọn.

Thấy vẽ rõ ra trước mắt nó cái cảnh phồn thịnh nường kia, Hai Xuân tuy là một thằng què, một thằng chân gỗ thật mà vẫn có lòng quảng đại nhìn đời bằng con mắt lạc quan, chẳng vì thấy mình tàn tật kém người mà thù hằn oán ghét họ.

Một cặp uyên ương người vận tây, người quần trắng áo lam thung dung lướt qua mắt nó.

Nó ngăn người ra! Chưa bao giờ nó được trông thấy cô nào xinh đẹp đến thế. Nhất là cái mũ nhung đang quay vòng tròn trên hai ngón tay cái với đôi hoa kim cương lóng lánh dưới làn tóc mây phát phơ bên đôi má mơn mớn cô làm nó phải lố mắt nhìn. "Hai vợ chồng nhà này hẳn sướng hơn người!...". Lẫn thần nó nghĩ.

Người dạo chơi trên cầu dần dần càng đông, đông như thể rủ nhau trẩy hội. Theo sau cặp trai gái xinh đẹp ấy, một ông béo phục phà phục phịch, hai bên má chảy xệ xuống như má lợn xề, hình như trời sinh ra chỉ để cho nhai toàn những của ngon vật lạ nên cái bụng nghênh ngang trên bộ giò chũr bát chẳng đủ sức khiêng ông, bắt cái đầu và cái ngực phải dồn cả lại đằng sau. Ông bày bụng ra một cách vênh váo, bệ vệ đi trước để theo sau, một bà gầy nhẳng, cao lênh khênh, mình lép như bò kếp, một cái máy để sắp đến hồi bị thải. Hai Xuân cứ bịt mồm nhịn



cười chẳng được vì nó nghĩ ngay đến một miếng đồng dần dần tất phải dài ra nếu bị một cái búa nặng bên trên cứ ngày ngày nện xuống.

Rồi đến những cậu đầu trần, tóc mượt nhẹ nhàng cưỡi trên những con "ngựa sắt" sáng choang hay phong phanh trong những bộ áo lót mình kẻ dọc kẻ ngang sặc sỡ, rồi đến các cô nhớn như trong những bộ "cánh cào cào" vàng, đỏ, tím, lam, rồi có cả một vài cụ già quần lụa áo sa, tay quạt, mắt kính, ung dung dạo gót nhìn non nước mà chẳng buồn nhìn đến bọn trẻ ranh.

Thằng Hai trông đám người ấy chẳng bằng con mắt ác cảm. Nó rất ước ao được có ngày thành thời như họ, nó coi họ như hạng người đã được trời thương, mà trời đã thương ai, đã ban hạnh phúc cho ai thì người ấy đã đành là xứng đáng.

Còn nó nghèo, nó khổ, nó đổ là tại số. Tại số? Phải, những bộ óc rắn đặc như óc nó thì bao giờ lý hội sự đời cũng chỉ thấy toàn số, mệnh. Nó không biết rằng bố mẹ nó đã bị xã hội hất hủi vào cái cấp hạ lưu đê tiện thì không còn mong gì ngoi ngóp được lên, đã không ngoi ngóp được lên, thì tiền đâu nuôi nó, cho nó học hành, mà nó chẳng phải cầm đến cái tay xe? Đã cầm đến bộ tay xe, không những nó phải ra sức kéo người có tiền cưỡi nó, nó còn phải đem mảnh thân cát bụi của nó ra chiến đấu với tạo vật, với những tia nắng mặt trời dữ dội chiếu xuống đốt lụng đốt gáy nó, với những trận mưa trận gió phũ phàng ném những hạt nước nặng nề thẳng vào mặt nó, thổi tung cát bụi lên làm tối mắt nó hay đưa lạng cả xe nó kéo về đằng sau, làm trông tránh sang bên phải, bên trái, trông tránh như một chiếc thuyền. Nào đã hết đâu!... Thằng được tạo vật rồi, nó còn lại phải chiến đấu nữa, chiến đấu với cơ khí, chiến đấu để nuôi thân. Những ông đại tư bản, giàu có hàng triệu, có thể nuôi nổi không biết cơ man nào hạng người như nó, cũng cạnh tranh với nó. Rồi các ông ấy mang ra đường sắt những đoàn xe lửa hùng hổ để chạy thi với anh cu li bé nhỏ yếu ớt kia. Những ông tiểu tư bản cũng chẳng tha nó nào, cũng lại cướp cơm của nó. Mỗi khi nó khom lưng kéo chiếc xe tay thì những tiếng còi inh ỏi làm loạn óc nó, những chiếc xe hơi máy chạy vo vo phun khói mù trời, dòn nó, hất nó vào một bên đường để tranh lên bước trước.

Mặt trời vẫn "tươi" trên lưng nó một lớp mồ hôi, khúc đường tráng nhựa chang chang không một bóng cây vẫn ở dưới chân kim lên hai bàn chân nó, hòa trong mình nó bốc lên hai mắt đỏ ngầu, cát bụi bốc lên làm nó tối xâm mắt lại, đoàn xe hơi vẫn sùng sục đuổi nhau, rồi không biết thế nào, một chiếc vỏ phải nó, hất người khách của nó vào một góc đường, hất nó té nhào xuống đất.

Khi nó mở mắt ra thì nó thấy nó đã được nằm trong một gian buồng nhà thương Hà Nội. Bố mẹ nó ngồi cả bên giường, tay bưng lên mặt mà khóc tỉ tê: quan đốc tờ bảo nó đến phải cưa chân. Nó ngơ ngác nhìn hết mọi người rồi hỏi họ rằng: nó được người ta đền cho bao nhiêu tất cả? Người ta chỉ nhìn nó mà cười một cách chế nhạo rồi bảo rằng người ta đền cho nó một cái chân gỗ, chỉ một cái chân gỗ và một cái nạng thôi: nó đã đi trái luật. Trái luật ư? Không, quyết là không, chẳng khi nào nó đi trái luật bao giờ, nó còn nhớ rõ, quả thật hôm ấy nó vẫn đi bên tay phải.

Vẫn đi bên tay phải ư?... Đối với hạng người như nó, họ chỉ cần đáp lại một câu: mặc kệ! - Thân nó từ đấy què cụt, ai nuôi? - Mặc kệ! - Bố mẹ nó đã già lão thể kia rồi sẽ ra sao? - Mặc kệ!... Họ mặc kệ hết thảy; nó chỉ đành từ đấy lê cái chân gỗ suốt đời, vì chẳng ai đã làm chứng cho nó trong lúc tai nạn xảy ra nó vẫn đi bên phải.

Trên cầu người dạo chơi hóng mát lại càng đông thêm. Thịnh thoảng, một cặp trai gái lướt qua mặt nó, để lại cho nó một ít hương thơm thoảng thoảng. Nó ngỡ ngỡ đưa hai con mắt nhìn hết người, mà ô này! Chả ai buồn nhìn đến nó, nó chỉ là một thằng què cụt, rách rưới, khốn nạn, ai nhìn đến nó làm gì...!

Thằng què! thằng què! lòng tự nhủ lòng, Hai Xuân rầu rầu nét mặt nhìn xuống cái chân gỗ... Những người chung xóm nó, những anh em đồng nghiệp nó ít lâu nay đã cải tên của nó, đã gọi nó là thằng Hai Què. Thằng què! ôi đau đớn!...

Mặt trời lúc ấy đã lặn hẳn, nhường cho những ngôi sao lặn tẩn lấp lánh trên khoảng không trung. Dãy đèn điện trên cầu, trong một cái chớp mắt, đã rủ nhau bật đều lên cả, ló ra những đám lửa đỏ hung hung có vẻ buồn rầu và kèm cho mỗi người dạo mát một cái bóng hiện trên

những thừa gỗ lim, nó lặng im, bé lại hay dài ra tùy ở con người đứng yên một chỗ hay đi đi lại lại.

Trông về Hà Nội, dưới tầng mây bạc lộn vẩy tê tê, thành phố tung lên một dải hào quang sáng lòa cả mắt mà kéo dài một mạch từ ô Yên Phụ đến tận Lò Lợn giáp với Thanh Trì, dãy đèn điện bờ sông ra công "phá tối" sáng quắc và thẳng băng như chuỗi hạt kim cương.

Cảnh vật đều vui, nhưng Hai Xuân chỉ là một thằng què cụt...!

Nó buồn, buồn lắm!

Rồi nó bỗng thấy nó rất đáng hổ thẹn trong đám đông người ấy, hổ thẹn như một con vật ghê lở trốn vào đâu cũng bị hất hủi đuổi ra.

Nó không dám nhìn họ nữa, quay mặt vào thành cầu, nó tựa cằm vào một thanh sắt mà nhìn xuống nước, nhìn những ngọn đèn điện từ trên ánh xuống bị dòng nước lôi cuốn đi làm tan nát ra như muôn nghìn mảnh kính, như muốn trôi đi mà lại như muốn đọng đấy, lừng lơ một chỗ, lạ mắt vô cùng. Rồi nó vẳng nghe thấy dưới nó tiếng chèo bì bõm, tiếng trẻ khóc oa oa, tiếng cái điều cày có người rít một hơi sòng sọc.

Nó cố định thần nhìn xuống: một chiếc thuyền từ từ ở gầm cầu chui ra, lù lù mà bí mật như một con quái vật nó thường gặp ta trong những đêm trần trọc có chiêm bao ghê gớm vậy.

Từ khoang thuyền chiếu ra ánh sáng hiu hắt một ngọn đèn con để thẳng Hai thoáng nhìn thấy bóng một người đàn bà cầm chèo ngả nghiêng đằng mũi, ngả nghiêng một cách rất táo bạo như có lúc muốn lặn tòm xuống nước, táo bạo như bóng một con ma đen.

Chiếc thuyền cứ đủng đỉnh mà đi để lại mặt nước chỗ sóng sôi cuộn cuộn, bọt trắng ngàu ngàu, chỗ xô nhau, xoáy nhau, tròn như một cơn gió lốc, chỗ lăn tăn vẩy cá và chỗ phẳng lặng lạ lùng, phẳng lặng mà bì bì đóng váng như một bát nước cơm.

- "Chà! Sung sướng biết bao! nếu mình lênh bênh trôi trên làn sóng ấy!..."

Thằng Hai chợt nghĩ thế, nghĩ đến cách tự tử ấy một cách đau đớn, một cách âm thầm. Nó sống mà làm gì nữa?... nó chết đi là phải, rất phải, nó chẳng còn nên tiếc gì đời, cái đời một thằng què cụt không kế sinh nhai. Rồi nó khỏi phải đau lòng trông thấy những tấn tuồng "con mắng mẹ vì thiếu cơm ăn" mà rồi đây anh nó lại đem diễn ra trước mắt nó, nó sẽ khỏi phải trông thấy cái cảnh tượng bố mẹ nó vêu vào nét mặt, ngồi mỗi người một xó mà nhỏ lệ đầm đìa. Được lìa đời, nó sẽ thoát khỏi mọi điều đau khổ. Cái đời nó nay xoay ra đến thế là tuyệt vô hy vọng, trời không thương nó nữa vì xưa nay nó chỉ mong có lấy được một bộ chân khỏe mạnh để kéo cái xe tay, để nuôi thân và nuôi cha mẹ mà thôi. Ông trời ngày nay bắt nó què cụt, nó còn sống nữa làm gì?... Nó đã đau khổ lắm... Vì đâu nó đến nỗi phải liều thân như vậy?

Chao ôi! nếu nó vẫn có đủ cả hai chân như mọi người!...

Hai Xuân mệt quá, mệt là người đi, thiếp mắt đi.

Nhưng một sức mạnh vô hình đã đến bao phủ lấy nó, lay nó dậy, dựng nó đứng lên, giục nó trông trước nhìn sau chẳng thấy ai đứng đấy thì trèo lên thành cầu, dăm dăm nhìn xuống nước. Chỉ trong một vài giây đồng hồ nó cũng đủ thấy rợn, nó nhắm nghiền mắt lại, liều buông tay ra. Đánh bõm một cái thân nó đã bị làn sóng cuộn cuộn xuống, nước lạnh ủa vào tai, vào mắt, vào mũi, vào mồm nó, nó như ngậy như dại, nhưng nó vẫn thấy hình như trên cầu có tiếng người rộn rịp chạy, tiếng kêu tiếng hét ào ào, họ tùm cả vào một chỗ mà chỉ chỗ cho nhau, thấy đều sững sốt, những con mắt long sòng sọc xiên qua quãng tối tìm tòi xác nó, lại vẳng vẳng có tiếng người kêu...

Hồ ồ ồ ồ ồ ha a a a a!...

Một tiếng còi đình tai làm Hai Xuân giật mình đánh thót một cái.

Nó bàng hoàng cả người, chớp mắt luôn mấy cái rồi định thần nhìn kỹ mới biết nó vẫn ngồi gục đầu xuống đấy mà ngủ quên đi mất tự bao giờ, nước dãi nó đã chảy ra đầy một bên má nó.

Như một vòng trong đèn cù, những người hóng mát vẫn ung dung lướt qua mặt nó, đến bảy giờ họ mới dừng chân cả lại đứng chờ xem một chuyến tàu về...

Sình sình sình sình! Sình sình sình sình!... Cả cầu chuyển động, trên đường sắt hiện ra trong đám tối hai con mắt lửa đỏ ngầu, một cái miệng phun khói ra đen nghịt, rồi như một trận cuồng phong, cái đồng sắt đen lù lù ghê gớm ấy phăng phăng trôi qua mặt nó, kéo một dãy dài đến mười cái toa những người đông nghịt, họ đứng lố nhố mà nghênh ngáo nhìn quanh.

Thằng Hai đực mặt ra trông chuyến tàu ấy nó đi đến đâu làm rung chuyển đến đấy như một trận động đất dữ dội, nó làm nhấp nháy muốn tắt cả hai dãy đèn điện trên cầu mãi đến lúc nó đã đi xa, chỉ để lại cho mọi người một ngọn lửa đỏ tù mù ở sau toa cuối cùng nó dần dần biến mất đi trong đám tối...

Không, Hai Xuân chưa chết. Nó hãy còn trơ trơ ngồi đó, nó chưa ném mình xuống nước bao giờ; Nó nghĩ đến cái chết đại đột kia mà chột rùng mình, rùng mình lạnh toát cả người như trong một cơn (...) (\*) thấy muốn đứng dậy lần về nhà nhìn mặt bố mẹ nó, nhìn mặt anh nó, dẫu rằng anh nó có gắt nó, mắng nó, nó cũng bằng lòng. Rồi nó cầm lấy nạng.

Bống nó thấy đói lắm, đói đến nỗi không đứng lên được nữa, đói quá đi mất. Nó lại thấy lâm râm hơi đau bụng mà chân tay nó mỏi lả đi như đã mất hết cả gân. Nhưng biết làm thế nào? Nó chỉ đành cố sức đứng lên, chống nạng mà đi; cái nạng gỗ rắn quá, cứ đâm nhoi nhói vào chỗ xương nách nó chữa quen dùng, làm đau chết điếng người đi được.

Đi hết cầu, xuống đường dê thì trời tối đen như mực. Nó cứ nghe tiếng mấy người đàn bà đi trước nó mà lần theo họ, theo mãi đi đến nửa giờ. Rồi nó dừng chân trước một mái tranh, một cái lều tồi tàn, đồ nát, rách rưới ở ngay đầu xóm, bên trong có ngọn lửa to bằng hạt đậu, ánh sáng tiêu điều lách qua phen cửa chiếu ra. Nó chưa dám vào ngay, nó còn lẳng lặng nghe xem sao đã.

Thốt nhiên như có một cơn gió buốt xiên vào tai, vào gáy thằng Hai làm nó rét lạnh cả người, từ đầu đến chân run như cây sậy; rõ ràng như có tiếng mẹ nó, người mẹ rất thân yêu của nó sụt sùi, như muốn khóc mà như cố nín, cố nín vì phải sợ ai. Nó rón rén tiến gần đến cửa, vén cái màn mảnh rách lên, nhịn thở nhìn vào. Ôi! một cảnh buồn!... buồn chết người đi được!...

Bố nó, một ông lão ngót 60 tuổi, cời trần, gầy gò như một bộ xương, ngồi một góc phản, hai tay để trên hai đầu gối, đầu cúi về đằng trước, ngậy người ra như một cái tượng. Mẹ nó ngồi sệp dưới đất, gục mặt xuống đầu gối, hai tay ôm chân, còn anh Cả nó thì nằm thẳng căng trên giường, chốc chốc lại dằn vật chân tay như đang có chuyện gì làm bức tức đến cực điểm. Mẹ nó vẫn tỉ tê khóc lóc, chợt anh nó ngồi vung dậy như bị một cái lò xo sai khiến rồi đập tay xuống bàn đánh "bộp" một cái mà quát:

- Bà thương nó phải không? Bà cũng phải biết mới được chứ! Nó có là bố tôi đâu? Bà còn tỉ tê nỗi gì?

Hai Xuân đứng ngoài tái mặt đi. Vì nó, anh nó đã sinh chuyện với bố mẹ rồi. Nhưng nó vẫn phải lẳng lặng đứng nghe: bố nó vẫn ngồi yên, chẳng nói chẳng rằng, mẹ nó vẫn sụt sùi, tay bưng lấy mặt. Anh nó lờm mẹ nó một cách trông rất khả ố rồi lại nằm vật xuống giường, thờ dài một cái ra chiều rất chán nản. Sau một lát, anh nó lại xấn xỏ nói:

- Nay tôi bảo thật, lần này là lần cuối cùng đấy... nếu cái thằng mặt chó ấy nó vác xác về đây thì cả ông cả bà liệu mà bảo nó đi đâu thì đi... biết chưa? Ông bà đã nghe chưa?... Tôi chỉ có một bố thôi nhé!... Năm nay tôi ngót ba mươi tuổi đầu rồi đấy mà chưa vợ chưa con gì cả, vẫn cô độc cô quả thế này là vì những ai?... ông bà có biết không? Nếu bà thương nó thì bà đi ngay

đi... có gì gói ghém ngay lại mà đi theo nó... đi ăn mày với nó... Rồi lại chả lo được ăn mày cả lũ cho mà xem à?... Nay mai nhà máy loại người thì biết ngay chứ khó gì...!

Mẹ nó đến bây giờ mới hậm hực nói:

-... Thì rồi tao bảo nó, việc gì mày phải vội mắng tao...? Mày không nuôi nó nữa thì thôi mà... để tao bảo nó mà... để tao đuổi nó đi mà... tao vẫn bảo.

Anh nó lần này quát lại to hơn trước:

- Vẫn bảo à? Vẫn bảo mà để mấy tháng nữa? Sao không bảo ngay đi có được không?

Bố nó bây giờ mới khế nói:

- Ở thì ở chứ mấy hôm nay nó có dám xin ăn xin uống gì đâu!

Anh nó ra ý tức đến cực điểm lại gắt:

- Thôi đi ông... ông đừng vào hùa nữa... Nó không ăn gì thì chó ăn à? Chó ăn cả đấy à...

Nghe đến đây, thằng Hai thấy trong mình sôi máu lên sùng sục. Nó những muốn nhảy xổ ngay vào nhà, giơ nạng lên mà phang cho anh nó luôn mấy cái, nhất là đến vỡ đầu sứt trán thì thôi. Nhưng anh nó bỗng lại thấy ngồi nhồm lên, vớ lấy cổ cái chai để trên bàn, nện xuống đánh "thình" một cái rồi giơ chai như muốn xía xói vào mặt ông bố:

- Để tí nữa nó về đây xem! Tôi sẽ hỏi nó xem mấy hôm nay, nó không ăn gì sao nó sống được... Tôi sẽ đập cái chai này vào mặt nó xem nó có phải nói thực không thì sẽ biết... muốn chối mà được à?

Hai Xuân rùng mình... Trống ngực nó bỗng thấy đập mạnh, hơi thở nó bỗng thấy hồng hộc, nó thở ra khò khè cả lỗ mũi. Rồi nó sợ hãi quá, sợ hãi quá đi mất, tưởng chừng như anh nó đã nghe thấy nó thở, đã biết là nó đứng đấy nên nhảy xổ ngay ra, cầm chai thẳng cánh giơ lên, toan đập vào giữa trán nó. Nó vội giơ tay lên như muốn đỡ, chống nạng gạt lùi mấy bước rất kinh hãi, ngẩn ngơ như kẻ mất hồn, như đã bị một thương vào trán thật. Trước túp lều tranh ấy, trong đám tối ấy, nó đứng ngậy người ra một lúc rất lâu. Rồi nó thấy ghê quá, sợ quá, không dám (...) (\*) gót lùi thối chống nạng bước đi, bước liêu đi chẳng biết đi đâu, trong lòng nửa buồn nửa tủi, phần thương bố mẹ, phần giận anh đau đớn đến tê dại cả người, nó cứ lùi thối bước đi, trốn tránh đi, buồn rầu như một con chó cụp đuôi mà chạy vì có người đuổi theo ném đá. Nó cứ lẩn mò trong tối, chống nạng mà đi, cứ đi thế mãi. Chợt nó đứng dừng lại, ngạc nhiên lắm, rồi tự hỏi: ta định đi đâu bây giờ?... Rồi nó đứng ỳ ra đấy, chẳng biết nghĩ sao. Nhưng sau nó nhớ ngay đến một chỗ bờ đê gần đấy có một cây nhãn rất to, dưới gốc mặt đất nhẵn lì vì ban ngày, những trẻ chăn trâu vẫn hợp nhau đánh đáo, cây cao bóng mát, có thể hựa với nó được một giấc ngủ no say, không phải lo gì đến chuyện rắn, rét. Nó lại trông thẳng mà bước chân đi, chưa được bao lâu đã thấy hiện ngay ra trước mắt nó cái bóng nhãn lù lù mà nó đang mong mỏi.

Nó ném mình vào chỗ tối ghê tối gớm ấy, tay quờ quạng tìm một rễ cây để gối đầu nằm kènh xuống đất, vắt tay lên trán mà thở hồng hộc như bò.

Chung quanh chỗ ấy, cánh đồng rộng thênh thang, lác đác vài nơi ngoi lên những rặng tre ló nhỏ, đều đăm đuối trong một bức màn dày, lúc đó càng thêm mù mịt vì những đám mây đen nghịt đã kéo đầu về, che lấp cả các ngôi sao.

Những tiếng "ộp oạp" đưa lên inh ỏi, những tiếng chó sủa vắng vắng lao xao, lại trên không, những đàn vạc ăn đêm thỉnh thoảng bay qua, đưa nhau kêu lúu ta lúu túu. Một cơn gió mát lạnh, đượm những hơi mưa, thổi điều hòa, đập rào rào vào vòm lá nhãn, khởi ra mùi bọ xít thoang thoang hôi nồng nặc.

Hai Xuân nằm lẩn dưới gốc, chân tay tuy đã mỏi như dầm mà mắt vẫn còn thao láo nhìn đêm, cái đêm tối tăm, đau khổ, cái đêm không giăng, không sao, cái đêm bí mật, nặng nề của những chuyện tự tử, quỳên sinh...

Thôi, từ đêm ấy trở đi, nó không còn mong gì bước chân về nhà nữa, nó đành phải bỏ túp lều tranh rách rưới, tòi tàn mà rất thân yêu ấy, bấy nay trong hai mươi mấy năm trời đã quay quần dưới mái nào cha, nào mẹ, nào anh và nó, đã đếm qua những ngày giờ vui sướng cũng như ngày giờ đau khổ, đã bao lần che chở cho nó được yên thân trong những cơn vũ bão tựa như lở đất long trời. Rồi đây, thân phận nó sẽ nổi, chìm, trôi, giạt, lênh đênh như những cánh bèo mặt nước, như những mảng bọt giữa sông; cái chân gỗ nặng nề đã phá tan trong óc nó mất mỗi hy vọng đến những ngày no ấm, đã bầy ngay ra trước mắt nó cái đoạn đời khốn nạn của người hành khất, lúc mưa cũng như lúc nắng, đến cửa nhà nào cũng chỉ như để đợi nghe cái câu bắt tử: "Không sẵn!... đi đi".

Đau lòng quá đỗi, thằng Hai tay bưng lấy mặt, khóc lên rưng rức. Chợt một cơn sấm động u ù làm nó sợ hãi đến bay hồn. Trên trời bấy giờ sấm chớp đùng đùng, gió thổi lại càng thêm mạnh. "Chết rồi! mưa bây giờ thì mình ra sao?... để thường số mình đến bị trời đánh chắc?" Nó vừa băng khuâng nghĩ thế thì đã thấy "lộp bộp" một vài hạt nước mưa to ném xuống như mấy tiếng dạo trong một khúc đàn rỗi, theo sau vài cơn gió mạnh, bài âm nhạc sầm sập, rào rào chỉ những tiếng gió thổi từng cơn, tiếng nước rơi rả rích kéo dài cái điệu buồn buồn mà tẻ ngắt vì không thay đổi, cái khúc âm nhạc rả rích "trời mưa".

Thằng Hai phải vớ nạng đứng ngay lên, tìm cách náu mình, lom khom ẩn dưới gốc cây. Thịnh thoảng, một vài giọt nước rơi vào mặt, vào đầu, vào gáy, vào lưng nó, làm nó rét run lên cầm cập mà dưới đất, những hạt mưa lăn tăn bắn lên chân nó làm nó thấy ngứa ngáy khó chịu vô cùng. Nhưng nó chỉ đành lom khom đứng yên một chỗ, lưng mỏi rã rời, chốc chốc ngáp dài một cái rồi lại nhìn đến cơn mưa, cái cơn mưa trút nước của những ngày hè uể oải, có dư sấm sét rất đáng lo ngại. Hai ba lần, nó phải bưng tai, nhắm mắt, trong lòng hồi hộp mà chờ cái chết vì ngay trên đầu nó thấy những cơn "ùng ục" dữ dội. Cũng may, những cơn ma chốc không bay đến ẩn mình vào cây nhãn ấy (?) nên những tiếng sét "đoành đoành" đi sau những giây chớp sáng quang đã tha cho nó, chỉ đánh xuống những nơi ở tận đâu xa.

Nó cứ đứng thế, mặt đất sũng nước đã ngập cả một bên chân nó tưởng chừng như mưa không bao giờ tạnh được. Nhưng độ một vài giờ sau thì hết cơn mưa.

Hai Xuân bấy giờ đã nhọc lắm, đến chân tay cũng không buồn cử động nữa. Rồi cái đói giúp cái nhọc nó chẳng còn bận tâm lo nghĩ chuyện gì, nó đổi chỗ đứng, một tay vòng nạng, một tay kê sau gáy để đỡ lấy đầu, nó cứ việc tựa lưng vào gốc nhãn, chống tay vào nạng gỗ mà đánh một giấc ngủ rất say sưa, cái giấc nguy hiểm của những người bụng đói như cào, có khi ngủ không dậy nữa.

Nó cứ đứng thế mà ngủ được mãi đến khi trời tang tảng sáng, mãi đến khi có một đàn kiến bị nước phá tổ nhung nhúc bò ra, một vài con đỏ như lửa mà to như hạt thóc bò lên bàn chân thịt của nó, cong đuôi đốt nó, noi nhói như kim châm. Hai Xuân bấy giờ mới vùng thức dậy, dụi mắt, rũ kiến rồi ngơ ngác nhìn cũng hơi ngạc nhiên vì mình đã ngủ, trời tuy đã sáng nhưng chung quanh nó, nó chẳng nom được rõ vật gì, nó chỉ thấy một màu trắng toát, một bức màn sương, nhưng vì nghĩ ngay đến chuyện về nhà, nó cũng cầm lấy nạng.

Trên đường đi lầm lụi mà trơn hơn rêu bám, thằng Hai lủi thủi chống nạng về nhà, đi giữa cái "đám rước" những cóc và giun, những con nòng nọc mới đứt đuôi lăn tăn nhảy trước mặt nó và những con giun đen xì xì, to như cái đĩa ngọ nguậy bò dọc bò ngang, vẽ trên đường đi những vết dài dài. Thằng Hai cứ việc bước đi, lồm bồm mà đi.

Về đến gần nhà, nó dừng chân lại đứng ngẫm nghĩ. Chắc hẳn bây giờ thế nào anh Cả nó cũng ra ga rồi, trời chưa sáng rõ là vì có sương, nó vào bây giờ chỉ còn việc là lạy từ cha mẹ. Nó đến cửa, khẽ gõ mấy cái vào phen thì cửa mở ngay. Mẹ nó có vẻ ngạc nhiên hỏi nó:

- Mày ngủ đâu về thế con?
- Dạ, tôi ngủ đằng nhà anh Xã.
- Thế à... Thế đã cơn nước rồi đấy chứ?
- Đã, anh ấy gọi tôi đánh chén vì hôm qua, anh ấy phát tài to.
- Sao quần áo mày ướt đầm cả thế kia?
- Nhà giệt.

- Sao tối hôm qua mày không về?

- Có, tôi có về. Anh Cả nói với thầy u những gì tôi đã biết hết... Tôi thấy thế nên tôi lại đi... Thế anh ấy đi làm chưa u?

- Nó đi rồi... vào, con...!

Theo sau tiếng thờ dài của mẹ, nó bước chân vào, ó! này lại... bố nó vẫn ngồi một chỗ như đêm hôm trước.

- Thầy đã dậy làm gì thế?

- Đã ngủ đâu mà dậy? Đêm qua có ai ngủ đâu?

Rồi bố nó cũng thờ dài như mẹ nó. Hai Xuân bấy giờ mới định nói thật, có nói vì thấy áp úng, khó khăn chẳng khác gì một đứa trẻ con bập bẹ:

- Thầy u ạ, tối hôm qua, anh ấy nói tôi những gì, tôi đã biết cả. Tôi về bây giờ là để lấy mớ quần áo cũ và cái thẻ của tôi để tôi đi đây... Tôi phải đi chứ tôi ở nhà thế nào được?

Rồi nó đứng cúi mặt nhìn xuống đất, trong lòng thật đau đớn, cổ cầm lấy nước mắt lúc đó đã thấy chạy quanh. Mỗi phút im lặng mà tưởng như rất lâu, bố mẹ nó vẫn không đáp nó, nó chỉ nhận được hai tiếng thờ dài ảo não vô cùng. Hai Xuân nói tiếp:

- Tôi cũng biết... thế này là phiền não cho thầy u lắm... thầy u chẳng nở, thầy u vẫn có bụng thương tôi, nhưng khổ nỗi là nếu ở nhà, tôi không làm gì kiếm ăn được... Thầy u có nuôi được tôi đâu? Tôi không đi cũng không xong mà...!

Mẹ nó vẫn đứng ngây người như một khúc gỗ, nó phải giục:

- Kia u! U lấy đi cho tôi... để tôi đi cho sớm sửa. Tôi đi thế này tôi cũng khổ lòng lắm, nhưng thôi, thầy u cũng chớ lo phiền, rồi dăm ba ngày một lần, tôi sẽ về thăm thầy thăm u, thầy u không sợ.

Mẹ nó bấy giờ đưa cho nó một gói nhỏ trong cái khăn bọc ngoài đã bạc phơ, bảo nó:

- Cả mấy cái quần áo cũ và cái thẻ u gói kín trong này đây, đừng bỏ mất đâu mà khổn.

Nó đỡ lấy gói, lần đến một góc nhà với một cái nón rách xuống, đội vào đầu:

- Thôi, thầy u ở lại, tôi đi đây... Tôi đi rồi tôi về luôn, đừng nói gì cho anh ấy biết.

Ông cụ ấy vẫn không đáp nó, chỉ nằm xuống giường để tay lên trán. Hai Xuân vừa bước chân ra khỏi nhà đã thấy bên trong bố khóc lên hậm hực. Nó đau lòng quá đổi, mẹ nó cũng theo nó bước ra, nắm chặt lấy nó như chẳng nở rời tay. Nó gương to con mắt nhìn cái mặt rần reo, đau đớn mà thân yêu ấy một lần cuối cùng, nhìn túp lều tranh âu sầu, ử dột, lúc đó cũng đang thánh thót rỏ lụy, rồi khẽ bảo mẹ:

- U buông con ra buông con ra cho con đi...

Bà cụ dờ dãn buông tay, ngơ ngẩn nhìn con, mi mắt và mồm như bị một cái gân tai ác giết lấy giết để. Rồi bà cụ đưa ngang cánh tay lên mặt. Hai Xuân tàn ngần đứng đấy, trông mẹ khóc mà cảm động quá, thương quá nhưng sau ý chừng cũng biết rằng đem nước mắt mà chống với cuộc đời thật chẳng lợi gì, nó dần lòng quay mình, mắt dăm dăm nhìn xuống đất, mặt có vẻ dữ tợn đáng ghét, nó rảo cẳng bước đi, bước thẳng đi một mạch.

Bà cụ mẹ nó, vẫn tay bưng lấy mặt, rung động hai vai, mãi đến lúc con đã đi xa mới mở mắt ra nhìn.

- Hai ơi!... ời Xuân ơi!... Xuân ơi...

Không biết bụng nghĩ ra sao mà bà cụ ấy gọi con rối rít, nhưng vì đã đi xa lắm, nó không nghe tiếng, cứ việc cầm cổ mà đi. Rồi thấy bà cụ ấy chạy theo con, vẫn ra sức gọi...

Thương thay! Mái tóc hoa râm đã điểm ngót 60 tuổi trên đầu mà bà cụ ấy vẫn chưa biết mình thân già tuổi yếu, ton ton chạy được vài mươi bước thì chỗ mặt đê trơn như đổ mỡ đã làm bà cụ té nhào xuống đất lấm hết từ đầu đến chân, nằm trong vũng nước đầy vừa run vừa khóc.

Bà cụ ấy ngã đau, đau lắm nhưng cũng cố gượng chống tay nghênh cổ mà nhìn, nhìn đến đứa con thân yêu kia, nhìn đến thằng Hai lúc ấy chỉ còn như một cái chấm trông thẳng về Cầu Sắt Hà Nội mà đi, dần dần biến mình vào đám sương mù.../.

Juillet 1931

VŨ TRỌNG PHỤNG

Ngọ báo, Hà Nội, s. 1196

(10 & 11.8.1931); s. 1197 (12.8.1931)

- Rút trong tập: Vũ Trọng Phụng, Chống nạng lên đường /chùm sáng tác đầu tay mới tìm thấy cuối năm 2000/ Lại Nguyên Ân sưu tầm, giới thiệu, chủ thích, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2001; tái bản có bổ sung, 2004.

(Nguồn: [vanchuongviet.org](http://vanchuongviet.org))